

## HOA NGHIÊM KINH THÁM HUYỀN KÝ

## QUYỂN 17

## Phẩm 33: LY THẾ GIAN

Giải thích văn này phân ra bốn môn giống như trước:

**A. Giải thích tên gọi có ba:** Một, Tên gọi của Phần, nghĩa là ở đây trình bày về tên gọi của phần Thác pháp tiến tu thứ ba, tức là dựa vào pháp thực hành tu tập thành tựu Chánh hạnh, cho nên thiết lập tên gọi này. Hai, Tên gọi của Hội, dựa theo Xứ gọi là Phổ Quang Trùng Hội. Nay vì sao ở nơi này mà Trùng Hội, bởi vì Phổ Quang trước đây là bắt đầu phát sinh hiểu biết, nay trình bày dựa vào hiểu biết(giải) phát khởi thực hành(hạnh), cho nên Trùng Hội ở đây. Nếu như vậy thì sao không ở Xứ thứ ba-thứ tư... cũng Trùng Hội? Giải thích: Trước là pháp phát sinh hiểu biết, có thể nhờ vào nhiều Xứ, nay chỉ dựa vào pháp trước đây mà thành tựu công hạnh, cho nên không nhiều Hội. Ba-Tên gọi của Phẩm có bốn: 1) Văn sau có mười nghĩa, đến phần ấy sẽ phân rõ; 2) Phiên dịch riêng biệt một bản tên gọi Độ Thế Kinh; 3) Lại có một bản tên gọi Phổ Hiền Bồ Tát Đáp Nạn Nhị Thiên Kinh; 4) Phẩm này gọi là Ly Thế Gian cũng có bốn nghĩa: a) Dựa theo vọng chấp là Thế gian, tức Không là Ly; văn trên nói tất cả các pháp thế gian đều sinh ra từ vọng tưởng, là các pháp vọng tưởng thì tánh ấy chưa hề có. b) Dựa theo duyên khởi là Thế gian, không có tự tánh cho nên gọi là Ly; văn trên nói pháp năm ấm ba đời nói tên là thế gian, pháp này do hư vọng mà có, không có là xuất thế gian. c) Dựa theo hạnh, nghĩa là thường ở Thế gian mà không phải Thế gian thâm nhiếp, cho nên nói là Ly. d) Dựa theo phần vị, trời-người là Thế gian, Nhị thừa là Ly; Nhị thừa là Thế gian, Bồ-tát là Ly; Bồ-tát phần đoạn-biến dịch đều là Thế gian, Phật quả cứu cánh mới lấy làm Ly. Nay ở đây phân rõ, vốn là hành tướng của sáu phần vị, hai phần vị nhân quả cùng ngay nơi thế gian mà không phải thế gian, cho nên nói là lìa xa. Trong phẩm trình bày về điều này, cho nên lấy làm tên gọi.

**B. Ý đưa ra cũng có ba:** Một, Đưa ra Phần, trước trình bày về phần tu nhân hợp với quả phát sinh hiểu biết, là đối với pháp khởi lên hiểu biết; nay trình bày về phần dựa vào pháp tiến tu hạnh đức, là dựa vào hiểu biết phát khởi thực hành, vốn là nghĩa theo thứ tự, vì vậy cần phải đưa ra. Hai, Đưa ra Hội, Hội thứ sáu trước đây trình bày về tu nhân hợp với quả phát sinh hiểu biết trọn vẹn đầy đủ, tiếp theo hiển bày về Chánh hạnh xử thế không có nhiễm ô, cho nên tiếp theo đưa ra. Ba, Đưa ra Phẩm, phẩm Tánh Khởi trước đây trình bày rõ ràng về tánh của quả thù thắng, nay trình bày về dựa vào Dụng ấy mà khởi hạnh, cho nên tiếp theo đưa ra.

**C. Tông thú có hai:** Một, Dựa theo chủng loại; Hai, Dựa theo nghĩa.

Trong phần một cũng có hai: Trước là dựa theo người, sau là dựa theo pháp.

Trước là dựa theo người, có Hóa chủ và Trợ hóa, Hóa chủ dùng Nội chứng-Hạnh hải làm Thể, Trợ hóa dùng Nhập định-Động địa làm Tướng, còn lại đều giống như trước.

Sau là trong pháp, trong Sự về Giáo, bởi vì tóm lược nêu ra hai trăm câu hỏi là Bốn, mở rộng giải đáp về hai ngàn là Tướng, ca ngợi thành tựu lợi ích chúng sinh là Dụng; trong Lý về Nghĩa, tánh hải bình đẳng là Thể, hạnh đức tính bằng vi trần là Tướng, cùng với Giáo tương ứng là Dụng. Còn lại ngay trong nhau (tương tức)... đều dựa theo đây.

Phần hai là dựa theo nghĩa có bốn: 1) Pháp; 2) Hành; 3) Đi cùng; 4) Phai mờ.

Trong phần một có hai: Trước là trình bày về Thế gian, sau là trình bày về Ly.

Trong phần trước là Thế gian có ba loại: Một, Dựa theo sự tướng của thế gian có hai: a) Khí thế gian; b) Năm uẩn thế gian. Đây là dựa vào Y-Chánh mà phân biệt, như luận khác nói. Hai, Dựa theo thô tế cũng có hai: a) Hữu vi thế gian; b) Vô vi thế gian. Đây là dựa vào Phần đoạn-Biến dịch làm hai, bởi vì Biến dịch không phải là ba Hữu thâm nhiếp, cho nên gọi là vô vi. Kinh Thắng Man nói: “Hữu vi sinh tử, vô vi sinh tử.” Chính là nghĩa này. Ba, Dựa theo nhiễm tịnh có ba loại: a) Khí thế gian; b) Chúng sinh thế gian; c) Trí chánh giác thế gian. Đầu là Sở y, tiếp là Sở hóa, sau là Năng hóa, như Địa Luận nói.

Phần sau là trình bày về Ly, có hai: Trình bày về Thế gian tức là Ly; Hai, Trình bày về Ly thuộc Thế gian.

Trong phần một có ba loại: a) Không giống nhau cho nên gọi là

Ly, như Trí chánh giác gọi là Thế gian, mà không giống với thế gian cho nên gọi là Ly; b) Lìa xa hướng về với nhau, như vô vi thế gian hướng về Phần đoạn, cũng gọi là Ly; c) Tánh tự lìa xa, như các thế gian đều không có tự tánh, xưa nay không có sinh ra, cho nên cũng gọi là Ly. Luận nói thế gian và Niết-bàn không có một chút phân biệt, cho nên thế gian tức là Ly.

Trong phần hai là vượt ra ngoài thế gian gọi là Ly, cũng có ba: Lìa xa không giống nhau và lìa xa hướng về với nhau, đều vượt ra ngoài thế gian khác, gọi là Ly; lý của tánh lìa xa cũng không phải thế gian thâm nhiếp, vì vậy đều gọi là vượt ra ngoài thế gian khác, mới trở thành Ly.

Trong phần hai là dựa theo Hành cũng có ba: Một, Hành thuận theo duyên khởi gọi là Thế gian, tự tánh vô sinh thì gọi là Ly; Hai, Hành có thể diệt trừ phiền não khiến cho rời bỏ thế gian, cho nên gọi là Ly; Ba, Hành thành tựu quả vi diệu vĩnh viễn vượt qua hai Tử, cho nên gọi là Ly. Ba loại này như thứ tự giống với ba Ly trước đây, lại giống với ba loại Phật tánh... suy nghĩ về điều này.

Trong phần ba là dựa theo đi cùng để phân rõ, lấy thế gian làm cảnh, Bi-Trí làm hạnh, dùng Bi mà thường đi giữa thế gian, dùng Trí mà luôn luôn lìa xa thế gian. Lại lấy thế gian cùng với tánh lìa xa không hai làm cảnh, Bi-Trí không hai làm hạnh. Cảnh và Hạnh dung thông cũng có ba câu: Một, Trí không ở đâu không có Bi mà thế gian không lúc nào không thể lìa xa, vì vậy thường ở thế gian mà luôn luôn vượt ra; Hai, Bi không lúc nào không có Trí mà lìa xa không ở đâu không phải thế gian, vì vậy luôn luôn vượt lên trên biểu hiện của thế gian mà không lúc nào không đi giữa thế gian; Ba, Cả hai dung hòa cho nên động-tĩnh không hai, chỉ là một niệm, gọi là vô niệm. Vì thế Bồ-tát vô niệm-không khởi niệm, thường đi giữa thế gian, thường ra khỏi thế gian, không có gì chướng ngại.

Trong phần bốn là cả hai không phải, cũng có ba: Một, Dựa theo cảnh thế gian cùng với lìa xa để so sánh làm mất đi cả hai; Hai, Bi và Trí cùng dung hòa, hai niệm cùng phai mờ; Ba, Hành tướng của cảnh dựa vào so sánh làm mất đi phạm vi giới hạn, bật dứt đối đãi-lìa xa ngôn từ không thể nói được. Suy nghĩ có thể biết. Hai ngàn hành tướng ở văn sau là nghĩa như vậy, suy nghĩ mà dựa theo.

**D. Giải thích văn:** Trong Hội này phân dài làm tám: 1) Phần Tựa; 2) Phần Tam-muội; 3) Phần Phát khởi; 4) Phần Thừa thỉnh; 5) Phần Thuyết giảng; 6) Phần Kết luận khuyến khích; 7) Phần Biểu hiện chứng minh; 8) Phần Kệ tụng.

Ngay trong phần thứ nhất là phần Tựa có ba: Một, Trình bày về Khí thể gian viên mãn; Hai, Hiến bày về Trí chánh giác thể gian viên mãn; Ba, Chúng sinh thể gian viên mãn.

Nghĩa phần một giải thích như trước.

Trong phần hai là thành tựu Đẳng Chánh Giác... đây là hai mươi mốt loại công đức của Thân thọ dụng, như Nhiếp Luận quyển thứ năm và luận Phật Địa quyển thứ hai đều giải thích rộng về văn này. Nay dựa vào hai luận ấy sơ lược nêu ra một phần ít, một câu đầu là tổng quát, hai mươi câu còn lại là riêng biệt.

Trong câu một là tổng quát có đủ hai mươi công đức thù thắng sau, cho nên gọi là Chánh giác, tức là phù hợp với Chánh lý mà hiểu rõ thông suốt. Lại lìa xa hiểu rõ của tà chướng mà gọi tên. Lại Chánh giác là dựa theo Lý trí, Đẳng giác là dựa theo Lượng trí, có thể biết.

***Trong riêng biệt:***

2) Không hai niệm, luận gọi là hiện hành không hai, là công đức thù thắng luôn luôn không có chướng ngại, bởi vì lìa xa hai chướng, khác với phàm phu-Tiểu thừa, bởi vì trú vào hai nơi. Lại giải thích: Đối với cảnh như thời gian-nơi chốn... xa xôi, vốn không có hai niệm về biết-không biết, tức là từ đó mà gọi là Đẳng chánh giác.

3) Vô tướng niệm, luận gọi là hướng đến Vô tướng, là công đức về phương tiện điều phục giáo hóa, mà khiến cho người khác hướng đến chứng được Niết-bàn Vô tướng. Lại giải thích: Gọi là công đức có thể tiến vào không hai, nghĩa là tự mình có thể tiến vào Chân Như thanh tịnh lìa xa Hữu tướng-Vô tướng, mà cũng khiến cho người khác tiến vào.

4) Trú trong pháp trú của Phật, là công đức về quán sát chúng sinh đã điều phục giáo hóa, nghĩa là trú trong Đại Bi mà thường xuyên quán sát về thế gian. Lại là công đức về tùy ý vận dụng Phật sự không ngưng nghỉ, mà luôn luôn trú trong Thánh Thiên và Phạm trú.

5) Giống như tất cả chư Phật, là công đức đạt được sự nghiệp tương tự tất cả chư Phật. Lại là công đức về dựa vào ý thích tác nghiệp không phân biệt ở trong Pháp thân, nghĩa là Trí dựa vào giống nhau, ý làm lợi ích chúng sinh giống nhau, nghiệp thuộc Báo-Hóa giống nhau cho nên nói là Đẳng.

6) Đến nơi vô ngại, là công đức về pháp đã đối trị vĩnh viễn đoạn mất, nghĩa là chứng được diệt hết tập khí của hai chướng, và tu đạo đối trị ấy mà thành tựu hiện rõ trước mắt.

7) Đạt được pháp Bất hoàn, là công đức về điều phục ngoại đạo,

nghĩa là chứng giáo pháp mà ngoại đạo không có thể lay chuyển, điều phục ngoại đạo là hiển bày về pháp thuộc Chánh đạo của mình.

8) Cảnh vô ngại, là công đức về điều phục ma oán, nghĩa là trong cảnh nghịch thuận không có thể làm chướng ngại tâm, và tám pháp thế gian không có thể cấu thúc chướng ngại.

9) Trú vào không thể nghĩ bàn, là công đức về an lập giáo pháp, nghĩa là các giáo thù thắng vượt quá tầm hiểu suy nghĩ mà không phải giáo khác có thể suy lường.

10) Lìa xa ba đời, luận gọi là pháp tánh bình đẳng trải qua ba đời, là công đức về ghi nhận riêng biệt ba đời, nghĩa là ghi nhận riêng biệt về quá khứ-vị lai đều như hiện tại, rõ ràng không trái ngược cho nên gọi là bình đẳng. Trong này, lìa xa là lìa xa ba đời, bởi vì ghi nhận không rõ ràng.

11) Thân hiện rõ khắp nơi ở tất cả thế giới, là công đức về cùng lúc ở khắp nơi tất cả thế giới thị hiện Hóa thân thọ dụng.

12) Nhận biết tất cả các pháp, luận gọi là Trí không nghi ngờ vướng mắc đối với tất cả các pháp, là công đức về đoạn bỏ tất cả nghi ngờ, nghĩa là đối với các pháp tự mình đoạn bỏ nghi ngờ, đạt được Trí quyết định, khiến cho người khác cũng đạt được.

13) Thành tựu đầy đủ tất cả Diệu hạnh, luận gọi là thành tựu Đại giác đối với tất cả các hạnh, là công đức về tiến vào các loại hạnh, nghĩa là tùy theo hữu tình đã giáo hóa mà thích hợp thị hiện Thân đồng loại, khiến cho họ tiến vào.

14) Vĩnh viễn diệt trừ nghi hoặc, là công đức phát sinh Trí thông hiểu về pháp vị lai, nghĩa là chũng tử thiện căn vi tế vượt qua cảnh giới của Nhị thừa, như chũng tử vàng ròng nhỏ bé trong gạch đá, những cảnh giới như vậy không trái ngược mà nhận biết tất cả.

15) Lìa xa thân hư vọng, luận gọi là không thể nào phân biệt, là công đức về tự thân không tạp nhiễm, nghĩa là không phải do phiền não-nghiệp khổ tạp nhiễm phân biệt mà khởi lên. Lại tùy theo Thắng giải ấy, như cảm ứng mà hiện thân, như ngọc Ma-ni, tuy không phân biệt mà do lực tăng thượng, cho nên hiện thân sắc vàng...

16) Có thể mang lại trí tuệ cho vô lượng Bồ-tát, luận gọi là Trí mà tất cả Bồ-tát đích thực mong cầu, là công đức về thành tựu Phật chũng không đoạn mất phương tiện, nghĩa là các Bồ-tát dựa vào phương tiện điều phục các hữu tình, đều do lực tăng thượng của Như Lai, mà được nghe pháp-tư duy và tu tập, theo thứ tự đạt được Diệu trí; Bồ-tát dị loại nhiếp thọ phó chúc lần lượt nối tiếp nhau không gián đoạn mà chuyển.

17) Trú vào bến bờ giải thoát không hai của Phật, luận gọi là được trú vào bến bờ giải thoát thù thắng không hai của Phật, là công đức về các Thân-các Độ đến cuối cùng thành tựu đầy đủ, nghĩa là Pháp thân không hai, Độ hạnh đầy đủ.

18) Đầy đủ cho đến pháp môn, luận gọi là không xen tạp với nhau, giải thoát và Diệu trí cứu cánh của Như Lai là Thân thọ dụng và Độ thọ dụng, tùy theo căn cơ ứng hiện không xen tạp lẫn nhau... Không có thể ngăn chặn hủy hoại ở luận này là không xen tạp ở luận kia.

19) Cứu cánh vô lượng vô biên, luận gọi là chứng pháp bình đẳng của Phật Địa không còn Trung biên, là công đức về phương xứ của ba Thân không có phạm vi giới hạn. Lại là chứng Chân Như cho nên lìa xa tướng Hữu vi-Vô vi và Trung biên, vốn xa rời tướng Trung biên của phương hướng-xứ sở. Phật Địa này ở trong câu sau. Lại giải thích: Bởi vì thế giới không có Trung biên, Phật hiện thân cũng không có Trung biên, không có Trung biên vốn chính là tổng quát về vô biên.

20) Giống như pháp giới, luận gọi là tận cùng pháp giới, là công đức về tướng của quả chứng đắc, nghĩa là tận cùng pháp giới thanh tịnh. Lại là tận cùng giới hạn của sinh tử, thường hiện khởi công đức làm lợi ích an vui cho tất cả hữu tình, nghĩa là dựa vào pháp giới thanh tịnh lưu truyền phát khởi kinh pháp, mà khéo léo làm lợi ích cho chúng sinh.

21) Giống như hư không, luận gọi là tận cùng tánh của hư không, tận cùng thời gian vị lai, tuy trải qua kiếp Thành-Hoại, mà hư không luôn luôn vô tận. Đây là giống với Thật đức của mình. Thời gian vị lai vô tận, hạn kỳ về Dụng thù thắng của hạnh Lợi tha, luôn luôn không ngừng.

Đầu Hội thứ hai chỉ có mười câu đầu, dựa theo đây giải thích có thể biết.

Hỏi: Trong kinh Phật Địa và kinh Giải Thâm Mật phân rõ về mười tám loại viên mãn của Độ thọ dụng, ca ngợi về Thân thọ dụng có hai mươi một loại công đức này, nay thân Phật này ở nước Ma-kiệt, tức là biến hóa, vì sao cũng đạt được đầy đủ công đức này? Giả sử Hóa thân này dựa theo Địa thượng thấy đầy đủ công đức này, thì tại sao thấy Phật mà không thấy Độ? Lại thân này Hóa tức là Báo, thì lẽ nào Bồ-tát Địa thượng không có thể thấy gồm đủ thân biến hóa hay sao? Đáp: Phải biết trong này dựa theo công đức của mười vị Phật, thấy tất cả năm phần vị, ở nơi đầy đủ nhiễm tịnh, bởi vì trong hai ngàn pháp cũng có bốn mươi phần vị Địa tiền, Địa tiền và Địa thượng đã thấy giống nhau, Ma-kiệt và Hoa Tạng dung hòa không hai. Còn lại nói như trước.

Trong phần ba là Chúng sinh thế gian viên mãn, có hai: 1) Nêu ra số lượng ca ngợi về đức; 2) Nêu ra tên gọi ca ngợi về đức. Cũng là trước nêu ra số lượng tổng quát ca ngợi, sau là nêu ra tên gọi riêng biệt ca ngợi.

Trong phần một có hai: Một, Nêu ra số lượng chọn lấy xác định; Hai, Từ “Cụ túc...” trở xuống là ca ngợi hiển bày về đức thù thắng.

Trong phần một: a) Nêu ra số lượng; b) Chọn lấy Đại khác với Tiểu; c) Chọn lấy Chung khác với Thỉ; d) Chọn lấy Khách khác với Chủ.

Trong phần hai là ca ngợi đức có hai: Trước riêng biệt ca ngợi, sau tổng quát kết luận.

Trong phần trước cũng có hai: a) Mười câu ca ngợi về đức Tự phần thuộc phần vị nhân; b) Từ “Ưu nhất niệm...” trở xuống là ca ngợi về đức Thắng tiến thuộc phần vị quả.

Trong phần a cũng có hai: Năm câu đầu là ca ngợi về đức thuộc Tuệ khéo léo; năm câu sau là ca ngợi về đức thâm nhiếp chúng sinh.

Trong năm câu đầu: Trước là câu tổng quát nêu ra, nghĩa là trong này nói đến một Bồ-tát tức là đã thành tựu đầy đủ trí tuệ phương tiện vốn có của tất cả Bồ-tát. Sau trong bốn câu riêng biệt hiển bày, có hai: Đầu là giải thích hai nghĩa trước, sau là cùng hiển bày công đức.

Trong mục đầu có hai: Một, Giải thích về thành tựu phương tiện, nghĩa là có đủ khéo léo điều phục chúng sinh tiến vào pháp này, cho nên nói là phương tiện; không để cho chúng sinh rơi vào địa vị của Nhị thừa, mà dù cho bước vào thì cũng khiến cho rời ra, cần phải làm cho chúng sinh trú vào trong pháp của Bồ-tát, cho nên gọi là phương tiện thù thắng khéo léo. Hai, Trong phần giải thích về trí tuệ trên đây có hai: 1) Lượng trí nhận biết về thế giới nhiễm tịnh sai biệt; 2) Lý trí quán sát thông hiểu về cảnh giải thoát chân thật. Lại giải thích: Câu trước nhận biết về tướng thế giới không giống nhau, câu sau nhận biết về hòa vào nhau-ngay trong nhau là cảnh giải thoát, như mười giải thoát..

Trong mục sau là hiển bày công đức, có hai câu: Một, Đức diệt chướng; Hai) Đức thành hạnh, nghĩa là nhờ vào Tuệ khéo léo trước đây, cho nên không có chướng nào không hết sạch, không có hạnh nào không đầy đủ, có thể biết.

Trong năm câu sau là hạnh thâm nhiếp chúng sinh: Trước là câu tổng quát nêu ra, nghĩa là khéo léo thâm nhiếp... là khéo léo hiểu rõ căn khí; tiến sâu vào vô lượng... là hiểu sâu xa về thuốc pháp. Sau trong bốn câu riêng biệt giải thích cũng có hai: Hai câu đầu là giải thích về hai

nghĩa trước, hai câu sau là hiển bày giáo hóa trở về Thế.

Trong mục trước có hai: Một, Trong giải thích về hiểu rõ căn khí:

1) Hiểu rõ chủng loại về Báo của chúng sinh sai biệt; 2) Nhận biết về những suy nghĩ trong tâm; 3) Nhận biết về Sử thuộc phiền não ấy có nặng nhẹ; 4) Nhận biết về căn cơ có Sinh-Thục-Hạ-Trung-Thượng...; 5) Nhận biết về cảnh giới sai biệt đã duyên vào của họ; 6) Nhận biết về phương tiện thích hợp tiến vào pháp của họ, lại cũng nhận biết là phương tiện khởi hạnh. Hai, Từ “Tam thế...” trở xuống là giải thích hiểu sâu xa về thuốc pháp trước đây, nghĩa là chư Phật ba đời thuyết giảng hiển bày về pháp thù thắng; khéo léo nghe là bởi vì nhanh nhẹn lắng nghe, thọ là bởi vì tiếp nhận, trì là bởi vì không quên, giảng giải rộng ra là bởi vì trao cho tất cả căn cơ.

Trong mục sau là giải thích giáo hóa trở về Thế: Một, Tuy có thể qua lại tiến vào vô biên thế gian để giáo hóa chúng sinh, mà luôn luôn vượt lên trên biểu hiện về xuất thế gian; Hai, Vì sao ở thế gian mà luôn luôn vượt ra, giải thích là bởi vì hiểu rõ Hữu vi tức là pháp giới không hai.

Trong phần b là đức Thắng tiến có mười một câu: Đầu là một câu tổng quát, nghĩa là nhanh chóng thành tựu quả Phật. Dựa vào phần Bát Tư Nghị Phật Cảnh Giới trong Hoa Nghiêm Tân Dịch, Văn Thù-Phổ Hiền... đều là chư Phật ở phương khác, bởi vì muốn làm Hội chúng cho Phật Tỳ-lô-giá-na mà hiện thân Bồ-tát, cho nên biết những vị này đều thật sự là chư Phật, vì vậy nói là đạt được Trí của tất cả chư Phật. Sau là riêng biệt hiển bày về Dụng của quả: 1) Tự hiện rõ thân Phật, nghĩa là niệm niệm không gián đoạn tận cùng thời gian vị lai, sẽ thị hiện thành Phật, tự làm Pháp chủ, thường làm Bồ-tát, hỗ trợ giáo hóa cho vị khác. 2) Có thể khiến cho vị khác thành Phật, nghĩa là dùng lực của phương tiện khéo léo thù thắng trở lại chuyển hóa chúng sinh, vì vậy nếu lúc phù hợp sẽ đạt được Đại Bồ-đề, thì chắc chắn sẽ đạt được. 3) Đạt được Trí tự tại, nghĩa là vô lượng vô biên cảnh hiện hành trong tâm của tất cả chúng sinh, cứ như vậy mà nhận biết tất cả đã là hiếm có, huống gì nay hòa vào một mà nhận biết tất cả, là trình bày về Trí đức ấy vô vùng tự tại. 4) Đạt được Thân tự tại, nghĩa là không tách rời quả vị mà hiện thân ở nhân vị. 5) Đạt được Vị tự tại, nghĩa là tuy hiện thân ở nhân vị mà không chuyển đổi Trí của quả, bởi vì nhân quả không hai. 6) Đạt được Hạnh tự tại, nghĩa là không rời bỏ Hạnh tùy theo Sự mà tiến vào Vô hạnh, bởi vì dựa theo Cảnh thì Lý-Sự vốn vô ngại, dựa theo Trí thì Tịch-Dụng vốn không hai. 7) Đạt được Bi tự tại, nghĩa là tuy đã thành Phật,



mà vì chúng sinh cho nên trải qua vô lượng kiếp thường tu hạnh Bồ-tát, chưa hề ngừng nghỉ. 8) Hiển bày về Đức tự tại, nghĩa là Tự tại này là vật báu hiếm có, vốn khó mà gặp được. 9) Nhiếp hóa tự tại, nghĩa là chuyển Pháp luân trình bày về Thể của pháp giáo hóa, điều phục là hiển bày về Dụng thù thắng của pháp, khiến cho đến được... là hiển bày về lợi ích đã thành tựu, thấy lý sâu xa thông suốt cho nên nói là trong suốt. Lại khiến cho lìa xa Sở tri chướng cho nên nói là Minh, khiến cho lìa xa Phiền não chướng cho nên nói là Tịnh, Trí soi chiếu pháp giới gọi là Pháp nhãn. 10) Kết luận giống như chư Phật, nghĩa là giống như chư Phật ba đời vốn có công đức thanh tịnh và đã trú vào địa vị, đã thành tựu hành tướng, đã phát khởi Đại nguyện, các Bồ-tát này thấy đều thành tựu, cho nên cùng với chư Phật không khác nhau.

Trong phần sau từ “Cụ túc...” trở xuống là kết luận về đức vô tận, có thể biết.

Trong phần hai là nêu ra tên gọi ca ngợi về đức, có ba: Một, Trong nêu ra tên gọi, hành tướng rộng khắp, tràn ngập pháp giới, cùng tên gọi là Phổ. Hai, Kết luận về số, có thể biết. Ba, Ca ngợi về đức có mười câu: Đầu là một câu tổng quát, nghĩa là đầy đủ được Hạnh vô biên và Nguyện vô chướng ngại của Phổ Hiền, đây là ca ngợi về đức của Phổ Hiền. Trong riêng biệt: 1) Hạnh nhiếp pháp Thượng thủ. 2) Hạnh thọ trì Chánh pháp. Hai câu trên ca ngợi về hạnh thuộc đức của Phổ Chánh Pháp. 3) Giáo hóa các chúng sinh khiến cho Phật chủng không đoạn mất, đây là đức của Phổ Hóa; lại giải thích là tiếp về sau còn có Phật xuất hiện, cho nên nói là Phật chủng không đoạn mất. 4) Nhận biết rõ ràng về pháp của chư Phật thứ tự thọ ký cho các Bồ-tát; lại giải thích là nhận biết thứ tự thọ ký chư Phật xuất thế sau khi chư Phật diệt độ, đây là đức của Phổ Tuệ. 5) Từ “Tùy chư...” trở xuống là hạnh thành Phật thuyết pháp, đây là đức của Phổ Nhân. 6) Hạnh tùy xứ thị hiện thân Phật, đây là đức của Phổ Quang. 7) Hạnh khiến cho lìa xa Hoặc nhiễm, đây là đức của Phổ Quán-Phổ Chiếu. 8) Hạnh có thể trừ bỏ nghiệp chướng, đây là đức của Phổ Tràng, cao vượt ra ngoài nghiệp chướng. 9) Hạnh khiến cho chứng được pháp giới, đây là đức của Phổ Giác. Chín loại trên đây, nếu nhìn theo Thệ nguyện đời trước đến nay thành tựu, thì chính là Nguyện của Phổ Hiền thâm nhiếp, như mười Đại nguyện..., dựa theo phối hợp nhận biết; nếu nhìn theo Duyên hiện tại mà dấy lên, thì chính là Hạnh của Phổ Hiền thâm nhiếp. Vì thế cho nên văn này cũng là Nguyện-cũng là Hạnh. Phần Tựa, xong.

Phần thứ hai từ “Nhĩ thời Phổ Hiền chánh thọ...” trở xuống là trình

bày về phần Tam-muội. Trong đó có hai: Trước là tiến vào Định, sau là phân rõ về lợi ích.

Trong phần trước: Phổ Hiền tiến vào, bởi vì là Hội chủ, biểu thị cho pháp của hạnh này rộng khắp mọi nơi, từ đây phát sinh vô biên hạnh ấy. Định Hoa Nghiêm sơ lược đưa ra bốn môn: Một, Giải thích tên gọi, dùng hạnh của nhân Hoa Nghiêm mà cảm tướng của quả khiến cho nổi bật. Hai, Thể tánh, hạnh môn pháp giới lấy tâm hải làm Thể, bởi vì Đẳng trì rộng lớn không có hạn lượng. Ba, Trình bày về nghiệp dụng, có hai: 1) Dựa vào đây nói rõ ràng về pháp Hoa Nghiêm, trong kinh Vô Lượng Thọ ca ngợi về đức của Bồ-tát, nói là: “Đạt được Tam-muội Hoa Nghiêm của Phật, tuyên thuyết về kinh điển của chư Phật.” 2) Dựa vào đây hiển bày rõ ràng về hạnh Hoa Nghiêm, trước đây nói: Các công đức về Thí-Giới-Nhẫn nhục-Tinh tiến-Thiền-Phương tiện-Trí tuệ, tất cả tự tại khó nghĩ bàn, vốn là thế lực của Tam-muội Hoa Nghiêm. Giải thích rằng: Bởi vì pháp của các hạnh sâu rộng nhiều loại, không thể nào giảng giải riêng biệt, cho nên nói là tất cả tự tại..., tức là hai ngàn pháp của hạnh ở văn sau. Bốn-Trình bày về phần vị, có bốn câu: 1) Nếu thâm nhiếp Thỉ đưa về Chung, thì ở Địa thứ mười mới đạt được, nói như Pháp Vân Địa; 2) Nếu thâm nhiếp Chung đưa về Thỉ, thì đạt được ở phần vị Tín đầy đủ tâm, nói như phẩm Hiền Thủ trước đây; 3) Nếu Thỉ và Chung vô ngại, thì ở khắp tất cả các phần vị, như hai thuyết trước đây mà không tách rời nhau, bởi vì Trung gian bao quát Thỉ-Chung ấy; 4) Nếu vượt lên trên bật dứt Thỉ-Chung thì toàn bộ không dựa vào phần vị, như trong văn này, chỉ dựa theo pháp của hạnh để phân rõ về tướng ấy.

Trong phần sau là tướng lợi ích, có hai: Một, Mặt đất rung động làm cho kinh hải mà hiểu rõ cơ duyên; Hai, Phát ra tiếng để làm cho nghe thấy pháp âm, đây cũng chính là nghiệp dụng của Tam-muội. Vì sao trong này không có phần Gia hộ, là bởi vì đã hiển bày về pháp của hạnh dựa vào hiểu biết(giải) trước đây mà khởi lên, chứ không có pháp nào khác. Nếu như vậy thì tại sao lại cần phải tiến vào Định, nghĩa là bởi vì thâm nhiếp hiểu biết mà thành tựu hạnh, do đó cần phải tiến vào Định; pháp không khác với trước, vì vậy không cần phải Gia hộ. Phần Tam-muội, xong.

Phần thứ ba là phần Phát khởi, bởi vì sự việc Tam-muội kết thúc, đã đến lúc thuyết giảng, mà trong Định không có ngôn từ giảng giải, vì thế cho nên Phát khởi. An tướng là đáng vẻ khoan thai tướng tận, nghĩa là từ trong Định đứng lên rồi, ý niệm không tán loạn, cho nên nói là an

tường.

Phần thứ tư từ “Nhĩ thời Phổ Tuệ...” trở xuống là trình bày về phần Thưa thỉnh, trong đó có ba: Một, Tổng quát nêu ra ý thưa hỏi; Hai, Chính thức phân rõ về lời thưa hỏi; Ba, Kết thúc thưa thỉnh mong mỗi thuyết giảng.

Trong phần một: Vì sao các Hội trước nhập Định trước thưa hỏi, Hội này thì không như vậy, là bởi vì các Hội trước thuận theo tướng nhập Định thật sự mà thành tựu Chánh giải, trong Hội này dựa vào Thể phát khởi mà thành tựu Chánh hạnh, cho nên không giống nhau. Lại trước lúc chưa nhập Định, bởi vì Đại chúng không biết ai là người thuyết pháp, cho nên trước phải nhập Định này, khiến cho Đại chúng biết Hội chủ mà bắt đầu thưa hỏi. Vì sao Phổ Tuệ thưa hỏi, là bởi vì biểu thị cho Tuệ có thể đầy đủ pháp giới mà phát khởi. Vì sao một người thưa hỏi, là bởi vì biểu thị cho pháp của hạnh này đều một mình thành tựu. Nhận biết các Bồ-tát vân tập, là bởi vì nhận biết đã đến lúc thưa hỏi, nhận biết duyên hiển bày về pháp đã đủ; đây là trình bày về chỗ dựa để thưa hỏi. Thưa hỏi Phổ Hiền, là bởi vì pháp của hạnh vô tận từ khắp nơi pháp giới mà phát ra.

Trong phần hai trình bày về pháp đã thưa hỏi có hai trăm câu, hạnh riêng biệt ấy như trong kinh Độ Thế. Trong kinh ấy riêng biệt đưa ra sáu lần thưa hỏi, cũng đưa ra sáu lần giải đáp. Từ xưa đến nay tương truyền đều dựa vào văn ấy, vì vậy giải thích về kinh này, cũng làm thành sáu đoạn: 1) Hai mươi câu thưa hỏi về hạnh của Thập Tín; 2) Từ “Hà đẳng phát Phổ Hiền tâm...” trở xuống là hai mươi câu thưa hỏi về hạnh của Thập Trú; 3) Từ “Hà đẳng vi trì...” trở xuống là ba mươi câu thưa hỏi về hạnh của Thập Hạnh; 4) Từ “Hà đẳng vi Bảo trú...” trở xuống là hai mươi chín câu thưa hỏi về hạnh của Thập Hồi Hương; 5) Từ “Hà đẳng thân nghiệp...” trở xuống là năm mươi câu thưa hỏi về chứng hạnh của Thập Địa; 6) Từ “Hà đẳng vi quán sát...” trở xuống là năm mươi một câu thưa hỏi về hạnh trong phần vị cứu cánh nhân viên quả mãn. Kinh này từ trên xuống dưới gồm có ba lượt, giải thích trong sáu phần vị. Đây là lượt thứ hai dựa theo hạnh giải thích về sáu phần vị, bởi vì hạnh Phổ Hiền bao gồm sáu phần vị. Vì vậy kinh Độ Thế nói: “Chỉ vì Giải mà thuyết giảng về Hạnh của các Bồ-tát, từ đầu đến cuối, khiến cho không nghi ngờ gì.” Sáu đoạn trong kinh ấy tuy không phối hợp với sáu phần vị như Tín..., nhưng đã nói từ đầu đến cuối, lại ở sau cuối trình bày về thành tựu quả Phật là cuối cùng, vì vậy biết đầu tiên thì hạnh của Tín là bắt đầu. Điều này không cần phải nói, cho nên biết

chắc chắn là dựa theo sáu phần vị mà thôi.

Trong phần thứ năm từ “Nhĩ thời Phổ Hiền...” trở xuống là trình bày về phần Thuyết giảng: Một, Tổng quát nói cho biết; Hai, Chính thức giải đáp. Đối với hai trăm câu hỏi trước đây, mỗi một câu đều dùng mười môn để giải đáp, bởi vì có pháp của hai ngàn hạnh. Giải thích về pháp của hai ngàn hạnh Phổ Hiền này, tóm lược đưa ra năm môn: 1) Dựa theo nhân quả; 2) Phân biệt về hạnh vị; 3) Hiện bày tất cả riêng biệt; 4) Trình bày về thâm nhiếp lẫn nhau; 5) Phân rõ về hành tướng.

**Ngay trong môn một có bốn câu:** Một, Dựa theo phần vị Đại mà phân biệt, năm phần vị... trước toàn bộ là hạnh thuộc nhân, sau thành Phật... toàn bộ là hạnh thuộc quả. Hai, Dựa theo vi tế mà phân rõ về hạnh thuộc hai trăm môn, mỗi một môn đều thấu suốt đến quả Phật, vì vậy cuối các văn đều kết luận rằng tức là đạt được quả Phật... Vậy thì đều bao gồm hai phần vị nhân-quả. Ba, Hoặc là toàn bộ thuộc về phần vị của nhân, bởi vì trong phần vị Phổ Hiền cũng thị hiện thành Phật thâm nhiếp chúng sinh... Bốn, Hoặc là toàn bộ thuộc về phần vị của quả, bởi vì văn sau phần nhiều nói là tuy được thành Phật mà không gián đoạn công hạnh của Bồ-tát, vì vậy hạnh này đều là hạnh thuộc quả.

**Môn hai phân biệt về hạnh vị,** nói hai ngàn hạnh này là hạnh chân thật phù hợp với phần vị, phần vị thu nhận hạnh thành tựu, phần vị hư giả mà hạnh chân thật, cũng có bốn nghĩa: Một, Thu nhận hạnh thành tựu phần vị, thu nhận hai ngàn hạnh này phân ra thành sáu phần vị. Hai, Toàn bộ thuộc về phần vị thu nhận, bởi vì hạnh đều là hạnh trong phần vị. Ba, Toàn bộ thuộc về hạnh thâm nhiếp, bởi vì Thể của hạnh Phổ Hiền không dựa vào phần vị, chỉ có Tự phần và Thắng tiến tức là cứu cánh. Bốn, Một hạnh có khắp sáu phần vị, một phần vị bao gồm hai ngàn hạnh, như vậy vô ngại mà không hư hoại trước sau, vốn là hạnh Phổ Hiền.

**Môn ba hiện bày tất cả riêng biệt,** nghĩa là một hành tướng chắc chắn có khắp tất cả, nhưng mà luôn luôn không xen tạp, không xen tạp cho nên nghĩa riêng biệt là phần căn bản, chắc chắn có khắp cho nên nghĩa tất cả thu nhận đầy đủ, giống như gấm vóc-nét vẽ-đỏ tím từng loại riêng biệt mà có thể trở thành bức tranh, đỏ tím kéo dài cùng dệt mà không phải là thêu. Nên biết hành tướng trong này cũng như vậy, ngay nơi tất cả là riêng biệt, ngay nơi riêng biệt là tất cả, đều không có gì chướng ngại, suy nghĩ có thể thấy. Nếu như vậy thì đây là đầy đủ tất cả và riêng biệt, vì sao chỉ gọi là hạnh Phổ Hiền? Giải thích: Không phải nói là giữ lấy tất cả mà không có thể riêng biệt, cũng không phải

đưa ra riêng biệt mà mất đi tất cả, thật sự nói là có thể riêng biệt mà không hư hoại tất cả, chính là Phổ hiền.

**Môn bốn trình bày về thâm nhiếp lẫn nhau**, có bốn lớp: Một, Dùng phần vị thu nhận phần vị, bởi vì mỗi một phần vị trong sáu phần vị đều thu nhận tất cả phần vị, cho nên một phần vị cũng có đủ hai ngàn hạnh, thành ra một vạn hai ngàn hạnh. Trước đây nói ở trong một Địa thâm nhiếp rộng khắp tất cả công đức của các Địa, chính là nói đến nghĩa này. Hai, Dùng môn thu nhận môn, tức là mỗi một môn trong hai trăm môn đều thu nhận tất cả các môn, thì thành ra hai trăm lần hai trăm, là tám vạn hạnh. Ba, Dùng hạnh thu nhận hạnh, tức là mỗi một hạnh trong hai ngàn hạnh đều thâm nhiếp tất cả các hạnh, thì thành ra hai ngàn lần hai ngàn, vượt qua những tên gọi như Úc-Triệu... Bốn, Dùng tóm lược thâm nhiếp mở rộng, như vậy hai ngàn hạnh... đã nói, sau tụng kết luận rằng: Như nói đến một mảy bụi của mặt đất. Vì vậy nói tóm lược về một mảy bụi, không tách rời mặt đất rộng lớn khắp mười phương, cho nên thâm nhiếp mở rộng cũng không có gì không cùng tận. Đây chính là giống như pháp giới không có cuối cùng, vượt lên trên hư không không có giới hạn. Sau nói là hư không vẫn có thể lường tính, đức của Bồ-tát không cùng tận, chính là nói đến nghĩa này.

**Môn năm phân rõ về hành tướng**, tùy theo văn giải thích nên biết.

Ngay trong hai ngàn hạnh này, dựa vào sáu phần vị trước tức là phân làm sáu đoạn, như trước nên biết.

**Đoạn lớn thứ nhất:** Hai trăm câu giải đáp hai mươi câu hỏi về Tín trước đây, trình bày về hạnh của phần vị Tín. Trong đó phân ba: Một, Chín mươi câu trình bày về hạnh thuộc Tự phần đầy đủ; Hai, Từ “Thập chủng nhập...” trở xuống là tám mươi câu trình bày về hạnh thuộc Thắng tiến tròn vẹn; Ba, Từ “Thập chủng bất khả hoại trí...” trở xuống là ba mươi câu trình bày về hai hạnh cứu cánh.

Ngay trong phần một là chín mươi câu trình bày về hạnh thuộc Tự phần.

**Trong mười câu thứ nhất:** Vì sao đầu tiên trình bày về Y quả, bởi vì vắng lặng (Tịch) là đứng đầu làm chỗ dựa để phát khởi hạnh này.

Trong văn có bốn mục: 1) Đưa ra số lượng tổng quát nêu rõ; 2) Nêu ra tên gọi giải thích về nghĩa; 3) Kết luận về phạm vi giới hạn của thuyết giảng; 4) Ca ngợi thù thắng khuyến khích tu học. Sau trong các văn phần nhiều đều đầy đủ bốn phần này, cũng có nơi không đầy đủ, đến văn sẽ biết.

Nói Y quả, là chọn lấy quả không phải từ nhân mà sinh ra, cũng không phải quả của thế giới Y báo, mà chỉ là các hạnh, hoặc là dựa vào trước phát khởi sau, hoặc là dựa vào lẫn nhau, đều có thể tăng trưởng mà lấy làm tên gọi, tức là quả dựa vào nhau gọi là Y quả. Lại giải thích: Như Y quả thuộc thế giới là chỗ dựa của chúng sinh, Y quả nếu hủy hoại thì mất đi chỗ dựa, Chánh báo không tồn tại. Nay Bồ-tát cũng như vậy, dùng mười pháp này làm chỗ dựa, Y quả này nếu đoạn tuyệt thì mất đi chỗ dựa không phải là Bồ-tát, như quên mất tâm Bồ-đề thì không phải Bồ-tát. Vì vậy trong văn chọn lấy không quên mất để giải thích về thành tựu.

Trong mười câu đều trước là nêu ra tên gọi, sau là giải thích về nghĩa: 1) Câu đầu là tổng quát, bởi vì tâm Bồ-đề là căn bản của vạn hạnh, cho nên đứng đầu hai ngàn hạnh. Chỉ riêng tâm này kiến lập đầu tiên, nghĩa là dựa vào tâm Bồ-đề không quên này, mới khiến cho những hạnh khác đều được sinh trưởng. 2) Tuy bên trong có tâm thù thắng, nhưng nếu bên ngoài không có thiện hữu, thì hạnh cũng không có thành tựu; nếu không thuận theo giống như thiện hữu, thì không có công đức, tức là không phải Y quả; vì vậy cần phải dùng tùy thuận hòa hợp để giải thích thành tựu về Y quả. 3) Tuy gặp được thiện hữu, nhưng nếu đời trước không có thiện căn, thì không thể nào thuận theo tu tập; lại cũng bởi vì những chướng ngại khác như bệnh tật...; vì vậy cần phải dựa vào thiện căn đời trước để tăng thêm hạnh mới. 4) Tuy có thiện căn đời trước, nhưng nếu không có được pháp hành của các Độ, thì không có cách gì thành tựu tu tập. 5) Tuy có được pháp hành, nhưng nếu không thông hiểu thấu suốt đối với Lý pháp, thì gặp phải điều gì cũng chướng ngại, vì vậy dựa vào tất cả các pháp đều có thể vượt ra. 6) Tuy đạt được Lý pháp, nhưng nếu không có Đại nguyện thì sẽ đắm theo vắng lặng, không tăng thêm Bồ-đề. 7) Tuy có hạnh của Tự phần, nhưng nếu không Thắng tiến mở rộng tu tập, thì không biết từ đâu mà cứu cánh. 8) Tuy bên trong có đủ hai hạnh, mà bên ngoài cần phải dựa vào bạn bè xuất sắc, bởi vì Bồ-tát Nhất sinh làm anh-làm thầy đối với những Bồ-tát khác, mới có thể làm chỗ dựa, đây là dựa vào cuối cùng mà nói. 9) Tuy dựa vào Bồ-tát, nhưng đúng lý nên phát khởi cúng dường đối với Phật, để thành tựu niềm tin vững vàng. 10) Chủ yếu chỉ có Như Lai là chỗ dựa cứu cánh, bởi vì đối với Bồ-tát có thể đích thực giảng dạy khiến cho lìa xa trái ngược; lại vốn là có thể đích thực giảng dạy, vốn là lìa xa trái ngược giảng dạy.

Trong mục bốn là ca ngợi thù thắng khuyến khích tu học, Phật

dùng Trí thuộc quả Vô thượng làm chỗ dựa của quả, Bồ-tát trú trong mười pháp này, thích hợp cũng đạt được quả ấy, cho nên nói như vậy. Lại giải thích: Một là Bồ-tát chưa hề không dựa vào tâm Bồ-đề, bởi vì luôn luôn không quên; hai là Bồ-tát chưa hề không dựa vào thiện hữu, bởi vì thường xuyên tùy thuận và hòa hợp; ba là Bồ-tát chưa hề không dựa vào thiện căn, bởi vì thường xuyên nuôi lớn. Còn lại cũng dựa theo như vậy.

**Thứ hai:** Mười loại Tưởng lạ lùng(kỳ đặc), trước dựa vào nhân duyên để thành tựu các hạnh, nay dựa vào Tưởng thù thắng để thâm nhiếp thiện căn.

Trong mười câu: 1) Bởi vì tùy hỷ với thiện căn của người làm thiện căn của mình, cho nên nói là lạ lùng. 2) Thiện của phàm phu Tiểu thừa... đều có thể thành Phật, cho nên nói là chung tử. 3) Cho đến Xiển-đề đều là căn khí Bồ-đề, bởi vì đều có Phật tánh. 4) Bởi vì nguyện của tất cả Bồ-tát giống như nguyện của mình. 5) Bởi vì tất cả các pháp vốn là tánh thanh tịnh chứ không phải sinh tử. 6) Bởi vì người cùng Thể với mình, hạnh của người tức là hạnh của mình; lại người đã thực hành là pháp thực hành của mình, cho nên phát sinh ý tưởng là mình. 7) Tất cả các pháp tức là Chân Như, lại tất cả các pháp đều có thể thành tựu giác ngộ, cho nên nói là Phật pháp. 8) Tất cả ngôn ngữ đều có thể làm Pháp luân, cho nên nói là Đạo. 9) Nhận biết thiện căn của Bồ-tát đều là Thể Từ Bi của chư Phật phân ra, cho nên nói là Từ Phụ. 10) Nhận biết tất cả Như Lai đều cùng một Thể, cho nên nói là không hai. Mười loại này đều là Tưởng vượt ra ngoài ý nghĩ, cho nên nói là lạ lùng. Nếu đạt được Tưởng này thì đạt được Tưởng có thể chuyển tất cả các pháp, bởi vì tất cả các pháp đều chuyển theo Tưởng, đây là đức của Phật.

**Thứ ba:** Mười loại Hạnh, bởi vì dựa vào hiểu biết về Tưởng thù thắng mà khởi lên Đại hạnh này, cho nên tiếp theo trình bày.

Trong mười câu: Bốn câu đầu là hạnh về Giới, trong đó hai câu trước là Nhiếp chúng sinh giới, một câu tiếp là Luật nghi, một câu sau là Nhiếp thiện. Một câu tiếp hạnh về Tam-muội. Hai câu tiếp là hạnh về Trí tuệ, một là Gia hạnh, hai là Chánh chứng. Một câu tiếp là hạnh về trang nghiêm Phật độ. Hai câu sau cuối là hạnh về Báo ân.

**Thứ tư:** Có mười Thiện tri thức, bởi vì hạnh phát khởi thì nhất định phải nêu rõ dựa vào thiện hữu, cho nên tiếp theo trình bày.

Trong mười câu: 1) Khiến cho phát tâm kiên cố; 2) Khiến cho thường xuyên tu thiện; 3) Khiến cho đầy đủ Độ hạnh; 4) Khiến cho đạt được Trí hạnh; 5) Khiến cho thành tựu Bi hạnh; 6) Hạnh có đủ Biện tài;

7) Hạnh không có nhiễm trước; 8) Hạnh không có chán ngán mệt mỏi; 9) Thành tựu hạnh rộng khắp; 10) Tiến vào Trí của Phật.

**Thứ năm:** Có mười Tinh tiến, tuy gặp được thiện hữu, nhưng nếu không thúc đẩy chịu khó thì không biết từ đâu mà tiến tới thực hành, cho nên tiếp theo trình bày. Trong này, ý là bởi vì nghĩa gì mà tu hạnh Tinh tiến này? Bởi vì muốn làm mười loại việc làm này. Trong đó, tiến vào tất cả các pháp là Trí chứng nhập, khiến cho chúng sinh trừ diệt điều ác là trừ diệt nhân khổ của điều ác. Còn lại như văn hiển bày.

**Thứ sáu:** Có mười Hy vọng chính đáng, bởi vì Tinh tiến trước đây, mong mỗi muốn cho mình và người, khiến cho hạnh đến nơi cuối cùng, cho nên tiếp theo trình bày.

Trong mười câu: Một câu đầu dựa theo hạnh căn bản. Hai câu tiếp dựa theo lìa xa lỗi lầm. Hai câu tiếp dựa theo hạnh thành tựu, một là hạnh thuộc nhân, hai là hạnh thuộc quả. Ba câu tiếp dựa theo chứng nhập, một là chứng Vị, hai là chứng Pháp, ba là chứng Đạo, nghĩa là nhờ vào chứng Pháp cho nên lìa xa bài báng. Hai câu sau cuối dựa theo Thắng tiến thuộc quả Phật, một là đầy đủ Nguyên của Phật, hai là trọn vẹn Trí của Phật. Nói hy vọng về Đại Trí bình đẳng Vô thượng, là Phật Địa không có công dụng, cho nên nói là bình đẳng; thâm nhiếp chúng sinh vô tận cũng nói là hy vọng.

**Thứ bảy:** Có mười Pháp thành tựu chúng sinh, ở đây có hai nghĩa: Một, Bởi vì mười pháp này dùng thay cho nhau để thành tựu tất cả chúng sinh; Hai, Phân biệt thành tựu về một loại chúng sinh.

Trong mười câu riêng biệt: 1) Thành tựu chúng sinh nghèo khó tham lam keo kiệt; 2) Chúng sinh kiêu mạn; 3) Chúng sinh ngu si; 4) Chúng sinh hung ác; 5) Chúng sinh tham ái; 6) Chúng sinh vui thích Nhị thừa; 7) Chúng sinh không chán ngán thế gian; 8) Chúng sinh không mong mỗi quả Phật; 9) Chúng sinh trở về dựa vào tà pháp; 10) Chúng sinh xảo trá thuận theo tà trí. Dùng mười pháp này, như thứ tự giáo hóa, khiến cho chúng sinh tiến vào đạo, cho nên nói là thành tựu.

**Thứ tám:** Có mười Giới, bởi vì dựa vào mười pháp thành tựu chúng sinh trước đây, không có điều ác nào không lìa xa, không có điều thiện nào không tích lũy, cho nên tiếp theo trình bày.

Trong mười câu này, câu một là nếu tâm Bồ-đề hủy hoại mất đi thì chính là phá giới của Bồ-tát, cho đến câu mười là nếu đắm vào giữ lấy thân Như Lai thì chính là phạm giới. Còn lại cũng dựa theo như vậy. Mười loại này tùy theo sự thích hợp, do ba Tụ thâm nhiếp.

**Thứ chín:** Có mười loại Tự mình biết thọ ký, dựa vào thành tựu



đức lia xa lỗi lầm trước đây, tự nghiệm xét về công hạnh của mình, chắc chắn sẽ đạt được quả, quyết định không nghi ngờ gì, cho nên nói là tự mình biết thọ ký.

Trong mười câu: 1) Tự mình nghiệm xét về tâm Bồ-đề, mà luôn luôn không chuyển đổi. 2) Tự mình nghiệm xét về khổ hạnh của Bồ-tát đã tu, mà không có gì thỏa mãn. 3) Giả sử đã tu trải qua nhiều kiếp, mà nói là dường như trong khoảnh khắc. 4) Tự mình nghiệm xét mà không làm trái giáo pháp của Phật. 5) Tự mình nhận biết về pháp sâu xa mà Phật đã thuyết giảng, cho nên tin tưởng quyết định. 6) Tự mình nhận biết về thiện căn đã tu, cho nên đều đầy đủ. 7) Tự mình nhận biết có thể khiến cho chúng sinh trú vào tâm Bồ-đề. 8) Tự mình nhận biết đối với thiện hữu không trái với lời chỉ dạy của họ, mà cùng chung thiện căn, như Thiện Tài... 9) Tự mình nhận biết đối với thiện hữu khởi lên tưởng như Phật mà thành tựu. 10) Giữ gìn Đại nguyện Bồ-đề cho nên luôn luôn không quên. Đối với mười hạnh này, tự mình nghiệm xét có một hạnh thì biết chắc chắn sẽ được Phật thọ ký.

**Lại trong luận Du Già Bồ-tát Địa nói:** “Bồ-tát được Phật thọ ký do sáu tướng: 1) An trú trong chủng tánh thuộc phần vị chưa phát tâm. 2) Phần vị đã phát tâm. 3) Trú trong hiện tiền. 4) Không trú trong hiện tiền. 5) Có thời hạn nhất định, nghĩa là trải qua thời gian như thế sẽ chứng Bồ-đề. 6) Không có thời hạn nhất định, nghĩa là không nói về thời hạn và thọ ký.”

**Lại trong kinh Thiện Giới nói:** “Không phải chỉ riêng người có chủng tánh mới được thọ ký, mà không phải chủng tánh cũng được thọ ký.” Giải thích rằng: Như Bồ-tát Thường Bất Khinh kính trọng bốn chúng và thọ ký, là dựa theo người không phải chủng tánh, xa cũng sẽ đạt được cho nên cũng thọ ký. Như ghi nhận trong Thập Tín là người có chủng tánh, bởi vì dựa theo chủng tánh quyết định. Như từ phát tâm trở đi quyết định không lui sụt, vốn là phần vị Tam Hiền, như Nhiếp Luận quyển thứ sáu nói: “Bồ-tát Thập Hạnh gọi là thọ ký.” Địa thứ nhất trở lên chứng lý thành tựu cho nên thọ ký, như Địa Luận nói: “Như thọ ký trong Địa thứ tám vốn là thành tựu hạnh không có công dụng, như ở bên Phật Nhiên Đăng được thọ ký...” Mười loại trong này dựa theo Viên giáo, bao gồm các phần vị; dựa vào Thủ giáo là ở trong Thập Tín. Nghĩa còn lại nói như riêng biệt.

Trên đây là chín mươi câu trình bày về hạnh thuộc Tự phần, xong.

Phần hai từ “Thập chủng nhập...” trở xuống là tám mươi câu phân

rõ về hạnh thuộc Thắng tiến. Trong đó: Thứ nhất là mười Nhập, đã thành tựu về hạnh thuộc Tự phần, tiếp theo trình bày về tiến vào những nơi đã tiến vào của hạnh thuộc Thắng tiến, Nhập cũng là Chứng-cũng là Đắc.

Trong mười câu: Hai câu đầu là tiến vào Đại nguyện hạnh; 3) Tiến vào tám vạn bốn ngàn pháp tụ... 4) Tiến vào mười Độ... 5) Tiến vào hạnh vị viên mãn cho nên nói là cụ túc; 6) Tiến vào Đại nguyện sai biệt; 7) Chứng nhập chân tánh; 8) Tiến vào quốc độ trang nghiêm; 9) Tùy tâm hiện bày thần lực; 10) Tiến vào tất cả thế giới thị hiện sinh ra.

**Thứ hai:** Mười loại Thâm nhập Như Lai, trước đây trình bày tiến vào cảnh thuộc nhân, nay trình bày chuyển sang thù thắng tiến vào cảnh thuộc quả.

Trong mười câu: Đầu là một câu thị hiện thành tựu Bồ-đề, tiếp là tám câu dùng ba Luân để nhiếp hóa, sau cuối là một câu thị hiện nhập Niết-bàn. Trong tám câu: Bốn câu đầu là ngữ nghiệp, một là tổng quát nêu ra Pháp luân, hai là pháp phương tiện khéo léo đã chuyển, ba là diệu âm có thể chuyển, bốn là chính thức điều phục chúng sinh. Hai câu tiếp là thân nghiệp, một là dựa vào thân hiện bày thân thông, hai là hiện bày nhiều thân khác nhau. Hai câu sau là ý nghiệp, một là Định, hai là Tuệ. Lại bởi vì chư Phật ba đời, cũng đều như nhau thực hiện tác dụng như vậy, cho nên nói là cũng cùng tiến vào. Trong này, trong Tín cũng đạt được pháp này, vốn là hành tướng Phổ Hiền trong Viên giáo.

**Thứ ba:** Có mười loại Tiến vào tâm hành của chúng sinh, trước đây là hướng lên trên tiến vào cảnh Phật, ở đây phân rõ hướng xuống dưới mà tiến vào chúng sinh.

Trong mười câu: Ba câu đầu là tổng quát trình bày về tiến vào tâm hành của chúng sinh ba đời; hai câu tiếp là riêng biệt tiến vào chúng sinh thiện và bất thiện; 6) Trình bày về tiến vào tâm hành dục lạc; 7) Tiến vào căn lợi-độn; 8) Tiến vào chủng tánh sai biệt; 9) Phiền não nặng nhẹ; 10) Khởi lên đối trị không giống nhau, nghĩa là căn chưa thuần thực thì đợi đến lúc, đã thuần thực thì không đợi đến lúc. Lại giải thích: Thời là đợi đến lúc chín muồi mà điều phục, Phi thời là phương tiện khai bày giác ngộ mà không đợi đến lúc. Lại nhờ mười pháp tiến vào này, mà tiến vào khắp nơi tất cả giống như quả Phật.

**Thứ tư:** Có mười loại Tiến vào thế giới, trước đây nhận biết về Chánh báo của chúng sinh, nay nhận biết về Y báo của chúng sinh.

Trong mười câu: Hai câu đầu là dựa theo nhiễm-tịnh; bốn câu tiếp là dựa theo thô-tế; hai câu tiếp là dựa theo hình dáng, nghĩa là cú

xuống thì hưởng xuống phía dưới, ngược lên thì hưởng lên phía trên; hai câu sau là dựa theo Phật có-không có. Lại tiến vào khắp nơi tất cả, là bởi vì không tách rời mười loại này.

**Thứ năm:** Có mười loại Tiến vào kiếp, trước đây trình bày về tiến vào nơi chốn, nay phân rõ về tiến vào thời gian.

Trong mười câu: Năm câu trước là tiến vào kiếp riêng biệt, năm câu sau là tiến vào kiếp thâm nhiếp lẫn nhau. Trong năm câu trước: Ba câu đầu là riêng biệt tiến vào kiếp thuộc ba thời gian, hai câu tiếp là riêng biệt tiến vào kiếp thuộc về nhiều ít. Trong năm câu sau là thâm nhiếp lẫn nhau: 1) Lấy ít thâm nhiếp nhiều, cho nên nói là có thể kể ra và không thể kể ra; 2) Lấy nhiều thâm nhiếp ít; 3) Lấy hiểu về Sự tiến vào Lý, kiếp tiến vào không phải kiếp; 4) Thuận theo Lý phát khởi Sự, không phải kiếp tiên vào kiếp; 5) Hai sự việc ngay trong nhau, nghĩa là có thể kể ra... trước đây là dựa theo môn duyên khởi theo nhau, không phải kiếp... là dựa theo môn pháp tánh dung thông. Tất cả kiếp này ngay trong một niệm, bao gồm dựa theo hai môn vô ngại tự tại. Lại bởi vì đều là nhiều Thức mà hiện bày, cho nên được tự tại.

**Thứ sáu:** Có mười loại Thuyết giảng về ba đời, trước đây dựa theo kiếp, nay ở đây dựa theo đời, cho nên tiếp theo trình bày.

Trong mười câu: Chín câu trước là riêng biệt thuyết giảng, một câu sau là tổng quát hiển bày. Trong riêng biệt: Vị lai nói về vị lai, đã là vô tận; quá khứ nói về quá khứ, sao cũng không giống nhau? Giải thích là bởi vì vị lai nối tiếp khởi lên, cho nên nói là vô tận; quá khứ không khởi lên, cho nên không nói. Lại hiện tại nói về hiện tại, thì cùng với hiện tại không khác, cho nên nói là bình đẳng; quá khứ nói về quá khứ-vị lai, sao cũng không giống nhau? Giải thích là bởi vì quá khứ-vị lai của quá khứ-vị lai thì không có, hiện tại thì có cho nên không giống nhau. Nghĩa còn lại như chương Thập Thế phân rõ.

**Thứ bảy:** Có mười loại Tiến vào ba thế gian, trước đây đã thông hiểu về thời kiếp vô ngại, nay trình bày về tiến vào pháp trong thời gian, cho nên tiếp theo trình bày.

Trong mười câu: Một câu đầu là tổng quát trình bày về đã tiến vào, chín câu còn lại là riêng biệt trình bày về đã tiến vào. Trong này: 1) Dùng ngôn ngữ làm đạo, hiển bày về nghĩa đã giải thích. 2) Tánh là tánh của văn tự, loại tức là giới hạn của văn tự... 3) Thi thiết là ngôn giáo tạm thời thi thiết. 4) Tưởng là dựa vào ý tưởng mà thiết lập tên gọi..., tức là tên gọi khác nhau như Danh..., như luận nói rằng A-tỳ-đạt-ma lấy Tưởng làm tiêu chí... 5) Danh tự là chính thức hiển bày về Thế

của Danh-Cú-Tự-Thân... 6) Ngôn ngữ là trình bày về âm thanh thuộc ngữ nghiệp, cùng với trước nào khác nhau, là trước đây thành tựu về chủ động giải thích, trong này bao gồm nêu ra, như các thanh Ác-A... 7) Vô tận là trình bày về các môn trước đây, đều là hư giả mà thi thiết không có tận cùng. 8) Ly dục là Thể không thể nào đạt được. 9) Tịch diệt là tánh thanh tịnh. Trình bày về mười pháp này đều bao gồm trong ba đời như quá khứ-vị lai... cho nên nói là tiến vào ba thế gian.

**Lại giải thích:** 1) Ngôn ngữ đạo là pháp đã giải thích, bởi vì là con đường của ngôn ngữ đã đi qua. 2) Tánh là lý tánh cũng là đã giải thích, nghĩa này thuộc về lý thế gian. Bốn câu tiếp là ngôn thuyết thế gian. Ba câu sau là thật tướng thế gian.

**Lại giải thích:** Trong mười câu, một câu đầu là Khí thế gian, sáu câu tiếp theo là Chúng sinh thế gian, ba câu sau là Trí chánh giác thế gian. Tuy có ba cách giải thích, mà cách giải thích thứ nhất là thuận với văn.

**Thứ tám:** Có mười loại Rời bỏ ưu não... trước đây đã đạt được pháp hiểu rõ thời gian, khởi hạnh thâm nhiếp tâm cho nên lìa xa ưu não..., nghĩa là hạnh thành tựu được như chí nguyện, rời bỏ ưu não, thời gian không trôi qua trống rỗng, tâm không chán ngán hối hận.

Trong mười câu: Bốn câu đầu là cúng dường Phật-gần gũi thiện hữu, cầu pháp-nghe pháp, đây là bốn hạnh thuộc Tự lợi. Ba câu tiếp là thâm nhiếp chúng sinh, một là thuyết pháp, hai là điều phục khiến cho lìa xa lỗi lầm, ba là khiến cho trú vào Phật đạo. Một câu tiếp là trở lại trình bày về Tự hành rộng rãi. Một câu tiếp là trở lại phân rõ về Hóa tha rộng rãi. Một câu sau cuối là trình bày về hai hạnh đầy đủ sinh ra quả Phật.

Trên đây là tám mươi câu trình bày về hạnh Thắng tiến trong Thập Tín, xong.

Phần ba từ “Thập chủng bất khả hoại trí...” trở xuống có ba mươi câu trình bày về hai hạnh cứu cánh trước đây. Trong đó: Thứ nhất là mười loại Trí không thể hủy hoại, nghĩa là phù hợp với pháp mà nhận biết, lại không có thay đổi, cho nên nói là không thể hủy hoại.

Trong mười câu: Nhận biết về chúng sinh... là dựa theo pháp nhiệm, nhận biết về Tam Bảo... là dựa theo pháp tịnh, nhận biết về thế giới... là dựa theo vừa nhiệm vừa tịnh, nhận biết về pháp giới là dựa theo không phải nhiệm-không phải tịnh, đều có thể biết.

**Thứ hai:** Có mười loại Đà-la-ni, trước đây đã nhận biết về pháp không hủy hoại, ở đây trình bày về duy trì pháp không mất đi. Trí

Luận lấy Định-Tuệ làm Thể, luận Phật Địa-Du Già lấy Niệm-Tuệ tăng thượng làm Tánh, bởi vì Tuệ soi chiếu pháp-Niệm ghi nhớ giữ gìn. Trong Trí Luận đích thực phiên ra là Trì, có thể duy trì các loại pháp thiện khiến cho không thất lạc tản mát, như đồ vật nguyên vẹn chứa đầy nước... hoặc là nói Già, có thể ngăn chặn các tâm bất thiện... không để cho sinh khởi. Các luận như Du Già... có bốn loại, đó là Pháp-Nghĩa-Chú-Nhẫn, cùng với mười loại này không có thể thâm nhiếp lẫn nhau, bởi vì chủng loại sai khác.

Trong mười câu: Đầu là hai câu về duy trì giáo pháp: 1) Duy trì pháp thuộc Tu-đa-la, 2) Duy trì pháp thuộc A-tỳ-đạt-ma; 3) Duy trì pháp thuộc Lý; 4) Duy trì pháp thuộc Tuệ; 5) Duy trì pháp thuộc Định; 6) Duy trì pháp thuộc ngôn ngữ phương khác; 7) Duy trì nghĩa khác nhau thuộc ba đời; 8) Duy trì pháp thuộc Biện tài; 9) Duy trì pháp thuộc Nhĩ căn vô ngại; 10) Duy trì pháp thuộc Quả. An trú là bởi vì cùng tương ứng.

**Thứ ba:** Phân biệt thuyết giảng về mười vị Phật, trước đây trình bày về Trì pháp, nay phân rõ về hiểu biết chư Phật. Lại đây đủ Tín này là trình bày về đạt được quả Phật, cho nên tiếp theo trình bày. Nếu như vậy thì sau phần vị Giải đây đủ cũng đạt được quả Phật, vì sao không trình bày? Giải thích là bởi vì bắt đầu Tín, Giải vốn dựa theo Tín này. Nghĩa về mười vị Phật này, đây đủ như Chương riêng biệt.

Nay sơ lược giải thích về tên gọi: 1) Tự nhiên khai ngộ gọi là Chánh giác, Chánh giác tức là Phật. 2) Tự Thể vô ngại-Đại nguyện thành tựu đầy đủ, Nguyện tức là Phật. 3) Nhân của vạn hạnh cảm đến, cho nên nói là nghiệp báo. 4) Vạn đức tích lũy thành tựu, tùy ý duy trì không mất. 5) Ứng với căn cơ mà hóa hiện. 6) Phù hợp với lý rộng khắp. 7) Chỉ do tâm mà hiện rõ. 8) Luôn luôn ở trong Định. 9) Chân tánh không thay đổi. 10) Đại Dụng không có công sức gọi là Như ý Phật, như ngọc châu Ma-ni... Lại giải thích giống như mười loại thấy Phật ở phần sau, bởi vì phần ấy giải thích về phần này, nên biết. Trên đây là hai trăm câu giải đáp về hai mươi câu hỏi trước đây, trình bày về mười hành tướng thuần thực trong Thập Tín, xong.

**Đoạn lớn thứ hai:** Từ “Thập chủng phát Phổ Hiền tâm...” trở xuống có hai trăm câu giải đáp hai mươi câu hỏi về pháp hành trong Thập Trú trước đây. Trong đó sơ lược phân làm bốn: Một, Sáu mươi câu riêng biệt trình bày về nghĩa phát tâm của phần vị Trú thứ nhất trong Thập Giải; Hai, Từ “Thập chủng Ba-la-mật...” trở xuống là sáu mươi câu trình bày về hạnh đã thành tựu nội đức trong chín Trú còn lại; Ba, Từ “Thập chủng thuyết pháp...” trở xuống là ba mươi câu trình bày về

ngoại hóa thân nhiếp chúng sinh trong các phần vị Trú; Bốn, Từ “Thập chủng thắng pháp...” trở xuống là năm mươi câu trình bày về hạnh thù thắng vô ngại.

Ngay trong phần một: Bắt đầu đạt được phần vị Trú lấy Đại tâm làm căn bản, vì vậy đầu tiên trình bày về phát tâm Phổ Hiền.

Trong đó, mười câu đầu: Ba câu trước là tâm hướng xuống dưới cứu hộ chúng sinh, ba câu tiếp là tâm hướng lên trên mong cầu quả Phật, bốn câu sau là tâm chán ngán lìa xa hữu vi. Đầy đủ ba tâm này mới gọi là tâm Đại Bồ-đề. Lại giải thích: Sáu câu trước là tâm bảo vệ Tiểu thừa, ba câu đầu là bảo vệ tâm hẹp hòi, ba câu sau là bảo vệ tâm nhỏ bé; bốn câu còn lại là tâm bảo vệ phiến não. Vì vậy khác với phạm phu-Tiểu thừa, gọi là tâm Bồ-đề. Vả lại, mười tâm này đều là một hạnh, cũng không thu nhận lẫn nhau. Bởi vì hiển bày vô tận, đều trước là nêu ra, sau là giải thích, có thể biết.

Hai: Có mười loại Pháp của nguyện hạnh Phổ Hiền, nghĩa là dựa vào Đại tâm trước đây khởi lên nguyện hạnh rộng lớn, cho nên tiếp theo trình bày.

Trong mười câu: Chín câu trước là nhân hạnh rộng lớn, một câu sau là thành tựu quả rộng lớn, bởi vì Phổ Hiền bao gồm nhân quả. Trong chín câu trước: Đầu là hai câu về Tự hạnh rộng lớn; tiếp là một câu về lợi ích chúng sinh rộng lớn, còn lại sáu câu bao gồm hai hạnh rộng lớn, đều thiết lập thế nguyện rộng lớn vô hạn cho nên cùng nói là nguyện Phổ Hiền. Dựa vào Nguyện thành tựu Hạnh, gọi là pháp của Nguyện Hạnh.

Ba: Có mười loại Đại Bi, dựa vào trong pháp thuộc Hạnh của Phổ Hiền trước đây, riêng biệt phân rõ về Đại Bi, bởi vì rất quan trọng cho nên tiếp theo trình bày. Vì vậy luận nói: Bồ-tát dùng Đại Bi làm căn bản, cho nên riêng biệt hiển bày. Dùng tâm Bi này duyên với niệm chúng sinh không hề tạm thời rời bỏ, cho nên nói là thường quán sát.

Trong mười câu: 1) Khổ bức bách không có nơi trở về. 2) Nếu mong cầu nương tựa thì lại cầu theo tà đạo điên đảo. 3) Nếu mong muốn hưởng về Chánh đạo thì lại nghèo thiếu bởi vì không có thiện căn đời trước. 4) Nếu có chút ít thiện căn thì lại ham thích đắm vào sinh tử không thể nào khai mở giác ngộ. 5) Nếu mong cầu giác ngộ thì chỉ trái lại thực hành bất thiện. 6) Nếu có tu thiện thì không thể nào lìa xa ham muốn. 7) Nếu mong cầu lìa xa ham muốn thì vẫn trở lại luân hồi. 8) Từ vô thủy do Vô minh lâu dài mà thành bệnh. 9) Không mong muốn nhân của Phật. 10) Mất đi pháp của quả Phật.

**Lại giải thích** trong mười câu này: Hai câu đầu là chúng sinh điên đảo, một là không có chân thật, hai là đuổi theo hư giả. Bốn câu tiếp là chúng sinh mong cầu, một là thiếu nhân vượt ra, hai là không có quả vượt ra, ba là có đủ nhân ràng buộc, bốn là ở trong quả ràng buộc. Hai câu tiếp là chúng sinh cầu quả báo, một là sâu thẳm, hai là xa vời. Hai câu sau cuối là chúng sinh cầu Phạm hạnh, một là cầu đạo khác nhau, hai là cầu thoát khác nhau. Bồ-tát duyên vào đây khởi tâm Đại Bi, cần phải cứu giúp chúng sinh.

Bốn: Có mười loại Nhân duyên phát tâm, Bi nguyện khởi hạnh nhất định phải dựa vào nhân, cho nên tiếp theo trình bày. Lại trước đây trình bày về Thể của phát tâm, nay vốn là phân rõ về nhân của phát tâm. Hoặc là bốn duyên phát tâm như luận Du Già-Địa Trì..., hoặc là bảy duyên phát tâm như kinh Trí Ấn-luận Khởi Tín..., đều như trước đây nói, nay hiển bày về mười duyên bởi vì trình bày về vô tận.

Trong mười câu: Năm câu trước hướng xuống dưới lấy chúng sinh làm duyên, năm câu sau hướng lên trên lấy quả Phật làm duyên. Luận nói Bồ-tát lấy Bồ-đề Tát-đỏa làm cảnh sở duyên, chính là nói đến nghĩa này. Trong năm câu trước, một câu đầu là tổng quát, bốn câu sau là riêng biệt. Trong bốn câu riêng biệt: Hai câu đầu là diệt trừ đau khổ-mang lại niềm vui, hai câu sau là diệt trừ ngu si-mang lại trí tuệ. Trong năm câu sau cũng một câu đầu là tổng quát, bốn câu sau là riêng biệt. Trong bốn câu riêng biệt: Hai câu đầu là thuận theo Giáo-thấy rõ Tướng, hai câu sau là thuận theo Nghĩa-hiển bày Đức. Nghĩa còn lại có thể biết.

Năm: Có mười loại Thân cận Thiện tri thức, đã phát tâm rồi, theo lý nên gần gũi Thiện tri thức, có đủ tâm Bồ-đề, mà được tăng trưởng, cho nên tiếp theo trình bày. Lại giải thích: Hạnh thuộc năm mươi môn trên đây thấy đều cùng lúc mà nói có trước-sau, bởi vì dựa vào thiện hữu mới có thể phát tâm..., trong đó có năm: 1) Nêu rõ ý; 2) Đưa ra vấn đề; 3) Tổng quát giải thích; 4) Riêng biệt phân rõ; 5) Kết luận về số.

Trong riêng biệt, trong mười câu: 1) Thân nghiệp sai khiến đi lại. 2) Ngữ nghiệp thuận theo chỉ dạy. 3) Ý nghiệp không làm sai trái. 4) Thân tâm đều vui sướng, cũng vui mừng gặp gỡ thiện hữu. 5) Tình không có mong cầu gì khác. 6) Chỉ mong mỗi đạo xuất thế. 7) Cùng hân thù thắng như thiện hữu. 8) Cùng mong mỗi pháp quan trọng ấy. 9) Tôn kính thầy như Phật. 10) Cùng thành tựu quả trọn vẹn. Lại sáu câu trước là tôn thờ thiện hữu, bốn câu sau là cùng chung tu tập.

Sáu: Có mười loại Thanh tịnh, dựa vào phát tâm trước đây mà đạt

được Báo thanh tịnh này, đây là quả gần thuộc về phát tâm.

Trong mười câu: Sáu câu đầu là ba nghiệp thanh tịnh, nghĩa là ba câu trước là Thể thanh tịnh, ba câu sau là Dụng thanh tịnh. Tiếp từ “Quyến thuộc...” trở xuống là hai câu trình bày về Chủ-Bạn thanh tịnh. Sau là hai câu trình bày về Nguyên và Hạnh thanh tịnh. Đều có thể biết. Trên đây là riêng biệt trình bày về phần vị Trú thứ nhất, xong.

Phần hai từ “Thập chủng Ba-la-mật...” trở xuống có sáu mươi câu bao gồm trình bày về hạnh đã thành tựu nội đức trong chín Trú còn lại.

Trong đó, mười câu đầu là chính thức trình bày về hạnh thuộc công hạnh của các Trú. Trong đó, mười Độ đều dựa theo thù thắng sâu xa để giải thích, vì vậy trong Đàn không nói là bố thí tài sản..., mà nói là bố thí tất cả quả báo thanh tịnh thuộc Giới của Phật, có đủ Nhẫn của Phật..., nên biết. Độ thứ sáu là Bát-nhã dựa theo Trí thuộc Chánh Thể, cho nên lấy Như Như làm cảnh; bốn Độ sau phần nhiều đều là Hậu đắc trí. Độ thứ bảy phải gọi là phương tiện, bởi vì có thể tiến sâu vào Phật lực, cho nên thiết lập tên gọi là Trí. Độ thứ mười phải gọi là Trí, bởi vì có thể thâm nhiếp tiếp nhận giáo pháp của chư Phật, cho nên từ cảnh làm tên gọi. Còn lại đều nói như phần Thập Hạnh trước đây.

Hai: Có mười loại Tùy thuận hiểu biết, nhờ vào hạnh thành tựu trước đây, có thể thông hiểu rõ ràng không trái ngược đối với pháp đã nhận biết, cho nên nói là tùy thuận hiểu biết.

Trong mười câu: 1) Nhận biết về Y báo nhiễm-tịnh nhiều môn sai biệt. 2) Nhận biết về Chánh báo của chúng sinh khác loại khó nghĩ bàn. 3) Nhận biết về pháp duyên khởi một-khác vô ngại. 4) Nhận biết về pháp giới Chân Như bình đẳng lia xa tương. 5) Nhận biết về hư không vô vi không có ranh giới. 6-7-8 là nhận biết về thế giới thuộc ba thời gian, lại cũng nhận biết về tất cả đều là quá khứ, đều là hiện tại-vị lai. 9) Nhận biết về chư Phật có đủ vạn hạnh ở trong một niệm. 10) Nhận biết về chư Phật cùng một hạnh mà rộng khắp ba thời gian.

Ba: Có mười loại Trí quyết định, nhờ vào sự hiểu biết tùy thuận không trái ngược trước đây, cho nên có thể đạt được thành tựu về Trí quyết định này.

Trong mười câu: Hai câu đầu là nhận biết rõ ràng về pháp: 1) Nhận biết ở trong một niệm, là hiển bày có thể nhận biết nhanh chóng; 2) Dùng Trí vô ngại để nhận biết, là hiển bày có thể nhận biết tự tại, bởi vì không có Sở tri chướng, cho nên nói là Trí vô ngại. Năm câu tiếp là nhận biết về chúng sinh: 1) Nhận biết về tâm vui thích ham muốn; 2)



Nhận biết về căn cùng là chân tánh, cũng nhận biết cùng là căn Bồ-đề; 3) Nhận biết về tập khí vi tế của phiền não; 4) Nhận biết về hành của chánh sử; 5) Nhận biết về thiện-ác mà chuyển hóa. Ba câu sau là nhận biết về Bồ-tát và Phật, có thể biết.

Bốn: Có mười loại Lực, nhờ vào Trí đã quyết định có nhiều năng lực có thể đảm nhận, cho nên trình bày về Lực.

Trong mười câu: Một câu đầu là tổng quát, chín câu còn lại là riêng biệt. Trong riêng biệt: Hai câu đầu là hiểu rõ tánh Y tha như huyền hóa. 3) Hiểu rõ tánh Viên thành. 4) Hiểu rõ tánh Sở chấp tức là trống rỗng cho nên không đắm nhiễm. 5) Cầu mong pháp hành. 6) Gắng sức cung kính cúng dường thiện hữu, bởi vì pháp từ nơi thiện hữu mà đạt được, cho nên gắng sức mong cầu không hủy hoại. 7) Nhờ vào lực của Hội hướng có thể khiến cho thiện căn đến nơi quả Phật. 8) Nhờ vào lực của Tín giải có thể tránh khỏi phỉ báng đối với pháp rất sâu xa của Phật. 9) Đối với tâm mong cầu Đại quả, vững mạnh không lui sụt. Lại giải thích: Năm câu trước là Lực của Giải, năm câu sau là Lực của Hành.

Năm: Có mười loại Bình đẳng, đã có Lực của Trí có năng lực có thể đảm nhận, có thể đối với các sự việc dấy lên chân quán bình đẳng, cho nên tiếp theo trình bày.

Trong mười câu: 1) Tĩnh bất dứt oán-thân; 2) Chân và Tục một vị; 3) Nhiễm và Tịnh một lý; 4) Một đạo không khác nhau; 5) Cùng hội tụ một tánh; 6) Quả pháp lẽ nào khác nhau; 7) Nhân không có nguyên sai khác; 8) Mười Độ đầy đủ như nhau; 9) Hành phù hợp với ý vốn có; 10) Pháp thân bình đẳng không hai. Lại giải thích: Năm câu trước là Hạnh như nhau: 1) Bi như nhau; 2) Trí như nhau; 3) Thanh tịnh như nhau; 4) Hạnh như nhau; 5) Tu như nhau. Năm câu sau là Đức như nhau: 1) Quả đức như nhau; 2) Nguyên hạnh như nhau; 3) Sáu Độ như nhau; 4) Nhân hạnh như nhau; 5) Pháp thân như nhau.

Sáu: Có mười loại Phương tiện về Pháp cú của Phật, trước đã bình đẳng mà đích thực Chứng lý, thích hợp khởi lên phương tiện khéo léo thiết lập giáo pháp đối với trí Hậu đắc, cho nên tiếp theo trình bày.

Trong mười câu: 1) Nhận biết về tất cả các pháp, chỉ có ngôn thuyết; đây là dựa theo tánh Biến kế. 2) Tựa như có giống như huyễn. 3) Mau chóng diệt đi như ánh chớp. 4) Không có tánh mà thuận theo duyên. 5) Duyên dấy lên vốn thanh tịnh. 6-Nói có chỉ là tên gọi; những câu trên đây là dựa theo tánh Y tha. 7) Vô sinh chân thật. 8) Vô tướng chân thật. 9) Vô tánh chân thật; ba câu trên đây là dựa theo Như Lai Tạng Không. 10) Có đủ đức của pháp giới là Như Lai Tạng Bất Không.

Bởi vì lấy Pháp cú của Phật để hiển bày về mười nghĩa này, cho nên cùng thiết lập tên gọi này. Trên đây là hạnh đã thành tựu nội đức, xong.

Phần ba từ “Thập chủng thuyết pháp...” trở xuống có ba mươi câu trình bày về hạnh ngoại hóa thâm nhiếp chúng sinh. Trong đó: Một, Mười câu về Giáo có thể thuyết giảng; Hai, Mười câu về Pháp có thể duy trì; Ba, Mười câu về Ngôn từ có thể biện giải.

Trong mười câu đầu: Hai câu đầu nói về pháp thuộc Lý, một câu là Thâm, một câu là Diệu. Bốn câu tiếp nói về pháp thuộc Hạnh, một là pháp có đủ Đức, hai là pháp thuộc Trí của Phật, ba là pháp thuận theo Độ, bốn là pháp sinh ra Quả. Bốn câu sau nói về pháp thuộc nhân quả, một câu đầu nói về nhân quả thuộc pháp nhiệm của ba đời, ba câu sau nói về nhân quả thuộc pháp tịnh của ba đời, có thể biết.

Hai: Có mười loại Thọ trì, trước đây đã nói ra nơi miệng, nay ở đây tiềm ẩn nơi tâm, cho nên tiếp theo trình bày.

Trong mười câu: Bảy câu đầu ghi nhớ về pháp thuộc nhân, ba câu sau ghi nhớ về pháp thuộc quả. Trong bảy câu đầu: 1) Ghi nhớ giữ gìn về pháp thuộc Hành; 2) Ghi nhớ giữ gìn về pháp thuộc Giáo; 3) Ghi nhớ về pháp thuận theo ví dụ của pháp; 4) Khéo léo khiến cho phát sinh hiểu biết về pháp; 5) Khiến cho phát sinh về pháp duy trì tổng quát, nghĩa là ít văn mà thâm nhiếp nhiều nghĩa... 6) Giải đáp chất vấn đoạn trừ nghi ngờ về pháp; 7) Pháp thuộc phần vị hành của Bồ-tát. Trong ba câu sau: 1) Pháp thuộc Định của Phật; 2) Pháp thuộc Tuệ của Phật; 3) Pháp thuộc Thông của Phật.

Ba: Có mười loại Biện, trước đây trình bày về ghi nhận duy trì nơi tâm, nay trình bày khéo léo nói ra nơi miệng, cho nên tiếp theo trình bày.

Trong mười câu: 1) Không chấp theo tình mà nói cho nên gọi là Biện, thì biết nếu còn tách chấp, dù cho khéo léo bàn nói nhiều cách, cũng chưa đủ để gọi là biện giải. 2) Thuận theo pháp Vô hành. 3) Hiển bày pháp Vô trước. 4) Biện giải này cũng Không mới thật là biện giải. 5) Thể không có Vô minh. 6) Biện giải giống như sự duy trì của Phật. 7) Biện giải về pháp khiến cho người tự nhiên tỏ ngộ. 8) Đối với pháp không có danh tướng, khéo léo dùng ngôn ngữ tên gọi để giảng giải, khiến cho người đối với ngôn từ không dấy lên hiểu theo ngôn từ. 9) Thuyết giảng biện giải về môn nghĩa cho chúng sinh. 10) Hợp với căn cơ khiến cho vui thích biện giải. Lại giải thích: Năm câu trước là biện giải thanh tịnh thuộc về Vô tác, năm câu sau là biện giải thanh tịnh

thuộc về Hữu tác. Trên đây là hạnh ngoại hóa thân nhiếp chúng sinh, xong.

Phần bốn từ “Thuyết thập chủng thắng pháp...” trở xuống có năm mươi câu trình bày về hạnh thù thắng vô ngại, cũng là hạnh thành tựu đầy đủ ngay nơi phần vị.

Trong đó: Một, Có mười Pháp thù thắng, trước đây dùng biện tài không có gì vướng mắc, như ý hiển bày về đức tướng, thắng thấn vượt qua phàm phu-Tiểu thừa, cho nên nói là pháp thù thắng.

Trong mười câu: 1) Bi thù thắng; 2) Trí thù thắng; 3) Tu thù thắng; 4) Hạnh thù thắng; 5) Giới thù thắng; 6) Hồi hướng thù thắng; 7) Sách cần thù thắng; 8) Hàng ma thù thắng; 9) Nhân hạnh thù thắng; 10) Thành tựu quả thù thắng.

Hai: Có mười loại Vô trước, trước đây vốn là hạnh đức vượt lên trên cao, nay đối với cảnh không có chấp trước, cho nên nói là Vô trước. Lại trước đây thì hạnh cao xa thù thắng, nay thì hướng xuống dưới là xa nhiễm trước.

Mười loại này đều là tự tâm hiển bày rõ ràng do ý nghĩ và lời nói mà làm, cho nên trí tuệ không vướng mắc trong đó: 1) Đối với nơi chốn giáo hóa không vướng mắc; 2) Đối với chúng sinh đã giáo hóa không vướng mắc; 3) Đối với pháp giáo hóa không vướng mắc; 4) Đích thực dấy lên sự nghiệp giáo hóa không vướng mắc; 5) Giáo hóa đã thành tựu tốt đẹp không vướng mắc; 6) Ứng với căn cơ thọ sinh không vướng mắc; 7) Đối với Bốn nguyện của mình không vướng mắc; 8) Đối với công hạnh đã thực hành không vướng mắc; 9) Đối với nhân không vướng mắc; 10) Đối với quả không vướng mắc. Nhờ tự mình an trú trong trí Vô trước này, mà có thể nhanh chóng chuyển hóa nhiều Tướng về niệম khác, đạt được trí Vô thượng của Phật không có gì vướng mắc.

Ba: Có mười Tâm bình đẳng, bởi vì thành tựu về trí Vô trước, tâm không có gì phân biệt ở trong các pháp, cho nên nói là tâm bình đẳng. Mười tâm bình đẳng này cùng với mười bình đẳng trước đây có gì khác nhau, là trước đây dựa theo pháp mà phân rõ về bình đẳng, ở đây dựa theo tâm để phân rõ, cho nên nói là tâm bình đẳng.

Trong mười câu: Tám câu đầu dựa theo nhân bình đẳng, hai câu sau dựa theo quả bình đẳng. Trong tám câu đầu: 1) Đối với pháp đã sinh ra và nuôi lớn; 2) Đối với lời nói đã phát ra; 3) Đối với chúng sinh đã giáo hóa; 4) Đối với nhân quả đã giáo hóa; 5) Đối với pháp đã nhận biết; 6) Đối với quốc độ nhiễm-tịnh; 7) Đối với người đẹp-xấu; 8) Đối

với hạnh đã thực hành. Trong hai câu sau, một là Trí thuộc công đức, hai là Trí thuộc chánh chứng. Ở trong mười tâm này đều không nảy sinh ý niệm gì khác, cho nên nói là tâm bình đẳng.

Bốn: Có mười loại sinh ra Trí tuệ, từ Thể vắng lặng bình đẳng trước đây phát sinh trí Hậu đắc thù thắng, cho nên nói như vậy.

Trong mười câu: 1) Tiến vào tánh của chúng sinh là chứng nhập chân tánh của chúng sinh, sinh ra Trí là tiến vào rồi sinh ra trí Hậu đắc; vẫn còn lại tiến vào và sinh ra đều dựa theo đây nhận biết. 2) Quốc độ không có một-khác là dựa theo Thể đều bật dứt, lại thâm nhiếp Tướng thuận theo Thể cho nên rõ ràng không có khác, dùng Thể thuận theo Tướng cho nên rõ ràng không có một; lại nhiều tức là một cho nên không có khác, một tức là nhiều cho nên không có một. 3) Nhận biết về thế giới như Đế võng trùng trùng. 4) Nhận biết về hình tướng của quốc độ. 5) Khéo léo tiến vào Thể của pháp không có một-không có khác. Ba câu này giải thích chung về quốc độ, nên biết. 6) Nhận biết về Báo khác loại của thân. 7) Nhận biết về nhân diện đảo mê hoặc của thân. 8) Nhận biết về Nhất thừa cứu cánh thì bao gồm giống như riêng biệt. 9) Nhận biết về đức tự tại của pháp giới. 10) Nhận biết về đức không đoạn mất của Phật chủng.

Năm: Có mười loại Biến hóa, trước đây dựa vào Chánh chứng phát khởi Hậu đắc, nay dựa vào Hậu đắc phát khởi Dụng tự tại, cho nên tiếp theo trình bày, nghĩa là chuyển biến vốn không có, hóa hiện khiến cho có, vì vậy nói là Biến hóa.

Trong mười câu: 1) Biến thành thân chúng sinh khác, như Văn Thù biến thành Thu Tử... 2) Biến đổi thân mình làm chủng loại khác... 3) Biến đổi cõi nhiễm trở thành thanh tịnh... 4) Biến hiện hương hoa... 5) Hóa hiện ngôn từ âm thanh... 6) Hóa hiện nguyện hạnh. 7) Hóa hiện điều phục chúng sinh, như Mãn Túc Vương... 8) Hóa hiện thành Phật. 9) Hóa hiện chuyển Pháp luân. 10) Hóa hiện Xá-lợi... Lại giải thích: Mười loại biến hóa này cũng là dùng Thật Dụng để biến hóa mà hiển bày về bình đẳng.

Hai trăm câu văn thuộc bốn phần trên đây, toàn bộ là giải thích về phần vị Thập Trú, xong.

**Đoạn lớn thứ ba:** Từ “Thập chủng trì...” trở xuống có ba trăm câu giải đáp ba mươi câu hỏi về pháp hành trong phần vị Thập Hạnh. Trong đó phân ba: Một, Sáu mươi câu trình bày về hạnh thuộc Đại chí xa rộng; Hai, Từ “Thập chủng bất tư nghị...” trở xuống là chín mươi câu trình bày về hạnh thuộc nghiệp dụng của Định-Tuệ; Ba, Từ “Thập chủng viên

lâm...” trở xuống có một trăm năm mươi câu trình bày về hạnh thành tựu đầy đủ thuộc đức trọn vẹn.

Ngay trong phần một có hai: Trước có hai mươi câu trình bày về dựa vào hạnh khởi lên mong muốn rộng lớn(Đại Dục); sau có bốn mươi câu trình bày về dựa vào hạnh khởi lên ý niệm thù thắng.

Trong hai mươi câu trước: Một, Có mười loại Trì là nêu ra chỗ dựa của hạnh, nghĩa là dựa vào Lực tùy ý duy trì này mới có thể phát khởi Đại chí, trong này bao gồm sáu nhiếp ba Trì trong Địa Trì và mười Trì trong phẩm Thập Địa, dựa theo phân rõ nên biết.

Trong mười câu: Ba câu trước là Lực duy trì của Tam Bảo, chúng sinh là Tăng Bảo. 4) Do Đại Bi mà dấy lên gọi là Nghiệp duy trì. 5) Lực của mười Đại nguyện khiến cho hạnh nối tiếp nhau, cũng do Lực duy trì của Phật, cho nên Hóa Dụng của quả Phật tận cùng thời gian vị lai. 6) Do Lực trí trì của mười Độ hạnh mà còn lại. 7) Chúng sinh và Bồ-đề làm cảnh sở duyên mà duy trì, khởi tâm Bi-Trí-Hạnh của Bồ-tát. 8) Dùng lý Chân Như làm Diệu. 9) Phước. 10) Trí. Đều có Lực thù thắng cho nên nói là Trì.

Hỏi: Trì ở đây cùng với mười Đà-la-ni và mười loại Thọ trì trước đây đều có gì khác nhau?

Đáp: Đà-la-ni là Tổng trì văn nghĩa..., Thọ trì là dựa theo tiếp nhận mà ghi nhớ duy trì..., trong này dựa vào gia hộ duy trì..., cho nên không giống nhau.

Hai: Có mười loại Đại chánh hy vọng, dựa vào Lực duy trì trước đây khởi lên mong muốn rộng lớn vô biên này, gọi là Đại chánh hy vọng. Cùng với Chánh hy vọng trước đây có gì khác nhau, bởi vì trước đây dựa theo Tự phần cho nên không nói là Đại, nay dựa vào Thắng tiến vì vậy không giống nhau. Vì sao khởi lên mong muốn rộng lớn này, bởi vì hạnh thành tựu nhờ vào đây. Văn trước nói do Trí Tuệ Vương mà thuyết giảng, mong muốn là căn bản của các pháp, thuận theo khởi lên mong muốn thanh tịnh chí cầu đạt đạo Vô thượng, chính là nói đến nghĩa này.

Trong mười câu: 1) Nhất định mong mỗi thuận theo Phật khiến cho vui mừng. 2) Nhất định mong mỗi cúng dường Phật khiến cho tận cùng. 3) Nhất định mong mỗi giống như pháp thành tựu hạnh. 4) Nhất định mong mỗi tu hành trải qua thời gian dài. 5) Nhất định mong mỗi lìa xa sợ hãi. 6) Nhất định mong mỗi khiến cho chúng sinh thành Phật trước mình. 7) Nhất định mong mỗi làm trang nghiêm tất cả vô lượng thế giới. 8) Nhất định mong mỗi khiến cho chúng sinh diệt trừ nhân quả

của pháp ác, thành tựu nhân quả của pháp thiện. 9) Nhất định mong mỗi tâm thẳng thắn được thấy Phật-được nghe Pháp. 10) Nhất định mong mỗi chuyển Đại pháp luân đến tận cùng thời gian vị lai.

Ba: Có mười loại Thâm nhập Phật pháp, trình bày về hy vọng mãi không thôi thì có thể tiến sâu vào, vì vậy dựa vào mong muốn rộng lớn trước đây có thể tận cùng giới hạn sâu xa của Phật pháp, cho nên nói như vậy.

Trong bốn mươi câu sau: Hai mươi câu đầu làm chỗ dựa(sở y), hai mươi câu sau làm phát khởi(sở khởi).

Trong hai mươi câu đầu: Một, Có mười loại Thâm nhập Nội chứng.

Trong mười câu: Bốn câu đầu là tiến vào Phật pháp thuộc Khí thế gian, tất cả thế giới thì mỗi một thế giới đều khác nhau tiến vào tất cả thế giới, cho nên nói là tất cả thế giới đều phân biệt tiến vào tất cả thế giới. Hai câu tiếp là tiến vào Phật pháp thuộc Chúng sinh thế gian. Ba câu tiếp là tiến vào Phật pháp thuộc Trí chánh giác thế gian. Một câu sau cuối là tổng quát dựa vào pháp giới để tiến vào Phật pháp. Bởi vì Lý dựa vào Hạnh phân biệt cho nên nói là đối với không có một-khác mà nói một-khác, nghĩa là phần vị năm Thừa khác nhau mà thành Phật chỉ là một, Hạnh cùng đưa về Lý cho nên nói là tiến vào mà không có gì tiến vào.

Hai: Có mười loại Y chỉ, trước đây hiển bày về hạnh tiến vào sâu xa, nay phân rõ về duyên đã dựa vào.

Trong mười câu: 1) Dựa vào sự giảng dạy của thiện hữu; 2) Dựa vào lực huân tập của Đa văn; 3) Dựa vào duyên giúp đỡ không thiếu thốn ở trú xứ tốt đẹp; 4) Dựa vào lực của Bi; 5) Dựa vào Đại hạnh chứng được sâu xa; 6) Dựa vào lực Bốn nguyện đầy đủ; 7) Dựa vào tâm Bồ-đề vốn có; 8) Dựa vào quả Phật, vốn là điều mà mình mong cầu. (Sốt câu thứ chín-thứ mười, cần phải kiểm tra bản khác).

Ba: Có mười loại Phát tâm không sợ hãi, trước đây đã có chỗ dựa, thì khiến cho tâm thực hành sâu xa thù thắng, đối với sự việc đáng sợ hãi, có thể không có gì sợ hãi, vì vậy không có gì khó làm mà không thể làm được.

Trong đó, bởi vì hăng hái vô cùng dũng mãnh, cho nên có thể ở trong mười loại sự việc khó làm mà đều có thể làm được: 1) Khó diệt trừ ác nghiệp; 2) Khó bảo vệ pháp để lại; 3) Khó hàng phục ác ma; 4) Khó xả bỏ thân mạng; 5) Khó điều phục ngoại đạo; 6) Khó xứng với tâm chúng sinh; 7) Khó vừa lòng Đại chúng; 8) Khó điều phục tám Bộ;

9) Khó lia xa Thừa dưới; 10) Khó tu hạnh Thừa trên. Đối với mười loại khó khăn này đều không có gì sợ hãi. Lại trong Trí Luận quyển thứ sáu nói: “Bồ-tát có bốn Vô úy: 1) Bởi vì duy trì pháp đã nghe mà khéo léo thuyết giảng. 2) Nhận biết về mong muốn của căn cơ mà thuyết giảng khiến cho được giải thoát. 3) Trong tất cả các phương không thấy có ai chất vấn mà không có thể giải đáp được. 4) Không thấy có ai nghi ngờ mà không có thể giải thích được.”

Bốn: Có mười loại Phát tâm không nghi ngờ, trước đây bởi vì không có gì sợ hãi đối với khó khăn, vì vậy tự biết những việc đã làm đều dễ dàng, cho nên không nghi ngờ gì.

Trong mười câu: 1) Dùng mười Độ để thâm nhiếp chúng sinh. 2-3 là cúng dường Phật và trang nghiêm quốc độ. 4) Đại tâm không có gì mệt mỏi. 5) Đầy đủ Đại nguyện vốn có. 6) Chắc chắn làm ngọn đèn cho thế gian. 7) Khéo léo thuyết giảng các pháp, đều có thể thâm nhiếp chúng sinh, đều là pháp của Phật. 8) Chắc chắn thành tựu Chánh giác. 9) Hiểu về Sự ngay nơi Lý. 10) Diệt trừ điên đảo hiển bày về Trí.

Trên đây là sáu mươi câu trình bày về hạnh thuộc Đại chí xa rộng, xong.

Phần hai từ “Thập chủng bất tư nghi...” trở xuống là chín mươi câu trình bày về hạnh thuộc nghiệp dụng của Định-Tuệ, trong đó phân ba: 1) Ba mươi câu trình bày về hạnh thuộc Tuệ dung thông vượt lên trên tình thức; 2) Từ “Thập Tam-muội...” trở xuống là hai mươi câu trình bày về hạnh thuộc Định sâu xa rộng khắp; 3) Từ “Thập pháp môn...” trở xuống là bốn mươi câu trình bày về hạnh thuộc nghiệp dụng tự tại.

Ngay trong phần một: Mười câu đầu là dựa theo Hạnh, mười câu tiếp là dựa theo Ngữ, mười câu sau là dựa theo Trí.

Trong mục đầu là dựa theo Hạnh: Có mười loại Bất tư nghi, nhờ vào tâm quyết định trước đây không nghi ngờ gì mà khiến cho pháp đã tu tập không suy lường được.

Trong mười câu: 1) Thâm chí một niệm thiện căn đều đến quả Phật, cho nên nói là không nghĩ bàn; như hạt Ni-câu-đà nhỏ bé mà cây to lớn. 2) Do lực của Bốn nguyện không có nghĩ bàn, mà Dụng của quả tùy ý vận dụng không có tận cùng; như Nguyện lực trước lúc Diệt Định... 3) Pháp như huyễn không có mà có. 4) Dựa vào Vô trú mà không mất đi pháp thiện. 5) Đạt được Lý không rời bỏ Sự. 6) Ở tại nhân có thể hiện rõ quả. 7) Đây được quả không rời bỏ nhân, đều là không thể nghĩ bàn. 8) Hiểu rõ pháp Vô ngại, trong đó có năm cặp-mười câu: Một, Dựa theo cảnh mê-ngộ, nghĩa là phạm phu đối với không có tướng mà

vọng thấy có tướng, Thánh đối với tất cả có tướng mà tổ ngộ nhìn thấy không có tướng, lại ngay nơi tướng là không có tướng, không có tướng tức là tướng, một sự dung thông cả hai cho nên khó nghĩ bàn; những cặp còn lại dựa theo biết rõ. 9) Hiểu rõ phát tâm giống như Bồ-đề, bởi vì bắt đầu giống như cuối cùng, câu tiếp là bởi vì cuối cùng giống như bắt đầu, câu sau là tâm-Phật và chúng sinh là ba pháp không có sai biệt, hiểu rõ tâm không sai cho nên không có ba trái ngược; ba trái ngược như phẩm Phát Tâm trước đây giải thích. 10) Trong đó có bốn câu: Một là hết lậu-không hết lậu mà không hai, hai là pháp Phật-pháp thế gian một mà không tạp, ba là thâm nhiếp Sự giống như Lý hòa vào mà không hòa vào, bốn là giải thích về thành tựu không hai, không biến đổi là một vì cho nên không hai, vì vậy cho nên đều khó nghĩ bàn.

Hai: Có mười loại Ngữ sâu xa bí mật phương tiện khéo léo, chính là bởi vì Nội hành khó suy lường thì khiến cho phát ra lời nói khéo léo bí mật. Nói chung về Mật ngữ có năm loại: Một, Thuyết về pháp sâu xa bí mật ấy cho nên gọi là Mật ngữ, như trong phẩm Tánh Khởi trước đây gọi là Như Lai Mật Tạng... Hai, Bởi vì một lời mà thuyết về tất cả các pháp... là Mật ngữ. Ba, Bởi vì gần mà không nghe, như Thu Tử giống như người điếc...; xa mà không giới hạn, như Mục Liên tìm theo âm thanh..., gọi là Mật ngữ. Bốn, Lời gần mà ý xa, như thuyết về Tam thừa là cứu cánh..., cũng gọi là Mật ngữ. Năm, Bởi vì lời nói khác mà thuyết về pháp khác, như thuyết về Giác không kiên cố làm kiên cố... Nay trong văn này chỉ dựa theo nghĩa thứ nhất mà nói.

Trong mười câu: 1) Dựa theo giáo pháp, đạt được ý sâu xa, hiểu rõ giống nhau-khác nhau. 2) Thị hiện như Bát Niết-bàn mà bí mật hiện rõ thọ sinh. 3) Như nhập Định ở phương Đông mà bí mật xuất hiện ở phương Tây... 4) Khéo léo thuyết giảng về chúng sinh như trong thiện có ác..., trong khổ có vui... 5) Khéo léo thuyết giảng về chúng sinh như không nhiễm mà nhiễm là cấu trược, nhiễm mà không nhiễm là thanh tịnh. 6) Khéo léo thuyết giảng trong một có tất cả... 7) Nơi hủy hoại có thành tựu, như trong Pháp Hoa nói trời-người thấy kiếp tận mà cõi này thường an ổn... 8) Đối với sự hiện sinh-nhập diệt khắp nơi của Phật, nhìn thấy nơi bí mật này mà phát ra lời nói. 9) Hiểu rõ về chúng sinh, ngay nơi Niết-bàn không còn trở lại diệt, mà không rời bỏ Đại nguyện thâm nhiếp chúng sinh, lấy đó làm bí mật khéo léo. 10) Tự mình tổ ngộ không nhờ vào người khác, mà không ngừng cầu thiện hữu, lấy đó làm bí mật khéo léo.

Ba: Có mười loại Trí phân biệt phương tiện khéo léo, trước đây



đã khéo léo thuyết giảng về nơi bí mật, nay Trí thông hiểu rõ ràng, cho nên nói như vậy.

Trong mười câu: Hai câu đầu là nhận biết về thế giới, một câu là tịnh, một câu là nhiễm. Ba câu tiếp là nhận biết về căn khí của chúng sinh. Ba câu tiếp là nhận biết về hành tướng của Tam thừa. Hai câu sau cuối là nhận biết về pháp thế gian-xuất thế gian. Lại giải thích: Hai câu đầu là Khí thế gian, bảy câu tiếp là Chúng sinh thế gian, một câu sau cuối là Trí chánh giác thế gian. Lại giải thích: Hai câu đầu là giáo hóa nơi nào, ba câu tiếp là đã giáo hóa những chúng sinh nào, ba câu tiếp là giáo hóa đưa vào nơi nào, hai câu sau cuối là giáo hóa theo pháp nào?

Trên đây là ba mươi câu trình bày về hạnh thuộc Tuệ dung thông vượt lên trên tình thức, xong.

Phần hai từ “Thập chủng Tam-muội...” trở xuống là hai mươi câu trình bày về hạnh thuộc Định sâu xa rộng khắp, trong đó: Mười câu đầu trình bày về Thể của Định, mười câu sau trình bày về nghiệp dụng. Lại đầu trình bày về Định sâu xa, sau hiển bày về rộng khắp.

Trong mười câu đầu: 1) Trình bày về nơi nhập Định, đó là trùng trùng khắp tất cả mọi nơi. 2) Trình bày về thân nhập Định, đó là dùng thân của tất cả chúng sinh mà nhập Định, như thân Đồng Tử tiến vào Chánh Thọ... 3) Trình bày về Định soi chiếu Thật pháp. 4) Trong Định thấy Phật. 5) Định duy trì nhiều kiếp, như nói về Trí Minh thứ mười ở phẩm Thập Minh. 6) Định phát ra thân mây, như Tỳ-kheo Hải Tràng... 7) Hoặc dùng thân Phật thị hiện nhập Định. 8) Bởi vì giác ngộ chúng sinh mà nhập Định. Hai câu sau đều ở trong một niệm đạt được Định-Tuệ của tất cả Bồ-tát, đầy đủ hai hạnh nhập Định. Lại giải thích: Một câu đầu là nơi nhập Định, một câu tiếp là thân nhập Định, sáu câu tiếp là Dụng của nhập Định, hai câu sau cuối là thời gian nhập Định.

Hai: Có mười loại Nhất thiết xứ, trước đây trình bày về nhập Định, nay phân rõ về từ Định khởi Dụng rộng khắp tất cả mọi nơi.

Trong mười câu: 1) Bi dựa vào nơi chốn. 2) Thân dựa vào nơi chốn. Tiếp là ba câu khởi lên hiểu rõ nơi chốn, một câu đầu là hiểu rõ về căn tánh thuộc Chánh báo, hai câu sau là hiểu rõ về kiếp hoại thuộc Y báo, trong ba Tai lược bỏ không có Phong tai. Tiếp là một câu về nơi chốn đã cứng dướng. Tiếp là hai câu về nơi chốn đã thành tựu, một câu là Y báo, một câu là Chánh báo. Sau cuối là hai câu về nơi chốn đã thực hiện, một câu là Tuệ, một câu là Phước.

Trên đây là phần về hạnh thuộc Định sâu xa rộng khắp, xong.

Phần ba từ “Thập chủng pháp môn...” trở xuống là bốn mươi câu

trình bày về hạnh thuộc nghiệp dụng tự tại.

Trong đó mười câu đầu trình bày về pháp môn thị hiện tự tại: 1) Thân hiện rõ khắp nơi; 2) Nhiều nơi hiện rõ khác nhau; 3) Khiến cho nhiều hòa vào một; 4) Không mất đi trú trì; 5) Giống như hiện rõ quả trước đây; 6) Không có nơi nào không rộng khắp; 7) Không có lúc nào không rộng khắp; 8) Một quốc độ hiện rõ nhiều thân; 9) Một thân hiện rõ nhiều nơi; 10) Một niệm thị hiện khắp nơi. Như vậy đều là những môn về Pháp tánh dung thông, cho nên gọi là Pháp môn.

Hai: Có mười loại Thần thông, chính là dùng thân mà hiện bày pháp môn, nghiệp dụng vô hạn cho nên nói như vậy: 1) Túc mạng; 2) Thiên nhĩ; 3) Tha tâm; 4) Thiên nhãn. Tiếp theo là năm câu về Thần túc: 1) Hiện bày thần lực; 2) Thị hiện nhiều thân; 3) Qua lại nhanh chóng; 4) Có thể làm trang nghiêm quốc độ; 5) Hiện bày Hóa thân. Sau cuối là một câu về Lưu tận thị hiện thành tựu Bồ-đề. Mười loại này đều lấy Thông Tuệ làm Thể cho nên gọi là Trí Thông, đều từ Định khởi lên cho nên đều gọi là Xuất sinh.

Ba: Có mười loại Minh, trước đây bởi vì không ngưng trệ là Thông, nay đích thực hiển bày là Minh. Trong đó: 1) Nhận biết về nghiệp quả sai biệt của chúng sinh. 2) Nhận biết về chúng sinh đối với cảnh tịch diệt mà khởi tâm tin tưởng thanh tịnh. 3) Nhận biết về Trí của chúng sinh chứng thực tiến vào Lý. Ba câu trên là nhận biết về chúng sinh đã giáo hóa. 4) Ngữ nghiệp. 5) Ý nghiệp. 6) Thân nghiệp. Ba câu này là hiển bày về chủ động giáo hóa. 7) Đối với cảnh chuyển hóa về Tướng phân biệt là nhân của Chánh trí. 8) Nhận biết về lý bình đẳng mà khởi hạnh vô ngại, đầu là nhận biết về lý của ba Vô tánh không ngăn ngại khởi hạnh mà thành Phật. 9) Nhận biết về chân tâm của chúng sinh phù hợp với Lý tùy duyên hiển bày Sự không mất đi tác dụng giáo hóa, trong đó: Một, Nhận biết phù hợp với Lý hiện rõ Sự không mất đi tác dụng giáo hóa; hai, Từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về thành tựu Vô ngại. Trong một lại có: 1) Luôn luôn Hóa tha; 2) Không mất đi Tự hành; 3) Từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về thành tựu. Trong mục 1) : a) Bốn câu nhận biết về Chân Thể của chúng sinh. b) Từ “Tri nhân...” trở xuống là tám câu nhận biết về Sự thuộc tướng duyên khởi của chúng sinh, là từ nhân duyên mà sinh ra Báo. c) Từ “Tri ngu si...” trở xuống là sáu câu-ba cặp nhận biết về nhiễm-tịnh sai biệt của chúng sinh. d) Từ “Tri sinh tử...” trở xuống là tám câu-bốn cặp nhận biết về Lý-Sự vô ngại của chúng sinh. e) Từ “Tri chuyển...” trở xuống là tám câu-bốn cặp nhận biết về căn khí-đạo phẩm sai biệt của chúng sinh: Một là nhận

biết về chuyển y-chưa chuyển y, hai là nhận biết về đạo đối trị khởi lên-chưa khởi lên, ba là nhận biết về phiền não diệt trừ thì đạo phẩm thiết lập, bốn từ “Tri hạnh thành căn báo biệt...” trở xuống là câu tổng quát kết luận về thành tựu giáo hóa, nghĩa là phù hợp với duyên khởi mà quán sát. 10) Trong đó có bảy: 1) Khéo léo có thể lìa xa đấm trước; 2) Từ “Bất kiến...” trở xuống là khéo léo phát khởi nguyện hạnh; 3) Từ “Kiến nhất thiết...” trở xuống là khéo léo gieo trồng cội đức; 4) Từ “Tự tại...” trở xuống là khéo léo phát khởi thần thông thù thắng; 5) Từ “Tri chủng chủng thuyết...” trở xuống là khéo léo có thể soi chiếu cảnh; 6) Từ “Vĩnh đoạn...” trở xuống là khéo léo làm lợi ích cho mình và người; 7) Từ “Trừ diệt...” trở xuống là khéo léo đạt được quả. Đều có thể biết, nghĩa còn lại nói như phẩm Thập Minh trước đây.

Bốn: Có mười loại Giải thoát, trước đây Đại Trí sáng suốt khởi lên, nay phân rõ về chướng ngại của Vô minh không còn, cho nên nói là Giải thoát. Giải thoát có hai loại: 1) Tác dụng tự tại gọi là Giải thoát, như mười loại Giải thoát Bất tư nghị... trong phẩm Bất Tư Nghị Pháp trước đây; 2) Đối với ràng buộc lìa xa vướng mắc gọi là Giải thoát, như đã nói ở đây.

Trong đó: Đầu là bốn câu đối với phàm phu mà được thoát khỏi, hai câu đầu là thoát khỏi Hoặc chướng, một là Độn sử, hai là Lợi sử; một câu tiếp là thoát khỏi Nghiệp chướng; một câu sau là thoát khỏi Báo chướng. 5) Đối với Tiểu thừa mà được thoát khỏi. 6) Đối với Địa tiền mà được thoát khỏi. 7) Đối với phần vị nhân của Địa thượng mà được giải thoát. 8) Đối với đấm trước vi tế-chướng ngại vi tế mà được giải thoát, cũng là tự tại đối với cảnh bên ngoài, cho nên nói là Giải thoát. Sót hai môn sau cuối.

Trên đây là bốn mươi câu trình bày về hạnh thuộc nghiệp dụng tự tại, xong.

Phần ba từ “Thập chủng viên lâm...” trở xuống có một trăm năm mươi câu trình bày về hạnh thành tựu đầy đủ thuộc đức trọn vẹn, trong đó phân bốn: 1) Bốn mươi câu trình bày về hạnh thuộc Báo đức viên mãn; 2) Từ “Thập chủng phát bất động tâm...” trở xuống là hai mươi câu trình bày về hạnh thuộc Tâm trú vững vàng sâu xa; 3) Từ “Thập chủng trí tuệ quán sát...” trở xuống là năm mươi câu trình bày về hạnh thuộc Trí đức thù thắng; 4) Từ “Thập chủng bất khả xưng lượng...” trở xuống là bốn mươi câu trình bày về hạnh thuộc Đức cao xa sâu dày.

Ngay trong phần một là hạnh thuộc Báo đức viên mãn: Một là mười câu về vườn rừng qua lại thưởng ngoạn; hai là mười câu về cung

điện dừng lại nghỉ ngơi; ba là mười câu về dạo chơi vui vẻ trong đó; bốn là mười câu về mang ra sửa sang làm đẹp gọi là trang nghiêm.

Ngay trong mười câu đầu về Vườn rừng, mỗi một câu đều trước là nêu ra tên gọi và Thể của vườn rừng, sau là dùng nghĩa để giải thích về thành tựu, nghĩa là dạo chơi ngắm nhìn vui vẻ.

Trong mười câu: Bảy câu trước là hạnh của nhân thuộc Tự phần, ba câu sau là hạnh của quả thuộc Thắng tiến. Trong bảy câu trước: Hai câu đầu là hạnh Lợi tha; năm câu sau là hạnh Tự lợi: 1) Thời gian; 2) Nơi chốn; 3) Trái ngược; 4) Thuận theo; 5) Tu hành. Bởi vì những Đạo phẩm đều từ Phật mà sinh ra, cho nên nói là cảnh giới của Đức Từ Phụ. Trong ba câu sau: 1) Nghĩ đến pháp thuộc quả; 2) Hiện rõ Pháp luân; 3) Thị hiện Chánh giác.

Hai: Có mười loại Cung điện, trước đây vườn rừng là dạo qua ở bên ngoài, nay cung điện là an trú ở bên trong, cho nên tiếp tục trình bày. Cũng đều trước là nêu ra tên gọi và Thể, sau là giải thích hiển bày về nghĩa lý và Tướng, nghĩa là nếu quên mất tâm Bồ-đề, thì khiến cho Chánh hạnh không có nơi dừng lại, cho nên nói như vậy.

Trong mười câu: Một câu này làm căn bản của hạnh. Tiếp là bảy câu trình bày về hạnh Lợi tha: Đầu là bốn câu về giáo hóa chúng sinh ba cõi, bởi vì trong cõi Sắc phân làm hai, bốn Phạm là bốn Vô lượng; Vô sắc là nơi tai họa, bởi vì trong cõi ấy diệt đi thì khó mà sinh làm Bồ-tát. Trong ba câu tiếp, một là thần thông giáo hóa, hai là giáo hóa quyến thuộc, ba là giáo hóa chúng sinh kiêu mạn. Sau cuối là hai câu về Tự hành thành tựu đầy đủ, một là tu nhân, hai là đắc quả.

Ba: Có mười loại Niềm vui, đã trú trong cung điện thì tâm tình vui với lợi ích thù thắng, cho nên nói là niềm vui.

Trong mười câu: Tám câu đầu là niềm vui trong pháp thuộc nhân, hai câu sau là niềm vui trong pháp thuộc quả. Trong tám câu đầu: Sáu câu trước là pháp thuộc Tự lợi, hai câu sau là pháp thuộc Lợi tha.

Bốn: Có mười loại Trang nghiêm, đã vui vẻ thì tâm thành tựu, dùng đức thù thắng để tự trang nghiêm, cho nên tiếp theo trình bày.

Trong mười câu: Hai câu đầu là Lực và Vô úy, hai câu tiếp là Nghĩa và Pháp biện, hai câu tiếp là Nguyện và Hạnh trang nghiêm, hai câu tiếp là Thâu nhiếp quốc độ và Rưới mưa giáo pháp, hai câu sau cuối là Duy trì hạnh và Thị hiện giáo hóa.

Trên đây là hạnh thuộc Báo đức viên mãn, xong.

Phần hai từ “Thập chủng phát bất động tâm...” trở xuống là hai mươi câu trình bày về hạnh thuộc Tâm trú vững vàng sâu xa, trong đó:

Mười câu đầu là tâm kiên cố, mười câu sau là tiến sâu vào.

Trong mười câu đầu: 1) Tâm kiên cố rời bỏ quả báo. 2) Hưởng về pháp. 3) Cúng dường Phật. 4) Bi quán sát. 5) Từ thâu nhiếp. 6) Chuyên chú mong cầu. 7) Thường xuyên tu. 8) Tín kiên cố, niềm tin có căn vốn là sinh ra quả Phật, niềm tin không hỗn loạn vốn là không xen tạp Vô minh, niềm tin lìa xa cấu nhiễm vốn là không cầu quả báo thế gian, niềm tin trong sáng vốn là đích thực chứng lý, niềm tin cúng dường Phật vốn là hưởng về quả, không lui sụt vốn là nhân của hạnh kiên cố, không hủy hoại vốn là duyên bên ngoài không làm cho biến động. 9) Tận cùng quả. 10) Hạnh trọn vẹn.

Hai: Có mười loại không rời bỏ tâm sâu xa, bởi vì hạnh kiên cố không lay động thì mới thông hiểu tận cùng về lý sâu xa, cho nên nói như vậy. Lại khiến cho tâm này không lìa xa mà hết sức thiết tha, cho nên nói là không rời bỏ tâm sâu xa.

Trong mười câu: 1) Trí; 2) Bi; 3) Hiển bày về ý giáo hóa; 4) Gần gũi thiện hữu; 5) Cúng dường chư Phật; 6) Mong cầu giáo pháp; 7) Giữ gìn giới thanh tịnh; 8) Thâu nhiếp cùng thực hành; 9) Duy trì giáo pháp của Phật; 10) Tu dưỡng nguyện hạnh.

Phần ba từ “Thập chủng trí tuệ quán sát...” trở xuống là năm mươi câu trình bày về hạnh thuộc Trí đức thù thắng.

Trong mười câu đầu, bởi vì tâm luôn luôn thiết tha không rời bỏ, liền khiến cho trí tuệ khéo léo quán sát những việc đã làm.

Trong đó: 1) Quán sát về pháp thuộc Giáo. 2) Quán sát về pháp thuộc Hành. 3) Quán sát về pháp thuộc lực Thần thông. 4) Quán sát về pháp thuộc phương tiện khéo léo. 5) Phật gia trì, nếu dựa theo Dụng để trình bày thì thần lực của Phật gia trì, nếu dựa theo Thể của Pháp thân thì tùy ý duy trì vạn đức. Trên đây là tự tại về quán pháp. 6) Bên trong duy trì. 7) Bên ngoài thuyết giảng. Trên đây là tự tại về thuyết pháp. 8) Quán sát về sâu. 9) Quán sát về rộng. 10) Quán sát về nhiều. 11) Quán sát về vô ngại. Trên đây là quán sát sâu rộng về pháp, là số mười tăng thêm, cho nên còn lại một môn.

Hai: Có mười loại Phân biệt, đã có thể quán sát, thì có thể lựa chọn các pháp, cho nên nói là phân biệt.

Trong mười câu: Hai câu đầu là phân biệt về tánh Y tha khởi, một câu là Pháp, một câu là Dụ. Một câu tiếp là nhận biết về tánh Biến kế không vốn có cho nên không có gì đáng tranh cãi. Bảy câu sau là phân biệt về tánh Viên thành thật: 1) Nhận biết về hằng sa công đức; 2) Thể thật sự không có nương tựa; 3) Kiên cố như Kim cang; 4) Tức là Pháp

thân Như Lai; 5) Thể của Pháp thân vắng lặng; 6) Do chứng đạo mà thâm nhiếp; 7) Thể và Tướng cùng một vị.

Ba: Có mười loại Vô cấu, bởi vì lựa chọn về pháp sâu xa, mà diệt trừ chướng ngại-lìa xa cấu nhiễm.

Trong này lìa xa mười loại cấu nhiễm: 1) Không có cấu nhiễm về mong cầu khác lạ. 2) Không có cấu nhiễm về nghi hoặc. 3) Không có cấu nhiễm về tà kiến. 4) Không có cấu nhiễm về Sở tri chướng. 5) Không có cấu nhiễm về không mong muốn quả Phật. 6) Không có cấu nhiễm về nói chẳng nên lời. 7) Không có cấu nhiễm về yếu hèn. 8) Không có cấu nhiễm về chướng ngại Đại Bi, bởi vì Bi là nơi cư trú của Bồ-tát; lại không có Vô minh làm chướng ngại đến Thập Địa, bởi vì Thập Địa là nơi cư trú của Bồ-tát. 9) Không có cấu nhiễm về biến động phân tán. 10) Không có cấu nhiễm về chướng ngại vương mắc vi tế. Lại giải thích: Ba câu đầu dựa theo Tâm thanh tịnh, một là tâm sâu xa, hai là tâm tin tưởng, ba là tâm hiểu biết. Một câu tiếp dựa theo Cảnh thanh tịnh. Năm câu tiếp dựa theo Hành thanh tịnh. Một câu sau cuối dựa theo Quả thanh tịnh.

Bốn: Có mười loại Trí ấn, bởi vì lìa xa cấu nhiễm chướng ngại, khiến cho đức kiên cố trong sáng vững vàng không lay động, cho nên tiếp theo trình bày.

Trong mười câu: 1) Đối với cảnh khổ vững vàng đón nhận, Nhẫn Trí không lay động vốn là Minh ấn, khổ vì biến dịch là Hoại khổ. 2) Đối với người không có lợi ích là Nhẫn Hành quyết định. 3) Đối với Phật pháp sâu xa là Tín Nhẫn quyết định, tức là Nhẫn tư duy về pháp. 4) Quyết định thành Phật sẽ độ chúng sinh. 5) Quyết định hiểu rõ về Giáo giống như chư Phật. 6) Mong muốn rộng lớn quyết định có mười một câu, một câu đầu mong muốn pháp thiện là tổng quát, mười câu còn lại là riêng biệt. 7) Quyết định không tiếc thân mạng để mong cầu quả Phật. 8) Đối với chúng sinh chưa thuần thực thiện căn thì làm cho sinh trưởng. 9) Chúng sinh đã thuần thực thì làm cho tiến vào pháp. 10) Nhân tròn vẹn và quả đầy đủ.

Năm: Có mười loại Trí tuệ quang minh, hành đã có thể quyết định thì khiến cho soi chiếu mà Dụng không ngăn ngại.

Trong mười câu đều trước là trình bày về đã soi chiếu, sau là hiển bày về có thể soi chiếu: Hai câu đầu là cầu mong quả-được thấy Phật, hai câu tiếp là gặp căn cơ-trao cho pháp, hai câu tiếp là dựa vào thiện hữu-thị hiện về Phật, hai câu tiếp là thâm nhiếp chúng sinh-thuyết pháp làm lợi ích, hai câu sau cuối là Phật gia trì-hạnh đầy đủ.

Phần bốn từ “Thập chủng bất khả xưng lượng...” trở xuống là bốn mươi câu trình bày về hạnh thuộc Đức cao xa sâu dày, trong đó: Một, Mười câu trình bày về hạnh tôn trọng; Hai, Mười câu về hạnh dũng mãnh tu tập; Ba, Mười câu về hạnh cao xa thù thắng; Bốn, Mười câu về hạnh sâu rộng.

Trong mười câu đầu trình bày về Dụng của hạnh khó suy lường, phạm phu-Tiểu thừa không có ai có thể nhìn thấy. Trong đó: 1) Trú vào Chân mà không chứng là khó; 2) Thành tựu Thiện mà không giữ lấy là khó; 3) Hiểu rõ Lý mà không nghi ngờ Sự là khó; 4) Kiếp số lâu dài mà không có lối lỏng là khó; 5) Đạt được Diệt mà không trú vào là khó. Lại giải thích: 4) Không chán ngán sinh tử; 5) Không trú vào Niết-bàn. 6) Không có Kiếp mà thuyết về Kiếp là khó; 7) Không phải Hạnh mà khởi Hạnh là khó; 8) Hiểu rõ ràng chỉ do tâm là khó, ba cõi là Xứ của Thức, ba đời là Số của Thức, tâm vô biên là bao gồm thân nhiếp tất cả các pháp khác; 9) Bi rộng rãi mà vô hạn là khó; 10) Đạt được quả mà không nhận là khó. Vì vậy khó suy lường, cho nên vượt qua phạm phu-Tiểu thừa, lời nói không thể nào nói ra được, trí không thể nào suy nghĩ được, cho nên nói như vậy.

Hai: Có mười loại Phát tâm không lười nhác, Dụng của hành đã vượt lên trên, thì khiến cho dũng mãnh mà không gián đoạn.

Trong mười câu: Ba câu đầu là phá bỏ Tà-trao cho Chánh. Hai câu tiếp là đầy đủ hạnh thân nhiếp chúng sinh. Hai câu tiếp là thành tựu quả điều phục chúng sinh. Một câu tiếp là thị hiện Phật ở nhiều quốc độ. Một câu tiếp là bố thí rộng rãi tất cả. Một câu sau cuối là trong một niệm lập tức hiểu rõ, trong đó có năm: 1) Nêu ra pháp đã hiểu biết có chín môn; 2) Từ “Như thị đẳng...” trở xuống là so sánh phân rõ về tướng có thể hiểu biết; 3) Từ “Ưu nhất thiết...” trở xuống là sơ lược trình bày về hiểu biết không điên đảo; 4) Từ “Vô nhị trí...” trở xuống là mở rộng hiển bày về tướng hiểu biết không có trái ngược; 5) Từ “Pháp giới đẳng...” trở xuống là phân rõ về nghiệp dụng của trí không có trái ngược.

Ba: Có mười loại Tâm chánh trực nhu núi chúa Tu-di, chính là bởi vì trong hạnh dũng mãnh thành tựu Đại tâm quyết định, đích thực hưởng về Bồ-đề không có thể làm cho nghiêng ngã lay động, cho nên nói như vậy.

Trong mười câu: 1) Quyết định tu có thể chứng trí. 2) Quyết định quán sát về Lý đã chứng. 3) Quyết định khiến cho phước tuệ này hưởng đến tiến vào Chân Như trong sáng vô cấu đã chứng. 4) Quyết định thành tựu về hạnh mong cầu giáo pháp. Là xa pháp trộm cắp, nghĩa là

nghe pháp từ người khác mà nói là mình tự hiểu biết, không xứng để ca ngợi là bậc thầy, dựa theo kinh Quán Phật Tam Muội nói: “Rơi vào địa ngục như tên bắn.” Khởi tâm bố thí tất cả, là muốn đem giáo pháp giúp cho tất cả chúng sinh. 5) Hạnh Đại Nhẫn hóa độ chúng sinh rời bỏ Như Như, là quán sát về Như rời bỏ tướng; pháp Đại Nhẫn vốn là Đại Trí hiện rõ trước mắt. 6) Hạnh thành tựu vượt lên trên cảnh giới của ma, trong đó có bốn: Một là thành tựu về pháp thù thắng, hai là không đắm theo pháp thù thắng này, ba là chỉ mong cầu Chánh pháp, bốn là nêu ra nhân giải thích về thành tựu. 7) Hạnh tinh tiến dũng mãnh tu tập, Nhiếp Luận nói: “Người ngu tu tập tuy trong chốc lát mà tâm lười nhác nghi ngờ cho là đã lâu, Phật ở trong vô lượng kiếp tinh tiến dũng mãnh mà nói là trong khoảnh khắc.” 8) Hạnh không rời bỏ người ác. 9) Hạnh đơn độc một mình dũng mãnh tu tập. 10) Hạnh ngay nơi Không mà thành tựu về Hữu, trong đó có bốn: Một, Không có một pháp..., là chính thức trình bày về thấy Lý thật không có; Hai, Từ “Nhi Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về không rời bỏ Bi nguyện; Ba, Nêu ra pháp giải thích về thành tựu, nghĩa là ngay nơi này không vốn có gì, mà sinh ra Bồ-đề; bốn-Từ “Nhi thứ Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về phù hợp với Lý thành tựu về Tu, cũng không sinh ra sợ hãi như vậy, nếu tất cả là Không thì mình cầu đạo Vô thượng có nghĩa gì?

Bốn: Có mười loại Tiến vào biển rộng của Trí tuệ..., trước đây trình bày về núi Chí vĩng vàng cao vút, nay hiển bày về biển Trí sâu rộng, cho nên tiếp theo trình bày. Nghĩa là dùng Trí tuệ như biển rộng, tỏ ngộ sâu xa chứng nhập về mười loại pháp này, thành tựu Bồ-đề Vô thượng mà gọi tên, không phải là tiến vào trong biển Trí tuệ này, bởi vì trong riêng biệt hiển bày nói rằng: Tiến vào vô lượng cảnh giới của chúng sinh..., cho nên có thể biết rõ.

Trong mười câu: 1) Tiến vào vô lượng cảnh giới của chúng sinh; 2) Tiến vào vô lượng thế giới; 3) Tiến vào cảnh giới hư không; 4) Tiến vào pháp giới; 5) Tiến vào cảnh giới thiện căn vô biên của chư Phật ba đời; 6-7-8 là tiến vào cảnh giới của chư Phật ba đời; 9) Có thể cúng dường nhiều Đức Phật; 10) Có thể cầu mong nhiều giáo pháp.

Trên đây là tổng quát giải đáp về hành tướng của phần vị Thập Hạnh, xong.

**Đoạn lớn thứ tư:** Từ “Thập chủng Bảo trú...” trở xuống có ba trăm câu, giải đáp hai mươi chín câu hỏi trước đây, trình bày về hành tướng sai biệt trong phần vị Thập Hồi Hương. Bởi vì chương môn trong mười Tự Tại có mười câu không ở trong câu hỏi, cho nên có ba trăm câu giải



đáp về hai mươi chín câu hỏi. Trong đó phân ba: Một, Một trăm mười câu trình bày về nghĩa kiên cố thuộc Thể của hạnh trong phần vị Hồi Hưởng; Hai, Từ “Thập tự tại...” trở xuống là một trăm hai mươi câu trình bày về nghĩa tự tại thuộc Dụng của hạnh; Ba, Từ “Thập chủng du hí thần thông...” trở xuống là bảy mươi câu trình bày về nghĩa trọn vẹn đầy đủ thuộc phần vị của hạnh.

Ngay trong phần một là Thể của hạnh, phân hai: 1) Bốn mươi câu trình bày về Thể của hạnh thành tựu dừng lại cao vút trên bờ giải thoát; 2) Từ “Thập bất hoại tín...” trở xuống là bảy mươi câu trình bày về Thể của hạnh lìa xa chướng ngại thâm nhiếp các đức thù thắng.

Ngay trong phần một: Đầu là mười loại Bảo Trú, trú vào nơi đáng quý của Chánh pháp, cho nên nói là Bảo Trú; lại lấy Vô trú làm Trú, cũng gọi là Bảo Trú.

Trong mười câu: 1) Gần Phật. 2) Nghe pháp. 3) Tự tại thọ sinh. 4) Nhận biết pháp tự tại, nghĩa là tổng quát-riêng biệt vô ngại. 5) Trí và Đoạn tự tại, nghĩa là chấm dứt đạo Tư lương, tách rời đạo Gia hạnh, quyết định đạo Vô gián, mà không chứng Thật tế, là bởi vì khác với Nhị thừa, bởi vì giữ lại phiền não; đến bốn bờ Thật tế, là cứu cánh đến ranh giới của pháp Vô ngã. 6) Bi và Trí tự tại, nghĩa là nhận biết chúng sanh Không mà thực hành hóa độ. 7) Nhận biết về pháp Lý-Sự vô ngại. 8) Nhận biết về Lý không có mà không ngăn ngại khởi hạnh. 9) Khéo léo đối với Không mà Nguyên không trống rỗng. 10) Nghe nhiều Đức Phật thuyết giảng khác nhau mà khéo léo thông hiểu, nghĩa là dùng bốn Ý... mà quyết định, bởi vì Trí của Phật vốn không nghĩ bàn cho nên nhiều cách nói khác nhau, Thể của pháp không khác nhau cho nên nói là ngôn từ không hai.

Hai: Có mười loại Phát tâm Kim cang, nơi cư trú đã đáng quý, có thể đối với pháp Đại thừa không có phạm vi giới hạn, dùng tâm kiên cố cùng tận ranh giới ấy, cho nên gọi là trang nghiêm...

Trong mười câu: 1) Nhận biết về pháp ba đời không có giới hạn. 2) Dẫn ra nhiều Bồ-tát để tự thúc đẩy động viên mình. 3) Trang nghiêm thế giới không có giới hạn. 4) Phước tuệ thấm nhuần đến chúng sinh không có giới hạn. 5) Dùng thiện căn cúng dường chư Phật không có giới hạn. 6) Hiểu sâu xa về pháp của Phật không có giới hạn, đó là trong giải thích nói rằng thâm nhiếp đạt được tất cả, nghĩa là Vô tướng không hủy hoại tướng là thâm nhiếp đạt được, bởi vì Vô tướng thâm nhiếp tướng, tướng thâm nhiếp Vô tướng, cho nên nói là thâm nhiếp tất cả. 7) Có thể nén chịu đựng cung bậc(cấp) của khổ não không có giới hạn,

sách Thế Tục nói: “Chém đầu giặc làm cấp, ban thưởng tước vị thêm một cấp, nhân đó lấy làm tên gọi.” Trú trong pháp không hai, là Khổ và Ngã không hai, tức là Nhẫn tư duy về pháp. 8) Thời gian không có giới hạn phạm vi, thực hành đạo Bồ-tát đối với nơi chốn không có giới hạn phạm vi. 9) Dùng tâm chủ yếu thành tựu Đại hạnh không có giới hạn. 10) Hạnh ngay nơi Tịch khởi Dụng, trong đó có bốn: Một, Trú vào Không Tịch; hai-Từ “Nhi diệc bất xả...” trở xuống là trình bày về hạnh khởi Dụng của Sự; ba-Từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là nêu ra Đại nguyện để giải thích về thành tựu; bốn-Từ “Thiện tri thị pháp...” trở xuống là trình bày về Đại nguyện hạnh cùng dung thông.

Ba: Có mười loại Đại sự phát khởi, đối với Đại sự đã thực hiện khiến cho phát khởi hiện rõ trước mắt, cho nên nói như vậy.

Trong mười câu: Ba câu đầu là Phước nghiệp to lớn; ba câu tiếp là Hóa nghiệp to lớn, trang nghiêm quốc độ để thâm nhiếp chúng sinh; hai câu tiếp là trình bày về Thắng tiến thâm nhiếp phước; chín là thành Phật; mười là thuyết pháp.

Bốn: Có mười loại Đại sự cứu cánh, trước đây đối với Đại sự chỉ có thể phát khởi hiện rõ trước mắt, nay trình bày về những việc làm đã thành tựu đầy đủ, cho nên nói là Cứu cánh.

Trong mười câu: 1) Cúng dường tất cả cảnh giới Phật; 2) Đầy đủ những điều thưa thỉnh vốn có; 3) Mong cầu tất cả Chánh pháp; 4) Hai câu tiếp là tăng thêm nhân-sinh ra quả, hai câu tiếp là Nguyện và Hạnh thành tựu đầy đủ; ba câu sau cuối là cúng dường người nghe pháp.

Phần hai từ “Thập bất hoại tín...” trở xuống có bảy mươi câu trình bày về Thể của hạnh lìa xa chướng ngại thâm nhiếp các đức thù thắng. Trong đó: Bốn mươi câu đầu là trình bày về Tín Tuệ khéo léo; ba mươi câu sau hiển bày về Tâm Hành thâm nhiếp đức.

Ngay trong phần đầu: Một, Trình bày về mười loại Tín bất hoại, niềm tin thanh tịnh không hủy hoại đối với pháp tiến sâu vào, phá tan chướng ngại của không tin tưởng.

Trong mười câu: Sáu câu đầu là Duyên của Tín hạnh, bốn câu sau là Thể của Tín hạnh. Trong sáu câu đầu, tin tưởng chúng sinh, tin tưởng là bởi vì cảnh của Bi đã giáo hóa; lại tin tưởng bởi vì chúng sinh có Như Lai Tạng và Phật tánh...

Hai: Có mười loại Thọ ký, bên trong đã có niềm tin kiên cố, bên ngoài được ghi nhận riêng biệt, cho nên có thọ ký; trước đây trình bày về tự mình nhận biết thọ ký, nay trình bày về chư Phật cùng ghi nhận, cho nên trở thành riêng biệt.

Trong mười câu: 1) Gieo trồng thiện căn thuộc phần giải thoát, nghe pháp mà lông tóc dựng đứng... 2) Đạt được Kiến đế của Địa thứ nhất, gọi là Đệ đầy đủ... 3) Ở trong phần vị tu tập, thực hành rộng rãi các hạnh. 4) Đối với chúng hiện tại trước mắt. 5) Đối với chúng không hiện tại trước mắt. 6) Nhờ vào tỏ ngộ về nghĩa Bốn giác của tự tâm. 7) Thành tựu phần vị Pháp Nhãn. 8) Công hạnh giáo hóa đã thiết lập. 9) Kiếp số đã đầy đủ. 10) Phần vị vô cùng tự tại. Còn lại nói như trước.

Ba: Có mười loại Thiện căn hồi hướng, dùng thiện căn của mình thuận theo giống như thiện hữu, cho nên nói như vậy.

Trong mười câu: Hai câu đầu là Tâm giống nhau. Một câu tiếp là Hạnh giống nhau. Hai câu tiếp là Tu giống nhau. Hai câu tiếp là Đối trị giống nhau, nghĩa là Chánh niệm chủ động đối trị hiện rõ trước mắt, thanh tịnh thụ động đối trị lỗi lầm đã lìa xa. Một câu tiếp là Phần vị giống nhau. Hai câu sau cuối là Chứng giống nhau, bởi vì không có gì khác nhau. Giống nhau, nghĩa là thiện căn hồi hướng của Bồ-tát này cùng với thiện căn của Thiện tri thức, vốn một Thể không có gì khác nhau, cho nên gọi là giống nhau, chứ không phải là Thể riêng biệt tương tự gọi là giống nhau.

Bốn: Có mười loại Đạt được Trí tuệ, bởi vì công đức hồi hướng thuần thực, đạt được Trí có thể tự tại, cho nên tiếp theo trình bày.

Trong mười câu: Bốn câu đầu là Tự phần: 1) Hiểu rõ về bố thí; 2) Vui với giáo pháp; 3) Tiến vào cảnh Phật; 4) Có thể loại bỏ nghi ngờ. Sáu câu sau là Thắng tiến: 1) Tỏ ngộ về Thật; 2) Tiến vào Quyền; 3) Hiểu rõ pháp thiện nhỏ bé sinh ra vị Phật; 4) Có đủ đức; 5) Hướng về Phật; 6) Tỏ ngộ pháp. Nhờ hiểu rõ về những điều này cho nên đạt được Trí tự tại.

Trong phần sau từ “Thập chủng phát vô lượng vô biên quảng tâm...” trở xuống có ba mươi câu trình bày về Tâm Hành thâm nhiếp đức.

Trong đó: Một, Đối với cảnh không có giới hạn, phát tâm phù hợp với cảnh, cho nên nói như vậy.

Trong mười câu: 1) Nghĩ nhiều về điều đã mong cầu. 2) Nghĩ nhiều về chúng sinh đã hóa độ. Tiếp theo hai câu là nghĩ nhiều về điều đã hiển bày, một là hiểu rõ về Sự, hai là hiển bày về Lý. Tiếp theo hai câu là nghĩ nhiều về phần vị nhân quả. 7) Hiểu biết nhiều về nghiệp báo. 8) Trang nghiêm nhiều quốc độ. 9) Tiến vào Đại chúng. 10) Quán sát Viên âm.

Hai: Có mười loại Tạng, bởi vì Đại tâm đã rộng khắp tất cả, cho

nên nay đức cùng tận biển sâu, vì vậy tiếp theo trình bày.

Trong mười câu: 1) Tạng về chữ; 2) Nghĩa; 3) Trì; 4) Biện; 5) Tuệ; 6) Thông; 7) Khéo léo; 8) Thấy Phật; 9) Tiến vào kiếp; 10) Hoan hỷ cung kính. Những loại này đều có hàm chứa-thâu nhiếp-tích lũy, cho nên cùng gọi là Tạng.

Ba: Có mười loại Điều thuận, đã tích lũy công đức đầy đủ thì ngang ngạnh cố chấp không còn, cho nên tiếp theo trình bày.

Trong mười câu: 1) Lìa xa bài bác; 2) Lìa xa nghi ngờ; 3) Rời bỏ kiêu mạn; 4) Rời bỏ kiến chấp của mình; 5) Rời bỏ Thừa dưới thấp; 6) Lìa xa lay động phân tán; 7) Rời bỏ kiến chấp lạ lùng; 8) Lìa xa ba nghiệp bất thiện; 9) Làm cho ma oán hàng phục; 10) Lìa xa sáu pháp lỗi lầm. Đây là dựa theo ngăn chặn để giải thích, nếu dựa vào biểu hiện mà nói thì những hạnh đã thực hiện thuần thực, vô cùng thuận với điều nhu.

Trên đây là giải thích về Thể của hạnh kiên cố, xong.

Phần hai từ “Thập tự tại...” trở xuống có một trăm hai mươi câu trình bày về Dụng tự tại của hạnh, trong đó: Mười câu đầu là tổng quát trình bày về tự tại; một trăm mười câu sau là riêng biệt hiển bày về tự tại.

Trong phần đầu là tổng quát trình bày về tự tại: Mười tự tại, là tác dụng không có gì ngăn ngại, kéo dài-rút ngắn do mình cho nên nói là tự tại. Mười tự tại trong này giải thích giống như trong Địa thứ tám, trong này là Trang nghiêm thì trong phần ấy gọi là Tài vật tự tại; trong này là Giải thoát thì trong phần ấy gọi là Tín giải tự tại, dựa theo bản tiếng Phạn thì phải gọi là Thắng giải; trong này là Thần lực thì trong phần ấy gọi là Như ý tự tại. Mỗi một loại đều trước là nêu ra tên gọi-sau là giải thích ý nghĩa, giống như trước có thể biết. Trong kinh Pháp Tập quyển thứ 2 cũng trình bày về nghĩa này.

Trong phần sau là riêng biệt hiển bày về tự tại: 1) Nêu ra mười Chương; 2) Dùng trăm môn theo thứ tự giải thích.

Trong phần một là nêu ra tên gọi, thứ chín là dựa theo Thần lực, thứ mười là dựa theo Trí lực, còn lại giải thích như sau.

Trong phần hai là theo thứ tự giải thích: Một, Phân rõ về Chúng sinh tự tại, bởi vì là đã giáo hóa. Trong đó: Năm câu đầu là chuyển biến tự tại ở trong chúng sinh, năm câu sau là làm Thượng thủ tự tại ở trong chúng sinh. Lại giải thích: Một câu đầu là tổng quát, chín câu còn lại là riêng biệt. Trong riêng biệt: 1) Khởi lên nguyện ấy, vui thích nghĩ đến không ngừng gọi là Trì. 2) Dựa vào chúng sinh trao cho pháp. 3) Khiến

cho đạt được lợi ích gọi là Biến. 4) Khiến cho tiến vào pháp giới. Năm câu sau là thân Thượng thủ, có thể biết.

Hai, Quốc độ tự tại: Ba câu đầu là dùng Thô tiến vào Tế tự tại, dần dần tiến sâu vào cho đến Vô tận. Ba câu tiếp là Thân-Độ vô ngại tự tại, một là thân đầy khắp quốc độ, hai là quốc độ chứa đầy thân, ba là lay chuyển khiến cho rung động. Hai câu tiếp là trang nghiêm quốc độ tự tại. Hai câu sau cuối là hiện rõ Phật-hiện rõ quốc độ tự tại. Vì sao đều đạt được tự tại như vậy, giải thích sơ lược có năm nghĩa: 1) Bởi vì thông hiểu rõ ràng về môn Duyên khởi dựa vào nhau. 2) Bởi vì thông hiểu về môn Pháp tánh dung thông. 3) Bởi vì Định lực tự tại phát khởi thân thông thù thắng. 4) Bởi vì đạt được lực Giải thoát có năng lực xoay chuyển. 5) Trí lực hiểu rõ về pháp như huyền mộng, tùy theo tự tâm hiện bày mà được tự tại, đều bởi vì Sở tri chướng không còn mà đạt được như vậy. Văn còn lại từ trên xuống dưới đều giống như ở đây giải thích, nên biết.

Ba: Pháp tự tại: 1) Một nhiều tự tại. 2) Chủ yếu do Trí sinh ra. 3) Lý và Sự vô ngại. 4) Tổng và Biệt khéo léo. 5) Nói mà không có ngôn từ. 6) Khéo léo chuyển sang Nhất thừa. 7) Nhiều kiếp nói thành một. 8) Ngay nơi nhiễm thành tựu thanh tịnh. 9) Khéo léo hiện rõ nhiều loại. 10) Thể không ngăn ngại Dụng.

Bốn: Thân tự tại: Hai câu đầu là Tự và Tha vô ngại; hai câu tiếp là Quả và Đức vô ngại; hai câu tiếp là Y và Chánh vô ngại; hai câu tiếp là Định và Tuệ tự tại; hai câu sau cuối là Lý và Sự tự tại, cũng là Nhiễm-Tịnh tự tại, Chân-Vọng tự tại.

Năm: Nguyện tự tại: 1) Nhân nguyện cùng mong cầu, bởi vì đó chính là tự mình. 2) Quả nguyện cùng hiện rõ đều vì chúng sinh. 3) Nguyện làm cho đạt được quả. 4) Thường nguyện không dừng nghỉ. 5) Không có thân mà hiện rõ thân, nghĩa là lìa xa Thức thân của phàm phu, không đắm theo Trí thân của Nhị thừa; lại lìa xa Thức thân giữ lấy tướng, cũng không đắm theo Trí thân không có tướng, mà có thể hiện rõ thân nhờ vào Nguyện lực. Tiếp hai câu là cùng sự nghiệp giáo hóa. 8) Tu nhân trải qua nhiều thời gian. 9) Thành tựu quả ở nhiều nơi chốn. 10) Khắp nơi rưới làn mưa giáo pháp. Tất cả đều nhờ vào Thể của Nguyện không có chướng ngại, Nguyện lực không cần tác ý, tự nhiên thành tựu cho nên gọi là Nguyện tự tại.

Sáu: Cảnh giới tự tại: Xoay chuyển vô ngại đối với phạm vi giới hạn của cảnh giới, ở trong cảnh trái ngược nhau về mười loại thù thắng-yếu kém này, đều đạt được thù thắng mà hiện rõ yếu kém, cho nên gọi

là tự tại. Trong đó: 1) Lý và Sự trái ngược nhau; 2) Tà và Chánh; 3) Nhiễm và Tịnh; 4) Nhân và Quả; 5) Tĩnh và Loạn; 6) Chân và Vọng; 7) Phàm và Thánh; 8) Bi và Trí; 9) Thể và Dụng; 10) Đại và Tiểu, nghĩa là vốn ở nơi Đại mà hiện rõ Tiểu.

Bảy: Trí tự tại: Trí không tự nhiên hiển bày, dựa theo pháp đã nhận biết mà hiển bày. Trong đó: Hai câu đầu là Trí có thể giáo hóa, một là Thuyết, hai là Trì. Ba câu tiếp là Trí đã giáo hóa, một là nhận biết về Căn, hai là nhận biết về Dụng, ba là nhận biết về đối trị phiền não. 6) Hướng lên trên tiến vào Thập Lực. 7) Hướng xuống dưới nhận biết về ba đời. 8) Thị hiện Chánh giác. 9) Nhận biết về Căn nghiệp. 10) Thông hiểu âm thanh.

Tám: Thần thông tự tại: 1) Thần túc. 2) Thiên nhãn. 3) Lậu tận, cũng là Ứng thành. 4) Ngữ nghiệp. 5) Túc mạng. 6) Huyền thông. 7) Nghĩa pháp trí thông. 8) Trí thuộc Giáo pháp. 9) Cung kính bảo vệ. 10) Trí thuộc Lý pháp.

Chín: Thần lực tự tại: Hai câu đầu là lực của Huyền thông, hiện rõ trong mây trần là ở trong mây trần trước đã từng có chứ không phải là từ bên ngoài đưa vào. Ba câu tiếp là lực của Như ý thông, hai câu trước là trong Chánh báo hiện rõ Y báo, nghĩa là lỗ chân lông vốn là Chánh báo, một câu sau là sợi lông quấn vòng quanh núi. Ba câu tiếp là tự tại đối với thời kiếp, một là nhiều ít tự tại, hai là thị hiện ba Tai không làm nào hại chúng sinh, ba là lúc kiếp tai hủy hoại thì duy trì vật dụng tiền của không để cho tổn hoại. Hai câu sau cuối là tự tại đối với nơi chốn, một là ném ra xa, hai là hiểu rõ trống rỗng.

Mười: Lực tự tại: Vốn là lực của Bi-Trí cho nên không giống như môn trước: 1) Lực điều phục chúng sinh; 2) Lực trang nghiêm quốc độ; 3) Lực của Pháp thân; 4) Lực thường xuyên tu tập; 5) Lực khai mở giác ngộ; 6) Lực thâm nhiếp thực hành; 7) Lực hóa độ chúng sinh; 8) Lực tự mình giác ngộ; 9) Lực của Chủng trí; 10) Lực của Đại Bi. Tất cả đều trước là nêu ra tên gọi-sau là giải thích ý nghĩa, đều là nghiệp dụng không ngưng trệ, cho nên gọi là Lực. Sau là gồm chung kết luận, có thể biết. Trên đây là phần hạnh đức tự tại, xong.

Phần ba từ “Thập chủng du hý thần thông...” trở xuống là bảy mươi câu trình bày về hạnh đức trọn vẹn đầy đủ. Trong đó: Đầu là hai mươi câu trình bày về hạnh đức thù thắng; sau là năm mươi câu sau trình bày về hạnh đức viên mãn.

Trong phần đầu trình bày về hạnh đức thù thắng:

Một: Mười câu trình bày về tùy theo chí hướng thành tựu hạnh qua

lại thường ngoạn tự tại, cho nên nói như vậy. Trong đó: Hai câu đầu lấy Chánh báo cấu nhiễm so sánh với Y báo thanh tịnh để trình bày về tác thành lẫn nhau, trong này có bốn loại tự tại: 1) Y và Chánh tác thành lẫn nhau; 2) Nhiễm và Tịnh tác thành lẫn nhau; 3) Chánh nhiễm và Y tịnh tác thành lẫn nhau; 4) Tác thành lẫn nhau trên đây đã rất hiếm có, huống hồ tất cả đều không hủy hoại-không xen tạp mà rất là tự tại, cho nên gọi là Du hý thông. Sau đều dựa theo đây. Hai câu tiếp lấy thân Phật so sánh với Nhị thừa để trình bày về tác thành lẫn nhau.

Hỏi: Phật là người ở phần vị quả, Bồ-tát là người ở phần vị nhân, vì sao người ở phần vị nhân có thể khiến cho thân Phật làm thành Nhị thừa?

Đáp: Đây là Bồ-tát trong phần vị Phổ Hiền cùng với Phật vốn như nhau. Lại giải thích: Từ “Thị Phật...” trở xuống là dựa vào sự dung nạp ấy mà tác thành.

Hai câu tiếp là nhân vị và quả vị tác thành lẫn nhau. Hai câu tiếp là sinh tử và Niết-bàn tác thành lẫn nhau; mà không đắm vào Niết-bàn, là sinh tử không nhiễm Niết-bàn; cũng không cứu cánh Vô dư, là trình bày về sinh tử không mất. Trong này chỉ là Niết-bàn thanh tịnh thuộc phương tiện của quả vị; trong này không phải là Niết-bàn thuộc tánh thanh tịnh, Niết-bàn thuộc tánh thanh tịnh cùng với sinh tử tác thành lẫn nhau không đủ để lấy làm lạ. Hai câu sau là trình bày về Định và Dụng tác thành lẫn nhau.

Hai: Có mười Hạnh thù thắng, bởi vì thường xuyên qua lại tự tại, khiến cho những việc đã làm thấy đều tinh vi, cho nên nói là hạnh thù thắng. Trong đó: Ba câu đầu là hạnh thâm nhiếp chúng sinh, hai câu trước là dùng pháp dựa vào cơ, một câu sau là thâm nhiếp cơ giống như pháp. Ba câu tiếp là nhận biết về pháp hành, một là nhân và quả phát sinh lẫn nhau, hai là Hữu vi và Vô vi phát sinh lẫn nhau, ba là sinh tử và Niết-bàn phát sinh lẫn nhau. Bốn câu sau là ba nghiệp hạnh, một câu là ngữ nghiệp, hai câu tiếp là thân nghiệp, một câu sau là ý nghiệp, có thể biết.

Trong phần sau từ “Thập lực...” trở xuống có năm mươi câu trình bày về hạnh đức viên mãn:

Một: Có mười lực, chính là bởi vì Dụng của Trí thuộc đức thù thắng có thể có năng lực, cho nên nói là Lực, đều có nêu ra và giải thích. Trong đó: Bảy câu đầu là Lực của nhân thuộc Tự phần: 1) Không đắm nhiễm ba cõi; 2) Không hủy hoại bốn Tín; 3) Khéo léo tu hành; ba loại trên là Tự hành. 4) Nhận biết tâm của chúng sinh; 5) Đây đủ

nguyện của chúng sinh; 6) Thường xuyên giáo hóa; 7) Hiện rõ về Thừa; bốn loại trên là hạnh Lợi tha. Ba câu sau là Lực của quả thuộc Thắng tiến: 1) Hiện thân Phật; 2) Ngộ Bồ-đề; 3) Chuyển pháp luân.

Hai: Có mười loại Vô úy, chính là bởi vì công dụng mạnh mẽ của Trí lực, mà bên ngoài không có gì làm cho sợ hãi, cho nên nói như vậy. Trong đó: Hai câu đầu là duy trì đầy đủ văn-nghĩa, giải đáp chất vấn không sợ hãi. 3) Hiểu rõ ràng về hai Không, không sợ vọng niệm. 4) Oai nghi không sợ thiếu sót. 5) Ba nghiệp không sợ sai lầm. 6) Không sợ các ma. 7) Không có sợ vì không có thể nghe và duy trì. 8) Bi nguyện không sợ sinh tử phiến não. 9) Thị hiện cùng Nhị thừa mà không sợ Nhị thừa. 10) Không sợ cơ cảm mà không thể nào hiện rõ.

Ba: Có mười pháp Bất cộng, chính là bởi vì Trí lực hùng mạnh mà phạm phu-Tiểu thừa không nhìn thấy, cho nên nói là Bất cộng. Lại giải thích: Đã đều nói là tỏ ngộ không nhờ vào người khác, tức là nhận biết về hành khởi, tự tâm không phải giống với người khác, cho nên gọi là Bất cộng. Trong đó: 1) Hạnh của chính mình. 2) Hạnh về Hóa tha. 3) Hạnh về Hồi hướng. 4) Hạnh về phương tiện khéo léo, trong đó có ba: Một là khéo léo lìa xa Nhị thừa, hai từ “U sinh tử trung...” trở xuống là khéo léo thuận theo thế gian, ba từ “U thế gian...” trở xuống là khéo léo đến cùng bến bờ giải thoát. 5) Hạnh về Trí tuệ, trong đó có ba: Một là tổng quát nêu ra Định-Tuệ, hai từ “Thường tại Niết-bàn...” trở xuống là riêng biệt phân rõ mười môn Trí tuệ tự tại, ba từ “Bồ-tát thành tựu...” trở xuống là tổng quát kết luận ca ngợi về thù thắng. 6) Hạnh về ba nghiệp tùy theo Trí. 7) Hạnh về Bi thay người khác chịu khổ. 8) Hạnh về Từ nhận người khác cúng dường. 9) Hạnh về tự mình thanh tịnh và làm cho người khác thanh tịnh. 10) Hạnh về đầy đủ phần vị thường xuyên tu tập.

Bốn: Có mười loại Nghiệp, chính là bởi vì Nội đức bất cộng khiến cho những việc đã làm nhất định như vậy, cho nên nói là Nghiệp. Trong đó: Một câu đầu là dựa theo nơi chốn. Ba câu tiếp là dựa theo con người. Một câu tiếp là dựa theo thời gian. Hai câu tiếp là dựa theo Dụng: 1) Công hạnh của thân; 2) Ánh sáng nơi thân. Ba câu sau là dựa theo hộ trì: 1) Hộ pháp; 2) Thuyết pháp; 3) Nguyện trì. Những loại này phần nhiều dựa theo Sự của cảnh làm tên gọi, tất cả đều có nêu ra và giải thích, có thể biết.

Năm: Có mười loại Thân, bởi vì nhân của nghiệp đã đầy đủ, quả của thân hiện rõ trước mắt; đây cũng là do phần vị Hồi hướng đầy đủ mà đạt được mười thân. Trong đó: Hai câu đầu là dựa theo Thể, bởi vì



không đến mà tiến vào cõi, sau ở trong cõi cũng không có thể rời ra, cho nên nói như vậy. Năm câu tiếp là dựa theo Dụng: 1) Thuận theo giống như thế gian; 2) Không mất đi chân thật, cũng là do thế gian mà nhận biết chân thật; 3) Dụng tận cùng thời gian vị lai; 4-5 là đích thực bởi vì tùy duyên bất biến cho nên đạt được kiên cố bất động. Ba câu sau là dựa theo Tướng: 1) Tướng thuộc Phước; 2) Tướng thuộc Lý; 3) Tướng thuộc Quả.

Mười thân này cùng với mười thân trong Hạnh thứ chín ở trong phẩm Thập Hạnh trước đây có giống nhau-có khác nhau, thâm nhiếp lẫn nhau có thể biết.

Trên đây là ba trăm câu giải đáp về hành tướng trong Thập Hồi Hưởng, xong.

Mười nghiệp-mười thân trên đây, từ xưa đến nay các Sư phần nhiều đem đưa vào sau trong phần vị Thập Địa, nhưng trong kinh Độ Thế thì riêng biệt về Hạnh có sáu lần hỏi-đáp, phần này ở cuối lần thứ tư. Nay dựa vào kinh ấy, phân định văn này thâm nhiếp vào phần vị Hồi Hưởng.

**Đoạn lớn thứ năm:** Từ “Thập chủng thân nghiệp...” trở xuống có năm trăm câu giải đáp năm mươi câu hỏi về hành tướng trong phần vị Thập Địa trước đây. Trong đó phân bốn: Một, Một trăm hai mươi câu trình bày về hạnh thù thắng thuộc ba nghiệp trong Thập Địa, dựa vào Địa thứ nhất; Hai, Từ “Thập chủng phương tiện...” trở xuống là chín mươi câu trình bày về hạnh li xa chướng thành tựu tu, dựa vào Địa thứ hai-thứ ba; Ba, Từ “Thập chủng ly sinh...” trở xuống là chín mươi câu trình bày về hạnh thuần thực thành tựu tu, dựa vào phần vị từ Địa thứ tư trở lên; Bốn, Từ “Thập chủng tức...” trở xuống là hai trăm câu trình bày về hạnh viên mãn Báo tướng, dựa vào phần vị từ Địa thứ tám trở lên.

Ngay trong phần một phân ba: 1) Hai mươi câu trình bày về hạnh thuộc thân nghiệp; 2) Bốn mươi câu trình bày về hạnh thuộc khẩu nghiệp; 3) Sáu mươi câu hiển bày về hạnh thuộc ý nghiệp.

Ngay trong phần một: Một, Dựa vào thân khởi nghiệp: 1) Rộng khắp tất cả nơi chốn; 2) Hưởng về tất cả căn cơ; 3) Giống như tất cả chúng sinh; 4) Đạo qua tất cả thế giới; 5) Đến nơi tất cả chư Phật; 6) Nâng lên tất cả quốc độ; 7) Phá tan tất cả núi non; 8) Hiện bày tất cả sự việc; 9) Che phủ tất cả chúng sinh; 10) Hiện rõ tất cả chư Phật. Đều là tác dụng của thân, cùng gọi là thân nghiệp.

Hai: Có mười loại Thân, dựa theo câu hỏi trước đây nên gọi là thân nghiệp thanh tịnh. Sau trong khẩu nghiệp cũng giống như vậy.

Lại đây là pháp thuộc Hành làm thân, cho nên không giống như trước. Trong đó: Hai câu đầu là sáu Độ-bốn Nhiếp, hai câu tiếp là Từ-Bi, hai câu tiếp là Phước-Trí, ba câu tiếp là Thể-Dụng, một câu sau cuối là thành tựu quả.

Trong phần hai từ “Thập chủng khẩu...” trở xuống có bốn mươi câu trình bày về khẩu nghiệp: Một, Mười câu trình bày về Thể của khẩu nghiệp nên gọi là ngữ nghiệp, bởi vì khẩu là phần thân thâu nhiếp, trong đó: 1) Lìa xa lời nói thô ác. 2) Lìa xa lời nói hai lưỡi. Hai câu tiếp là lìa xa lời nói hư vọng, một là thô, hai là tế. Sáu câu sau là lìa xa lời nói thêu dệt. Đây đều là dựa theo ngăn chặn mà giải thích, nếu dựa theo biểu hiện thì mười loại đều hiển bày về một đức, như văn có thể biết.

Hai: Có mười loại Nghiệp thanh tịnh trang nghiêm khẩu nghiệp của Bồ-tát, là hiển bày về nhân thanh tịnh của ngữ nghiệp, bởi vì trang nghiêm lời nói ấy, cho nên nói như vậy. Trong đó: Hai câu đầu là hạnh về nhiếp pháp, hai câu tiếp là hạnh về lìa xa lỗi lầm, hai câu tiếp là hạnh về nhiếp thiện, hai câu tiếp là hạnh về pháp thí, hai câu sau là hạnh về nghe pháp. Nhờ vào mười hạnh này mà làm cho thanh tịnh trang nghiêm ngữ nghiệp.

Ba: Đạt được mười Thủ hộ, do phát ra lời nói thành thật chính xác, linh thiêng sâu thẳm xem xét cao xa, cho nên tăng thêm Thủ hộ; ngoài tám Bộ ra, cộng thêm chúng Phạm Vương và Pháp Vương chư Phật là mười, có thể biết.

Bốn: Thành tựu mười Đại sự, do nhân bên trong thành thật, duyên bên ngoài gia hộ, khiến cho năng lực của ngữ nghiệp rộng lớn mà thành tựu những việc đã làm. Trong đó: 1) Có năng lực đoạn trừ nghi ngờ. 2) Có năng lực đến khắp mọi nơi. 3) Lay động Căn của chúng sinh. 4) Tiến vào Tánh của chúng sinh. 5) Loại bỏ Sở của chúng sinh. 6) Trừ bỏ Tập của chúng sinh. 7) Phát sinh niềm tin thanh tịnh. 8) Khởi lên niềm vui sâu xa. 9) Khiến cho Chứng lý. 10) Đạt được Đại quả.

Trong phần ba từ “Thập chủng tâm...” trở xuống có sáu mươi câu trình bày về ý nghiệp. Trong đó: Đầu là mười câu trình bày về Thể của ý nghiệp, sau là năm mươi câu hiển bày về Dụng của ý nghiệp.

Ngay trong mười câu đầu: 1) Tâm rộng lớn; 2) Tâm sâu xa; 3) Tâm thù thắng; 4) Tâm thanh tịnh; 5) Tâm nhanh nhạy; 6) Tâm kiên cố; 7) Tâm vô nhiễm; 8) Tâm hiếm có; 9) Tâm trí tuệ; 10) Tâm vô biên. Đây đều là tâm của Ý lạc.

Hai: Có mười Phát tâm, Thể của tâm đã đầy đủ lý, thích hợp mà phát khởi Dụng thù thắng. Trong đó: Sáu câu đầu trình bày về tâm Lợi

tha, hai câu tiếp là tâm Tự lợi, hai câu sau cuối là Lợi tha trong phần Thắng tiến. Lại giải thích: Một câu đầu là tổng quát, chín câu còn lại là riêng biệt, đều là tâm Lợi tha có thể biết.

Ba: Có mười loại Tâm đầy đủ, trước đây đã phát tâm tu tập thành tựu những việc làm rộng khắp pháp giới, cho nên nói như vậy. Trong đó: 1) Tâm Bi rộng lớn. 2) Trí hợp với sâu xa. 3) Dụng thuộc giải thoát, nghĩa là chín đời ngay trong một niệm gọi là giải thoát. 4) Đầy đủ tám tướng. 5) Nhận biết tất cả căn khí. 6) Hiểu rõ Chân đế. 7) Thoát khỏi lưới Tục. 8) Đầy đủ Vô sinh. 9) Thông hiểu cảnh giới của tâm. 10) Thị hiện Đẳng giác.

Bốn: Có mười Căn, nhờ vào tâm đầy đủ trước đây có thể làm pháp khí, có thể sinh ra cho nên gọi là Căn. Trong đó: 1) Tín căn. 2) Lạc căn, nghĩa là Tín tăng thêm làm niềm vui. 3) Tinh tiến căn vốn là không lui sụt. 4) Định căn trú vào phần vị. 5) Tuệ căn. 6) Bi căn. 7) Trí vững vàng. 8) Tuệ sáng suốt. 9) Làm pháp khí của Pháp thân. 10) Làm căn của Báo thân.

Năm: Có mười loại Trực tâm, dùng Thể sau khi sinh ra để thiết lập đích thực hưởng về những việc làm, cho nên nói là Trực tâm. Trong đó: Hai câu đầu là thẳng thắn rời bỏ phía dưới. Hai câu tiếp là thẳng thắn thuận theo phía trên. 5) Đối với trái ngược không lay động. 6) Đối với thuận theo không đắm nhiễm. 7) Tùy theo pháp có thể duy trì. 8) Bi không lựa chọn nơi chốn. 9) Tiến vào Nghĩa sâu xa. 10) Luyện tập Giáo rộng lớn.

Sáu: Có mười loại Thâm tâm, nhờ vào đích thực hưởng về trước đây khiến cho tin tưởng vui thích vô cùng thiết tha, cho nên nói là Thâm tâm. Trong đó: Hai câu đầu là cuối cùng lia xa chướng. Hai câu tiếp là đích thực tiến vào pháp, một là Hành, hai là Giải. 5) Nhận biết về pháp vô ngại. 6) Tiến vào phương tiện khác nhau. 7) Thành tựu những việc làm. 8) Định sâu xa. 9) Nguyện sâu xa. 10) Bi sâu xa.

Trên đây là hành tướng của Địa thứ nhất, xong.

Phần hai từ “Thập chủng phương tiện...” trở xuống là chín mươi câu trình bày về hành tướng của Địa thứ hai trở lên. Trong đó phân ba: 1) Ba mươi câu trình bày về hạnh thuộc Trí tuệ phương tiện; 2) Từ “Thập chủng nhập chúng sinh...” trở xuống là ba mươi câu trình bày về hạnh thuộc Từ Bi phương tiện; 3) Từ “Thập chủng thú...” trở xuống là ba mươi câu trình bày về hạnh thuộc Bi-Trí cứu cánh.

Ngay trong phần một: Một, Mười phương tiện, vốn là khéo léo tu tập Chánh hạnh: Sáu câu đầu là phương tiện rời bỏ tướng, khéo léo tu

tập sáu Độ, có thể biết. Bốn câu sau là phương tiện thâm nhiếp chúng sinh: 1) Từ là mang lại niềm vui; 2) Bi là thay thế chịu khổ; 3) Trao cho Trí; 4) Trao cho Pháp.

Hai: Có mười loại Vui với tu, chính là bởi vì khéo léo vô ngại mà có thể vui mừng mong cầu các hạnh, cho nên nói như vậy. Trong đó: 1) Vui với pháp thiện thù thắng; 2) Vui với pháp trang nghiêm kỳ lạ; 3) Vui với pháp rộng lớn; 4) Vui với pháp rất sâu; 5) Vui với bốn Vô lượng; 6) Vui với trì giới; 7) Vui với Từ-Nhẫn; 8) Vui với hiểu biết rõ ràng; 9) Vui với thần thông; 10) Vui với nghe pháp. Trên đây là phân rõ về nhân, một câu sau là hiển bày về quả đã thành tựu.

Ba: Có mười loại Giải thoát tiến sâu vào thế giới, nghĩa là vui với tu mãi không thôi, có thể dùng lực Giải thoát thù thắng khiến cho tất cả thế giới hòa vào nhau... cho nên lấy làm tên gọi. Trong đó: 1) Lấy nhiều hòa vào một; 2) Lấy một hòa vào nhiều; 3) Một vị Phật đầy khắp mười phương; 4) Thị hiện thế giới hoàn toàn trống rỗng; 5) Trang nghiêm giống như Phật; 6) Một vị Bồ-tát đầy đủ tất cả; 7) Đưa vào lỗ chân lông; 8) Hòa vào trong chúng sinh; 9) Một quả có khắp mọi nơi; 10) Một diệu âm đầy đủ.

Trong phần hai từ “Thập chủng nhập chúng sinh...” trở xuống có ba mươi câu trình bày về hạnh thuộc Từ Bi phương tiện:

Một: Mười câu đầu trình bày về Vô duyên Đại Bi, khéo léo hiểu rõ về tánh của chúng sinh, cho nên gọi là tiến vào tánh của chúng sinh. Lại khiến cho chúng sanh giới có nơi tiến vào, cho nên gọi là tiến vào tánh của chúng sinh. Tánh cũng gọi là Giới, Giới có hai nghĩa: 1) Nghĩa về phạm vi giới hạn; 2) Nghĩa về làm nhân. Trong văn: Năm câu trước trình bày về hòa vào nhau tự tại: 1) Thâm nhiếp Sự hòa vào Lý; 2-3 là nhiều Sự hòa vào một; 4) Thâm nhiếp ngọn hòa vào gốc; 5) Nhiều Giới hòa vào một. Năm câu sau là quay lại hòa vào Dụng của giáo hóa: Một câu đầu là hòa vào căn khí đã giáo hóa; bốn câu sau là hòa vào tướng chủ động giáo hóa, một câu trước là hòa vào tùy theo tướng của chủng loại giáo hóa, ba câu còn lại có thể biết.

Hai: Có mười Tập khí, bởi vì khéo léo hòa vào tánh của chúng sinh, khiến cho thành tựu phần tập khí xuyên suốt, lấy làm nhân của hạnh, tức là xông ướp trở thành tập khí. Trong đó: 1) Hành theo tập khí vốn có; 2) Thành tựu hành thuộc tập khí; 3) Chuyển hóa phía dưới; 4) Nhìn thấy phía trên; 5) Thọ sinh; 6) Đại hạnh; 7) Mười Nguyên; 8) Mười Độ; 9) Lý trí; 10) Lượng trí.

Ba: Có mười Xí nhiên (Bốc cháy rừng rực), nhân của tập khí trước

đây đã thiết lập, có thể phát sinh hiện hành khởi lên nhiều Đại Dụng, cho nên gọi tên như vậy. Trong đó: Hai câu đầu là trang nghiêm quốc độ thâm nhiếp chúng sinh, hai câu tiếp là dựa vào duyên thành tựu pháp thiện, hai câu tiếp là Từ Bi, hai câu tiếp là hạnh khéo léo, hai câu sau cuối là nhân quả.

Trong phần ba từ “Thập chủng thú...” trở xuống có ba mươi câu trình bày về hạnh thuộc Bi-Trí cứu cánh:

Một: Mười Thú là đến hạnh-đến quả gọi là Thú: Hai câu đầu là sáu Độ-ba Học, hai câu tiếp là Diệu trí-Chân cảnh, hai câu tiếp là dựa vào pháp thành tựu thiện, hai câu tiếp là dựa vào người phát khởi hạnh, hai câu sau cuối là thành Phật thuyết pháp. Tám câu trước là hướng đến nhân, hai câu sau là hướng đến quả.

Hai: Có mười loại Sự có thể đầy đủ Phật pháp, bởi vì mười sự việc này hiện rõ trước mắt, khiến cho pháp của chư Phật không có gì không thành tựu đầy đủ, cho nên nói như vậy. Trong đó: Hai câu đầu là tin tưởng vào người và pháp, hai câu tiếp là lìa xa sai lầm, hai câu tiếp là tin tưởng tiến vào cảnh thù thắng, hai câu tiếp là trú vào Chánh-lìa bỏ Tà, hai câu sau cuối là nghĩ đến Phật tin vào quả. Ở trong mười sự việc này thực hiện thành tựu một loại, như Giáo thành tựu, thì khiến cho Phật pháp thấy đều đầy đủ, hướng gì đầy đủ mười sự việc?

Ba: Có mười loại lui sụt mất đi cần phải xa lìa, đã có thể đầy đủ Phật pháp, thì có thể tu đạo thuộc về duyên không lui sụt, cho nên nói như vậy. Trong đó: Bốn câu đầu là mất đi hạnh Lợi tha, sáu câu sau là mất đi hạnh Tự lợi, quán sát khiến cho xa lìa.

Phần ba từ “Thập chủng ly sinh...” trở xuống có chín mươi câu trình bày về hạnh xuất thế gian từ Địa thứ tư trở lên cho đến Địa thứ bảy. Trong đó phân ba: 1) Ba mươi câu đầu trình bày về Thể rộng lớn của nhân hạnh; 2) Từ “Thập chủng danh hiệu...” trở xuống là hai mươi câu trình bày về Dụng thù thắng của hạnh; 3) Từ “Thập chủng vô lượng...” trở xuống là bốn mươi câu hiển bày về Đức của hạnh thành tựu.

Trong phần một: Một, Ly sinh, là rời bỏ hành hữu vi cho nên gọi là Ly sinh; lại đạt được Vô sinh cho nên gọi là Ly sinh; lại hiển bày về hạnh thuần thực, lìa xa sai lầm như trúc trắc..., cho nên gọi là Ly sinh. Giải thích rộng ra như trong luận Tỳ-bà-sa. Lại Đại-Tiểu thừa cùng phân rõ phần vị Ly sinh thuộc về Kiến đạo, nay ở đây dựa vào phần vị xuất thế gian từ Địa thứ tư trở lên. Trong đó: Hai câu đầu là dựa theo Trí-Bi. Hai câu tiếp là dựa vào rời bỏ-đắm trước. Ba câu tiếp là lìa xa Hoặc-dựa vào Sinh, nếu Nhị thừa thì rời bỏ Hoặc-lìa xa Sinh, không thể

nào tùy theo có chúng sinh thân cận, Bồ-tát trái với điều này. 8) Lìa xa mà không lìa xa. 9) Không lìa xa mà lìa xa. 10) Đạt được quả không rời bỏ nhân.

Hai: Có mười loại Pháp quyết định, chính là bởi vì tai họa của Ly sinh mà có thể đạt được pháp quyết định. Trong đó: Năm câu đầu là hạnh thuộc Tự phần: 1) Sinh trong Phật chủng; 2) Tiến vào cảnh giới Phật; 3) Giải; 4) Hạnh; 5) Thành tựu pháp thiện. Năm câu sau là hạnh thuộc Thắng tiến: 1) Trú vào Thể của quả; 2) Đạt được Dụng của quả; 3) Thuận theo phần vị của quả; 4) Giống như thân của quả; 5) Giống như Phật an trú.

Ba: Có mười Đạo sinh ra Phật, đối với pháp đã quyết định, có thể thuận theo duyên sinh ra Thánh đạo, cho nên nói như vậy. Trong đó: Hai câu đầu là thuận theo người-tin vào pháp, hai câu tiếp là Nguyên và Thiện không hư rộng, hai câu tiếp là Thời và Xứ rộng dài, hai câu tiếp là không gián đoạn rộng khắp tất cả, hai câu sau cuối là Nguyên và Hạnh thâm nhiếp chúng sinh.

Trong phần hai từ “Thập chủng danh hiệu...” trở xuống có hai mươi câu hiển bày về Dụng thù thắng của hạnh: Một, Mười câu đầu chính là bởi vì bên trong đầy đủ Thật đức, bên ngoài vang lừng tên gọi tốt đẹp, cho nên nói như vậy. Bồ-đề là pháp đã mong cầu, Tát-đỏa là người chủ động mong cầu, bởi vì thuận theo pháp đã mong cầu mà gọi là Bồ-đề Tát-đỏa. Trong đó: Bốn câu đầu là dựa theo cảnh Bồ-đề đã mong cầu làm tên gọi: 1) Tổng quát nêu rõ Bồ-đề; 2) Dựa theo vượt quá Tiểu thừa; 3) Dựa theo vượt quá nhân vị; 4) Dựa theo Thể thù thắng. Hai câu tiếp là dựa theo Tự hành làm tên gọi: Một là Tuệ không gì sánh được, hai là Tinh tiến hướng lên trên. Hai câu tiếp là dựa theo những pháp đã hiểu biết làm tên gọi: Một là có thể thị hiện về pháp bậc Thượng đối với chúng sinh, hai là có thể nhận biết chư Phật ở mười phương. Hai câu sau cuối là dựa theo đức làm tên gọi: Một là Phước cao vời, hai là Tuệ sâu xa.

**Lại như luận Du Già quyển thứ bốn mươi sáu nói:** “Tất cả Bồ-tát tùy theo đức mượn làm tên gọi có mười sáu loại, đó gọi là Bồ-đề Tát-đỏa Ma-ha Tát-đỏa, cho đến thứ mười sáu gọi là Pháp sư.” Luận Hiển Dương quyển thứ tám, luận Trang Nghiêm quyển thứ mười hai đều giống như ở đây nói. Luận Trang Nghiêm nói: “Mười sáu tên gọi này đều dựa vào nghĩa mà thiết lập, tất cả Bồ-tát đều có tên gọi này.” Lại trong kinh Thương Chủ Thiên Tử có năm nghĩa thiết lập tên gọi: “1) Bởi vì trú trì tiến vào đối với Bồ-đề phần, cho nên gọi là Bồ-tát. 2) Bởi

vì tiến vào Đại thừa, bởi vì đầy đủ Đại Trí, cho nên gọi là Ma-ha-tát. 3) Bởi vì tiến vào Trí đức vốn là pháp không có thể mong cầu, cho nên gọi là Tối thắng Tát-đỏa. 4) Không để cho phiền não cùng tồn tại, vì các chúng sinh mà diệt trừ phiền não, mà phát khởi tinh tiến, cho nên gọi là Tịnh Tát-đỏa. 5) Bởi vì khiến cho các chúng sinh thực hành đạo thanh tịnh, cho nên gọi là Cực tịnh Tát-đỏa.”

Hai: Có mười loại Đạo, bởi vì tên gọi và công đức phù hợp với Thật thì đạt được Hạnh và Giải rộng rang thông suốt, cho nên nói là Đạo. Trong đó dựa theo số tăng thêm để trình bày về mười loại: 1) Dựa theo hạnh căn bản, bởi vì vạn hạnh của Bồ-tát đều lấy tâm Bồ-đề làm căn bản. 2) Dựa theo Tuệ chân thật-Tuệ phương tiện, cũng là Chánh hạnh-Trợ hạnh. 3) Dựa theo ba Không Định, thường xuyên ra khỏi ba cõi cho nên nói là Đạo. 4) Dựa theo bốn Hạnh trừ diệt bốn Chướng: Một, Chướng của nghiệp; hai, Chướng của ganh ghét; ba, Chướng của bài bác pháp; bốn, Chướng của vui với quả báo thế gian, cũng là chướng về mong cầu khác lạ. Trí Luận nói: “Hạnh là bốn hạnh như ăn năn hối lỗi..., nhanh chóng đến địa vị A-tỳ-bạt-trí.” 5) Dựa theo năm Căn. 6) Dựa theo sáu Thông. 7) Trong niệm, ở trong sáu niệm cộng thêm một niệm về chúng sinh, là Bi tâm. 8) Chánh đạo có thể biết. 9) Thứ đệ Định, đều là Tịch-Dụng song hành, là đạo Bồ-tát thâm nhiếp, trong đó: Một-Thiền thứ nhất, có thể biết. Hai-Thuận theo Hỷ Lạc là Chi lợi ích thuộc Thiền thứ hai, lìa xa lỗi lầm lui sụt là lìa xa chướng về Giác quán thuộc Thiền thứ hai. Ba-Chấm dứt Hỷ Lạc là Thiền thứ ba. Bốn-Lìa xa khổ vui thế gian là Thiền thứ tư. Thấy Phật... là trình bày về Dụng của Định, cùng với bốn Định Vô sắc và Định Diệt tận là chín. 10) Nhận biết về dục lạc trong Lực của đạo, trước là nhận biết, sau là hiện thân thuyết pháp... Còn lại đều có thể biết.

Phần ba từ “Thập chủng vô lượng đạo...” trở xuống có bốn mươi câu trình bày về Đức của hạnh thành tựu, trong đó có hai: Trước là tổng quát nêu ra bốn tên gọi, sau là phân biệt hiển bày giải thích.

Một: Vô lượng đạo, nghĩa là con đường mà trí của Bồ-tát này đã đi qua vốn không có giới hạn: 1) Sự Không; 2) Lý tánh; 3) Chánh báo; 4) Y báo; 5) Thời kiếp; 6) Thi thiết. Bốn câu sau là Lực Dụng thuộc ba nghiệp của Phật, Thức thanh tịnh làm Thể.

Hai: Đạo đầy đủ, bởi vì niêm-tịnh... trước đây không có phạm vi giới hạn, duyên phát khởi đạo của Bồ-tát cũng giống như không có giới hạn, cho nên nói như vậy. Dựa theo mười loại rộng lớn đã nhận biết trước đây, hiển bày về Tập khởi có thể nhận biết cũng giống như không

có giới hạn, lại không có pháp nào khác.

Ba: Tu đạo, đối với duyên thành tựu tu cho nên gọi là Tu đạo, không phải là Tu như Kiến-Tu... Lại trong Nhiếp Luận nói toàn bộ Tập tu cũng thuộc về Địa thượng, giống như ở đây. Trong đó: Ba câu đầu là riêng biệt dựa theo Tu thuộc ba Vô tánh tu: 1) Trong quán Vô tướng không thấy pháp nhiệm đã chấp nào đáng đắm vào, cũng không thấy pháp tịnh nào đáng dựa vào để vượt ra, vì vậy có thể khiến cho ba nghiệp không có sai lầm; 2) Ở trong quán Vô sinh, không thấy phần nhiệm nào đáng giảm, phần tịnh nào đáng tăng, bởi vì lý Vô sinh là chân thật; 3) Ở trong quán về tánh Vô tánh, không thấy hai tánh trước là có, không thấy ba tánh không có là không có, lại tướng Chân Như không phải có Thể, không phải không có Thể. Trên đây là dựa theo Trí thuộc Chánh Chứng. 4) Dựa theo trong Trí thuộc Hậu đắc, riêng biệt dựa vào tánh Y tha để thành tựu hạnh Tu, quán Duy Thức như huyễn... thành tựu hạnh không điên đảo. 5) Dấy lên ba Không mà không lia xa ba cõi, bởi vì phải ở trong đó mà nuôi lớn thiện căn. 6) Không đắm trước đối với giáo pháp. 7) Hằng sa pháp không hủy hoại ở trong lý. 8) Bình đẳng đối với Chân Thể. 9) Khởi hạnh dũng mãnh. 10) Bình đẳng không nghi ngờ đối với đức của Phật.

Bốn: Trang nghiêm đạo, nghĩa là tu đạo thực hành trang điểm đan xen lẫn nhau mà gọi tên như vậy. Lại giải thích: Đều dùng nghịch hạnh để trang nghiêm cho đạo. Trong đó: Năm câu đầu là Tự hành vô nhiễm, một là ở nơi Loạn mà thường Định, hai câu tiếp là ở nơi Tiểu mà thường Đại, hai câu tiếp là ở nơi Dục mà hành Thiền. Ba câu tiếp là hạnh tùy theo quả báo mà thâm nhiếp giáo hóa, một là giáo hóa vui với thế gian, hai là giáo hóa tà đạo, ba là giáo hóa phạm giới-cứu khổ. Chín, Tự hành thành tựu đầy đủ, trong đó có ba: 1) Đạt được pháp đầy đủ; 2) Từ “Vị nhất thiết chúng sinh...” trở xuống là thị hiện phương tiện khéo léo; 3) Từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về thành tựu phương tiện khéo léo. Mười, Nhân trọn vẹn quả đầy đủ, trong đó có ba: 1) Nhân trọn vẹn đạt được quả; 2) Từ “Nhi diệt bất đoạn...” trở xuống là trình bày về đạt được quả mà không rời bỏ nhân; 3) Từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về thành tựu hành tướng, có thể biết.

Phần bốn từ “Thập chủng túc...” trở xuống có hai trăm câu trình bày về hạnh thuần thực Báo đức từ Địa thứ tám trở lên, trong đó phân năm: 1) Hai mươi câu trình bày về hạnh thuộc Dụng bên ngoài của tay chân; 2) Từ “Thập phúc...” trở xuống là ba mươi câu trình bày về hạnh đầy đủ thuộc đức bên trong; 3) Từ “Thập trang nghiêm...” trở xuống là



hai mươi câu trình bày về hạnh trang nghiêm đầy đủ thuộc tướng bên ngoài; 4) Từ “Thập đầu...” trở xuống là bảy mươi câu trình bày về hạnh thuộc nghiệp dụng của sáu căn; 5) Từ “Thập hạnh...” trở xuống là sáu mươi câu trình bày về hạnh thuộc oai nghi cử chỉ động tác.

Ngay trong phần một: Một, Mười Chân là Dụng của hành tiến lên vượt qua, biểu thị cho đôi chân ấy, từ dưới thấp làm nơi bắt đầu, cho nên phân rõ trước. Trong đó: Hai câu đầu là dựa theo Hành, một câu là Giới, một câu là Tiến. Hai câu tiếp là dựa theo Thông, một câu là Tổng, một câu là Biệt. Hai câu tiếp là dựa theo Tâm, một câu là Tín, một câu là Nguyện. Hai câu tiếp là dựa theo Pháp, một câu là Thuyết, một câu là Thính. Hai câu sau cuối là dựa theo Đức, một câu là Phước, một câu là Đoạn.

Hai: Có mười Tay là Dụng của hành chọn lấy trao cho, biểu thị cho đôi tay của thân ấy. Trong đó: Bốn câu đầu là Tự hành: 1) Chọn lấy; 2) Trao cho; 3) Khiêm cung với người dưới; 4) Tôn kính với người trên. Bốn câu tiếp là Lợi tha: 1) Trừ bỏ lưới Nghi; 2) Vượt ra bùn Dục; 3) Cứu giúp bốn Lưu; 4) Trao cho Chánh pháp. Hai câu sau cuối là trình bày về hai hạnh đầy đủ: 1) Trừ diệt bệnh Hoặc; 2) Phá tan Vô minh.

Trong phần hai từ “Thập phúc...” trở xuống là ba mươi câu trình bày về hạnh đầy đủ thuộc đức bên trong:

Một: Bụng là như bụng của người thế gian chứa đựng bất tịnh, nay trình bày về bụng thuộc hạnh Bồ-tát, trái với điều ấy nói là thanh tịnh. Trong đó: Ba câu đầu là dựa theo Giới thanh tịnh: 1) Tâm trì giới; 2) Dích thực bảo vệ giới; 3) Không che giấu lỗi lầm. Một câu tiếp là dựa theo Định thanh tịnh, nghĩa là không có gì đắm theo tâm Định. Sáu câu sau là dựa theo Tuệ thanh tịnh: 1) Đoạn trừ Hoặc chướng; 2) Diệt hết nghiệp chướng; 3) Tiếp nhận Thật pháp, nghĩa là như tướng về ăn đầy bụng; 4) Tỏ ngộ duyên khởi; 5) Hiểu rõ tám Chánh đạo; 6) Phá tan tà kiến.

Hai: Có mười Tạng, là trước đây tổng quát nêu ra bụng ấy, nay trình bày về tướng của năm tạng trong bụng trước đây, tựa như có nghĩa thấu nhiếp chứa đựng, cho nên tiếp theo trình bày. Trong đó: Sáu câu đầu là hưởng xuống dưới thấu nhiếp chúng sinh, bốn câu sau là hưởng lên trên thấu nhiếp quả Phật. Trong sáu câu đầu: Ba câu trước là tổng quát thấu nhiếp: 1) Trao cho hiểu biết; 2) Khiến cho thực hành; 3) Thành tựu công đức, nghĩa là trở thành Tăng Bảo. Ba câu sau là riêng biệt thấu nhiếp ba Tụ chúng sinh, chúng sinh thuộc Tà định tụ khiến cho có thể phát sinh thiện căn, đây là dựa theo Bồ-tát làm lực

của duyên bên ngoài, kinh Niết Bàn nói: “Hạng người Nhất Xiển-đề tuy đoạn mất thiện căn, mà nhờ vào lực của Phật tánh, cho nên thiện căn của vị lai vẫn được sinh trưởng.” Đó là dựa theo lực của nhân bên trong. Trong bốn câu sau là hướng lên trên thâm nhiếp: 1) Thâm nhiếp mười Lực của Phật; 2) Thâm nhiếp bốn Vô úy; 3) Thâm nhiếp về pháp Bất cộng; 4) Thâm nhiếp Chứng Trí của Phật.

Ba: Có mười Tâm, là trước đây bao gồm trình bày về các tạng bên trong bụng, nay riêng biệt trình bày Tâm tạng, bởi vì thù thắng nhất, vốn là đứng đầu năm tạng, vốn là thật sự ở chính giữa, vốn là tập khởi. Trong đó: Hai câu đầu là tâm thâm nhiếp pháp thiện, một là Dũng, hai là Cần. Hai câu tiếp là tâm phá tan pháp ác, một là phá tan duyên ác, hai là phá tan nhân ác. Hai câu tiếp là tâm thành tựu về hạnh, một là Kiên, hai là Tịnh. Sáu câu trên là Tự hành. Hai câu tiếp là tâm thâm nhiếp chúng sinh, một là khiến cho tỏ ngộ, hai là Từ tâm cứu giúp, nghĩa là Phạm trú chính là Từ. Hai câu sau cuối là tâm thành tựu về đức, một là sâu xa, hai là vững chắc.

Phần ba từ “Thập trang nghiêm...” trở xuống là hai mươi câu trình bày về hạnh trang nghiêm đầy đủ thuộc tướng bên ngoài:

Một: Mười câu đầu giống như quần áo trang sức của người thế gian trang nghiêm cho thân: Hai câu đầu là Từ Bi làm trang nghiêm, hai câu tiếp là nguyện cầu làm trang nghiêm, ba câu tiếp là thâm nhiếp chúng sinh làm trang nghiêm, ba câu sau là thâm nhiếp công đức làm trang nghiêm.

Hai: Có mười Bình khí, trước đây đã nai nịt gọn gàng làm trang nghiêm thân, nay hẳn nhiên cầm chắc bình khí, bởi vì hiển bày về hạnh có thể trừ diệt chướng ngại: Năm câu đầu là dùng bình khí thuận theo để phá trừ chướng ngại; ba câu tiếp là dùng bình khí trái ngược để phá trừ chướng ngại, như giành lấy bình khí của giặc trở lại dùng để làm hại quân giặc; hai câu sau là bình khí làm thành tựu về đức lập nên công lao.

Phần bốn từ “Thập đầu...” trở xuống là bảy mươi câu trình bày về hạnh thuộc nghiệp dụng của sáu căn:

Một: Trình bày về Đầu là bởi vì phần trên của thân, trong đó: Một câu đầu là Đoạn đức sâu xa; ba câu tiếp là Phước đức cao vợi; một câu tiếp là Bi đức vững chắc; hai câu tiếp là Trí đức rộng lớn; hai câu tiếp là đức thâm nhiếp chúng sinh; một câu sau cuối là đức bảo vệ Chánh pháp.

Hai: Có mười Mắt, hạnh đức thanh tịnh thù thắng soi chiếu rõ ràng

đối với duyên cho nên gọi là Mất. Nghĩa về mười Mất sơ lược đưa ra bốn môn: 1) Giải thích tên gọi; 2) Thể tánh; 3) Các môn. Ba môn trên như nói riêng biệt. 4) Trong giải thích văn, trong Trí Luận nói: “Nhục nhãn là vô thường vốn sợ gió lớn mà không nhìn thấy phương khác.” Kinh này nói: Nhục nhãn là chân thường vốn nhìn thấy sắc ở mười phương. Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Tuệ nhãn thấy chân; lại Pháp nhãn quán sát cứu cánh các đạo.” Cùng với đây không giống nhau, dựa theo giải thích có thể biết. Trong này đều từ Căn-Cảnh mà thiết lập tên gọi, có thể biết. Trong năm câu sau: Trí nhãn phân biệt về Sự pháp, Vô ngại nhãn thấy Sự không ngăn ngại Lý, Phổ nhãn thấy Lý-Sự bình đẳng, còn lại đều có thể biết.

Ba: Có mười Tai, như lý mà lắng nghe, dựa vào nghe mà khởi hạnh: Hai câu đầu là lia xa trái-lia xa thuận; hai câu tiếp là rời bỏ Tiểu-vui với Đại; hai câu tiếp là thương đau khổ-lìa niềm vui; hai câu tiếp là mong cầu Phật-suy xét pháp; hai câu sau cuối là hiểu rõ Tục-hết sức Chân.

Bốn: Có mười loại Mũi, ăn uống-ngửi hương dựa vào mũi mà tăng thêm đạo, cho nên nói như vậy. Trong đó: Bốn câu đầu là ngửi hương của Thể, Tạp Tập luận chỉ có ba loại, văn này có bốn hợp lại giải thích có thể biết. Ba câu tiếp là ngửi hương biểu thị cho Dụng, trong các luận như Du Già... nói hai cõi trên đã không có Tỷ thức-Thiệt thức, cũng không có Hương trần-Vị trần. Trong này, ngửi hương như Phi tưởng..., là trình bày về những hương ấy đều là hương vi tế, bởi vì Tỷ thức của Bồ-tát vượt quá trời-người, cho nên có thể nhận biết rõ ràng. Ba câu sau là ngửi hương của nhân-pháp xuất thế gian.

Năm: Có mười loại Lưỡi, là trình bày về ngữ nghiệp tự tại, vốn dựa vào đây mà tăng thêm pháp thiện. Trong đó: Năm câu đầu là dựa theo biện thuyết mà hiển bày về đức, năm câu sau là dựa theo thuận với Dụng mà hiển bày về phần vị.

Sáu: Có mười Thân, là trình bày về thân nghiệp tự tại, vốn là ứng với căn cơ mà hiện bày hình tướng. Trong đó: Ba câu đầu là hiện thân phàm phu; năm câu tiếp là hiện thân Tam thừa; hai câu sau là hiện thân về Thể-Dụng, một câu là Dụng, một câu là Thể.

Bảy: Có mười Ý, là trình bày về ý nghiệp tự tại. Trong đó: 1) Tín; 2) Văn; 3) Tư; 4) Tu; 5) Chỉ; 6) Quán; 7) Tổng quát điều phục; 8) Điều phục tư duy bên trong; 9) Điều phục trong cảnh bên ngoài; 10) Hiểu rõ về Định của Phật.

Trong phần năm từ “Thập chủng hạnh...” trở xuống là sáu mươi

câu trình bày về hạnh thuộc oai nghi cử chỉ động tác:

Một: Mười Hành(đi), nghĩa là phát động thường xuyên qua lại: Hai câu đầu là có thể nghe-có thể nói; ba câu tiếp là tự điều phục giáo hóa chúng sinh; một câu tiếp là thành tựu về Tuệ thanh tịnh của mình; hai câu tiếp là giáo hóa người dưới-cung kính người trên; hai câu sau cuối là đạt được quả-giữ lại nhân.

Hai: Có mười loại Trú(đứng), hành có dừng nghỉ cho nên trình bày về Trú. Nếu Tiểu thừa thì khiến cho trú vào bốn Niệm..., nay trình bày về trú của Bồ-tát. Trong mười hành này: 1) Trú vào hành căn bản. 2) Trú vào tướng của hành. 3) Trú vào Chánh tuệ. 4) Trú vào Định xứ. 5) Trú vào Giới xứ. Hai câu tiếp là thuận theo người và pháp. Hai câu tiếp là Trí-Nhẫn tròn vẹn. Một câu sau cuối là trú vào quả đầy đủ.

Ba: Có mười loại Tọa(ngồi), đứng thì có lẽ có một mỗi cho nên trình bày về an tọa, bởi vì Bồ-tát ở đây mà thành tựu về hạnh thâm nhiếp chúng sinh. Trong đó: Bốn câu đầu là giống như cách ngồi của thế gian mà thâm nhiếp chúng sinh; sáu câu sau là cách ngồi thuận theo pháp mà thành tựu về đức: 1) Biện; 2) Trì; 3) Định; 4) Từ; 5) Bi; 6) Lực.

Bốn: Có mười loại Ngọa(nằm), ngồi cũng cần phải nằm, hiển bày nghỉ ngơi để trở về vắng lặng, cho nên nói như vậy. Trong đó: Hai câu đầu là gia hạnh của Định, một là chấm dứt ồn ào, hai là hướng về Định. Một câu tiếp là đạt được Định. Bảy câu sau là quả của Định: Một là khởi niệm Từ, hai là lìa xa hối tiếc; hai câu tiếp là Tuệ ngộ; một câu tiếp là như nguyện; hai câu sau cuối là làm cho đầy đủ. Lại như trong luật nói không được nằm ngửa-nằm sấp-nằm nghiêng hông trái..., chỉ nằm nghiêng hông phải để tư duy về tướng Minh... nay ở đây Bồ-tát dựa vào pháp để trình bày thâm nhiếp Dụng đưa về Thể vốn là nằm.

Năm: Có mười loại Trú, trình bày về Trí có dừng nghỉ, cho nên nói là trú. Trước đây trình bày về chủ động trú, ở đây phân rõ về thụ động trú. Lại trước đây trình bày về thân trú, ở đây trình bày về tâm trú, cho nên trước là thuộc về bốn oai nghi, ở đây dựa theo tâm hành. Trong đó: Bốn câu đầu là trú vào bốn Đẳng, một câu tiếp là trú vào sáu Độ, ba câu tiếp là trú vào ba Không, hai câu sau cuối là hạnh vị đầy đủ.

Sáu: Có mười loại Hành, Viễn Sư giải thích: “Trước đây trình bày về hạnh thuộc Lợi tha, ở đây trình bày về hạnh thuộc Tự lợi.” Lại Chánh Sư nói: “Trước đây trình bày về phương tiện trước-sau cho nên lấy vui với lắng nghe... làm hành, nay ở đây trình bày về tu thuận thực cho nên lấy Chánh niệm... làm hành.” Lại Hậu Sư nói: “Trước là hành của hành trú trong bốn oai nghi, ở đây nói về hành của khởi hành trước-

sau.” Nay cho rằng cũng là trước đây dựa theo oai nghi của thân, ở đây dựa theo tâm hành, nếu như vậy thì tại sao mười loại trước đây cũng có tâm khởi hành? Giải thích: Đây là thân của Bồ-tát trải qua sự việc bên ngoài, đều dựa vào hạnh bên trong để hiển bày về tướng ấy, thể lệ đều như vậy mà không nghi ngờ gì. Trong đó: Bốn câu đầu là Tự hành: 1) Gia hạnh; 2) Hiểu rõ về lý thú của pháp; 3) Hậu trí thuận với Phật; 4) Khởi hạnh thuộc sáu Độ. Bốn câu tiếp là hạnh thâu nhiếp chúng sinh: 1) Tổng quát nêu ra; 2) Đồng sự; 3) Ái ngữ; 4) Lợi ích. Nghĩa là thị hiện cùng tham... để mà giác ngộ chúng sinh. Hai câu sau cuối là hai hạnh thành tựu đầy đủ.

Trên đây là toàn bộ năm trăm hai mươi câu trình bày về Tướng trong phần vị Thập Địa thuộc đoạn lớn thứ năm trước đây, xong.

**Đoạn lớn thứ sáu:** Từ “Thập chủng quán sát...” trở xuống có năm trăm mười câu giải đáp về hạnh thuộc nhân viên quả mãn ở phần thứ sáu. Trong đó phân hai: Một, Ba trăm hai mươi câu trình bày về hạnh thuộc nhân trọn vẹn cứu cánh, cũng là tướng tự phần vị Đẳng giác; Hai, Từ “Thập chủng trú Đâu-suất thiên...” trở xuống là một trăm chín mươi câu trình bày về hạnh thuộc hiện rõ quả viên mãn, cũng là tướng tự phần vị Diệu giác.

Ngay trong phần một có ba: 1) Có một trăm bốn mươi câu trình bày về Thể tánh của nhân hạnh; 2) Từ “Thập chủng nghĩa...” trở xuống có tám mươi câu trình bày về hạnh phương tiện thành tựu Tu; 3) Từ “Thập chủng ma...” trở xuống có một trăm câu trình bày về trừ diệt chướng ngại của nhân hạnh.

Ngay trong phần một có hai: a) Bốn mươi câu trình bày về phương tiện khởi hạnh; b) Từ “Thập chủng thí...” trở xuống là trình bày về Thể của hạnh thuộc mười Độ.

Ngay trong phần a: Hai mươi câu đầu trình bày về quán sát thuộc ý nghiệp, mười câu tiếp là nhanh chóng phát khởi thuộc thân nghiệp, mười câu sau là găm gào thuộc ngữ nghiệp.

Trong hai mươi câu đầu: Một, Mười loại quán sát: Bởi vì quán sát hiểu rõ phương tiện, mà khéo léo thông hiểu về tướng thông suốt và bế tắc của những việc làm. Trong đó: Ba câu đầu là quán sát về chúng sinh đã giáo hóa: 1) Nhận biết về nghiệp; 2) Nhận biết về báo; 3) Nhận biết về căn, nghĩa là có thể không mê lầm về lý tánh, không có căn mà có thể quán sát về căn riêng biệt tùy theo sự. Sáu câu tiếp là quán sát về Pháp Bảo: 1) Lý pháp; 2) Quả pháp; 3) Giáo pháp; 4) Hạnh pháp; 5-6 là quán sát về pháp thuộc phần vị, một là diệt chướng, hai là được thọ

ký. Một câu sau cuối là pháp đã được xác định, cũng là Dụng của quả đã thành tựu.

Hai: Có mười loại quán sát rộng khắp: Nghĩa là bởi vì xem xét kỹ càng cùng tận, cho nên hiểu rõ có thể khởi hạnh. Lại giải thích: Cũng có thể trước là suy nghĩ xem xét tính toán, ở đây trình bày vốn là ngược mắt xem xét khắp nơi. Trong đó: Sáu câu đầu là khiến cho chúng sinh đạt được hạnh thuộc sáu Độ. Bốn câu sau là khiến cho họ đạt được bốn pháp trợ phụ: 1) Gần gũi thiện hữu; 2) Lắng nghe giáo pháp; 3) Tư duy, nghĩa là không rời bỏ Bi; 4) Tu hành, vốn khiến cho đạt được Bồ-đề. Lại giải thích: Bốn câu sau là Tự lợi: 1) Người kính trọng; 2) Thuận theo pháp; 3) Bi; 4) Trí.

Ba: Có mười loại Phấn tấn (nhanh chóng phát khởi): Nghĩa là bên trong đầy đủ Thật hạnh, bên ngoài thêm nhiều Uy đức; lại dựng nên công hạnh sâu xa, uy tức hơn hẳn bình thường, cho nên gọi là Phấn tấn. Trong đó: 1) Thân thù thắng; 2) Tâm rộng lớn; 3) Giáo uy nghiêm; 4) Hành có ích; 5) Phá bỏ tà; 6) Diệt trừ Hoặc; 7) Thông hiểu pháp; 8) Trì rộng rãi; 9) Đủ biện tài; 10) Quả tròn vẹn.

Bốn: Có mười loại Sư tử hống: Bởi vì đã mạnh mẽ hơn hẳn bình thường không có gì sợ hãi, thì có thể quyết định thuyết giảng rộng rãi mà gọi tên. Dựa vào kinh Niết Bàn thì Sư tử hống có mười một sự việc, đầy đủ như kinh ấy nói. Trong này: 1) Giác tâm gầm lên; 2) Đại Bi gầm lên; 3) Báo ân gầm lên; 4) Đại thệ gầm lên; 5) Tịnh giới gầm lên; 6) Tích đức không hề chán; 7) Tích trí không hề đủ; 8) Chứng lý quyết định; hai câu sau là quả thành tựu quyết định. Đây đều là trước hiển bày về quyết định đã thành tựu, sau là kết luận về hạnh có thể thành tựu, có thể biết.

Phần b từ “Thập chủng tịnh thí...” trở xuống có một trăm câu trình bày về hạnh thuộc mười Độ. Một-Mười loại Thí: Bởi vì quên mình mà tạo thuận lợi cho người: 1) Xả tâm bố thí; 2) Đầy đủ nguyện; 3) Tâm như nhau; 4) Hiểu rõ nhân; 5) Không lựa chọn; 6) Không vướng mắc; 7) Xả bỏ thân mạng-tài sản; 8) Mong cầu Đại quả; 9) Làm lợi ích chúng sinh; 10) Ba Luân thanh tịnh.

Hai: Có mười loại Giới: Bởi vì ngăn ngừa sai lầm của ba nghiệp mà có đủ ngăn chặn và thực hiện (Chỉ-tác). Trong đó, bảy câu đầu là trong Tự phần: Ba câu đầu là Luật nghi giới. Ba câu tiếp là Nhiếp thiện giới: 1) Vượt qua phạm phụ; 2) Rời bỏ Tiểu thừa; 3) Thuận theo Đại thừa. Một câu tiếp là Nhiếp chúng sinh giới, nghĩa là khéo léo trừ bỏ phạm vào giới cấm, cho nên gọi là sâu xa bí mật. Ba câu sau là dựa theo

Thắng tiến, cũng có ba Tu có thể biết.

Ba: Có mười loại Nhẫn: Bởi vì tình thức yên ổn mà trú vào giáo pháp. Trong đó: Ba câu đầu là nén chịu đựng oán hại, bởi vì chịu đựng ba nghiệp của người khác làm não hại. Năm câu tiếp là yên ổn nhận chịu khổ đau: 1) Không làm hại người khác; 2) Không tiếc gì thân mạng; 3) Không khinh thường Tiểu thừa; 4) Nén chịu đựng cắt xẻ; 5) Nén chịu đựng khổ đau. Hai câu sau cuối là nhẫn nại tư duy về pháp: 1) Lìa xa phiền não; 2) Đạt được giáo pháp.

Bốn: Có mười loại Tinh tiến: Bởi vì thuận theo lý mà chịu khó thúc đẩy. Trong đó: Năm câu trước trình bày về Tinh tiến thuộc ba nghiệp: Hai câu đầu là thân-ngữ, ba câu sau là ý nghiệp, tâm cũng là Tinh tiến chịu khó thúc đẩy. 6) Tinh tiến không hề đủ; 7) Tinh tiến khó hủy hoại; 8) Tinh tiến thành tựu sự việc; 9) Tinh tiến hòa vào lý; 10) Tinh tiến có lợi ích.

Năm: Có mười Thiền: Bởi vì thâm nhiếp tâm mà không tán loạn. Trong đó: Bốn câu đầu là phương tiện: 1) Vượt ra ngoài Tục; 2) Gần gũi thiện hữu; 3) Ở trong vắng lặng; 4) Lìa xa ồn náo. Hai câu tiếp là Chánh Định: 1) Bắt đầu đạt được; 2) Kiên quyết thành tựu. Hai câu tiếp là Phát Tuệ: 1) Khởi Trí; 2) Đoạn Hoặc. Tám câu trên là Thiền thuộc về Hiện pháp lạc trú. 9) Thiền làm lợi ích cho chúng sinh. 10) Thiền dẫn dắt phát khởi thần thông...

Sáu: Có mười Tuệ: Bởi vì đích thực hiểu rõ mà soi chiếu lý. Trong đó: Ba câu đầu là Tuệ hiểu rõ về pháp: 1) Hiểu rõ nhân không ngay nơi quả; 2) Hiểu rõ duyên không lìa xa quả; 3) Hiểu rõ quả không phải Đoạn-Thường. Bốn câu tiếp là Tuệ thâm nhiếp chúng sinh: 1) Loại bỏ tà vạy; 2) Nhận biết căn khí; 3) Trao cho giáo pháp; 4) Hàng phục quân ma. Ba câu sau là Tuệ chứng lý: 1) Thấy rõ Pháp thân; 2) Thâm nhiếp công đức thù thắng; 3) Giác ngộ bình đẳng. Lại giải thích: Ba câu đầu là Gia hạnh, bốn câu tiếp là Hậu đắc, ba câu sau là Chánh Thể, có thể biết.

Bảy: Có mười Từ: Bởi vì ý mang lại niềm vui. Trong đó: 1) Lìa xa phân biệt kẻ oán-người thân; 2) Khiến cho đạt được lợi ích chân thật, không phải chỉ ở miệng nói, nghĩa là khiến cho lìa xa nhân của khổ; 3) Cứu giúp quả của khổ; 4) Trao cho nhân của niềm vui; 5) Khiến cho đạt được quả của Đoạn; 6) Khiến cho mong cầu về quả của Trí; 7) Thân phát ra ánh sáng Từ; 8) Tâm rộng lớn như hư không. Tám câu trên là Từ duyên với chúng sinh. 9) Duyên với pháp; 10) Vô duyên, đều có thể biết. Trong luận Phật Địa thì Pháp duyên-Từ duyên, năm uẩn là giả

pháp, cùng với ở đây không giống nhau.

Tám: Có mười Bi: Bởi vì ý loại trừ khổ đau. Trong đó: Câu đầu là tổng quát hiển bày, chín câu còn lại là riêng biệt phân rõ. Trong riêng biệt: Sáu câu đầu là đối với chúng sinh đầy khởi Bi tâm. Ba câu sau là trao cho những lợi ích: 1) Thương xót vì dung nạp hư vọng ấy mà làm cho diệt trừ; 2) Thương xót vì ẩn kín chân thật ấy mà làm cho hiển bày; 3) Nghĩ đến chúng sinh không nhận biết điều ấy mà khiến cho tỏ ngộ.

Chín: Có mười Hỷ: Bởi vì mừng cho chúng sinh đạt được lợi ích. Trong đó: 1) Vui mừng tự mình phát tâm; 2) Vui mừng rời bỏ tất cả; 3) Vui mừng cứu người hủy giới; 4) Vui mừng giải hòa tranh chấp; 5) Vui mừng bảo vệ Chánh pháp; 6) Vui mừng ưa thích Chánh pháp; 7) Vui mừng chúng sinh cùng nhau thực hành; 8) Tự mình vui mừng cúng dường Đức Phật; 9) Vui mừng người khác đạt được Định; 10) Vui mừng người khác đầy đủ Trí.

Mười: Có mười Xả: Bởi vì tình thức không có gì dắm theo giữ lấy. Trong đó: 1) Rời bỏ tham-sân. 2) Rời bỏ pháp thế gian, nghĩa là trong tám pháp thì thành công-thất bại(Lợi-suy) dựa vào thân, khen ngợi-chê bai-phỉ báng-ca tụng(Xưng-cơ-hủy-dự) dựa vào miệng, khổ-vui dựa vào ý. Lại thành công và khen ngợi-ca tụng là nhân phát sinh niềm vui, thất bại và chê bai-phỉ báng là nhân phát sinh nỗi khổ, bởi vì bao gồm nhân quả mà nói cho nên có tám loại. 3) Rời bỏ không phải căn khí, nghĩa là đối với chúng sinh thuộc pháp khí thì nhận biết thời gian mà trao cho pháp, đối với chúng sinh không phải pháp khí thì rời bỏ mà không chê trách. 4) Rời bỏ Nhị thừa. 5) Rời bỏ Hoặc nhiễm. 6) Rời bỏ làm trái quả báo. 7) Rời bỏ nói lời lạ lùng. 8) Rời bỏ không hợp thời gian, nghĩa là căn chưa chín muồi phải đợi thời gian mà tạm rời bỏ. 9) Rời bỏ không hợp duyên, nghĩa là có chúng sinh thích hợp tiếp nhận sự giáo hóa của Phật, không phải là căn duyên giáo hóa của Bồ-tát, thì cũng không miễn cưỡng giáo hóa, vì thế cho nên rời bỏ. 10-Rời bỏ kiến chấp lạ lùng.

Trên đây là trình bày về Thể tánh của nhân hạnh, xong.

Phần hai từ “Thập chủng nghĩa...” trở xuống có tám mươi câu trình bày về hạnh phương tiện thành tựu Tu, trong đó: a) Bốn mươi câu trình bày về hạnh thuộc Tự phần; b) Từ “Thập chủng minh túc...” trở xuống là bốn mươi câu hiển bày về hạnh thuộc Thắng tiến.

Trong phần a: Một: Mười Nghĩa: Bởi vì ý chỉ đã giải thích, dựa vào nghĩa mà thành tựu hạnh, cho nên trình bày. Trong đó: 1) Như giáo chỉ; 2) Hiểu rõ Tục đế. Tám câu còn lại là hiểu rõ Chân đế: 1) Là xa



tướng; 2) Lìa xa nhiễm; 3) Bặt dứt ngôn ngữ; 4) Bình đẳng; 5) Một vị; 6) Chứng đắc, nghĩa là Chánh Trí chứng lý thuận với Như mà xuất hiện, cho nên gọi là Như Lai; 7) Chân; 8) Diệt. Đều có thể biết.

Hai: Có mười Pháp: Bởi vì chấp trì tự tánh cho nên lấy pháp mà thành tựu hạnh. Trong đó: Một câu đầu là pháp hành chân thật, bốn câu tiếp là pháp lìa xa chướng, ba câu tiếp là pháp lìa xa tướng, hai câu sau cuối pháp thuộc quả.

Ba: Có mười Công đức đầy đủ: Bởi vì duyên mà thành tựu phước, cho nên nói là đầy đủ. Trong đó: 1) Nói là không đoạn mất Tam Bảo, thì pháp công đức do đâu thành tựu, đây là do khuyến khích chúng sinh phát tâm Bồ-đề tâm, vì vậy sự khuyến khích này gọi là duyên của công đức đầy đủ. Những câu còn lại ví dụ như vậy. 2) Khéo léo hồi hướng. 3) Chánh Tuệ dạy dỗ người khác. 4) Bi tâm không mệt mỏi. 5) Có thể xả bỏ thân mạng-tài sản. 6) Thường xuyên tu tướng tốt. 7) Không coi thường điều thiện nhỏ. 8) Không coi thường người ở địa vị thấp kém. 9) Cung kính cúng dường người có đức hạnh. 10) Tâm bố thí rộng lớn.

Bốn: Có mười loại Trí đầy đủ: Bởi vì nhân duyên mà thành tựu Trí, cho nên nói là đầy đủ. Trong đó: 1) Gân gũi người thù thắng, có thể đạt được Trí, cho nên gọi là đầy đủ, sau đều dựa theo đây. 2) Bên trong điều phục tâm. 3) Trú vào Niệm Tuệ, mười Trí hiển bày về vô tận, như trước nói. 4) Vui với Pháp lạc chân thật. 5) Sáu Độ và bốn Đẳng vốn tự mình làm cho điều phục. 6) Xuất gia giữ tâm lấy tham dục-nóng giận và ngu si làm ba pháp để giác ngộ. 7) Quán sát về pháp rỗng rang thanh tịnh, như Nhân-đà-la võng bày ra là lúc Đế Thích cùng với Tu-la đánh nhau, bày binh bố trận giữa hư không, hình bóng hiện rõ nơi biển rộng. 8) Hiểu sâu sắc về hai Không. 9) Đến bờ giải thoát Vô tướng. 10) Nhờ đó dần dần đạt được Trí, nghĩa là năm lớp lần lượt giúp đỡ nhau mà đạt được. Hạnh thuộc Tự phần, xong.

Trong phân b từ “Thập chủng minh túc...” trở xuống có bốn mươi câu trình bày về hạnh thuộc Thắng tiến.

Một: Mười loại Minh túc: Bởi vì hiểu rõ tướng tận nói là Minh, đầy đủ tất cả nói là Túc; lại bởi vì phiền não tối tăm không còn, cho nên Dụng của Trí đầy đủ. Trong đó: Bảy câu đầu là dựa theo Giải-Hạnh, ba câu sau riêng biệt hiển bày về ba Minh, có thể biết.

Hai: Có mười loại mong cầu về pháp: Bởi vì dựa vào mong cầu Chánh pháp mà thành tựu về hạnh thù thắng. Trong đó: Năm câu trước là tâm sâu xa mong cầu pháp, nghĩa là tự mình có tâm chân thật mà không thể nào chịu khó mong cầu, tự mình có chịu khó mong cầu mà

không thể nào xả bỏ thân mạng, tự mình có thể xả bỏ thân mạng mà không thể nào xả bỏ vì người khác; Bồ-tát thì không như vậy, cho nên đều có thể xả bỏ. Năm câu sau là tâm rộng lớn mong cầu pháp, hai câu đầu là Trí sâu xa trú vào pháp, hai câu tiếp là trao cho pháp đoạn trừ nghi ngờ, một câu sau cuối là đầy đủ Chánh pháp.

Ba: Có mười loại hiểu rõ ràng về pháp: Bởi vì đã mong cầu đạt được pháp, hiểu rõ tường tận soi chiếu thông suốt, cho nên nói như vậy. Trong đó dùng pháp Phổ Hiền nhận biết rõ ràng về pháp sai biệt của phàm Thánh-Tam thừa: 1) Dựa theo pháp của Ngoại phàm. 2) Bắt đầu của Nội phàm gọi là Tín hành. 3) Cuối cùng của Nội phàm gọi là Pháp hành. 4) Bắt đầu của Trú Thánh gọi là người thứ tám (Bát Nhân). Có người giải thích dựa theo tám Nhẫn là người thứ tám. Nay giải thích trong Đại Bát Nhã gọi là người thứ tám, nghĩa là từ A-la-hán tính lùi lại đến Hương Tu-đà-hoàn là thứ tám. 5) Chính thức đạt được Quả thứ nhất thì diệt các Kiết, là diệt tám mươi tám kiết Hoặc do Kiến mà đoạn, đoạn sinh tử lưu chuyển trong ác đạo. 6) Đạt được Quả thứ hai thì không còn quán sát về mùi vị tham dục là tai họa, bởi vì ba phẩm Hoặc còn lại chưa hết, tươi thắm mà thọ sinh một đời, cho nên nói là trở lại thọ sinh. 7) Đạt được Quả thứ ba, ba quả chỉ rời bỏ cõi Dục; đây là dựa theo Thật pháp, lìa xa tất cả ba cõi. 8) La hán. 9) Duyên giác. 10) Bồ tát.

Bốn: Có mười loại hướng về pháp: Bởi vì thuận theo mà hướng về pháp giới Phổ Hiền. Trong đó: 1) Nếu xa cách thiện hữu thì rời bỏ pháp môn, vì vậy trái với điều này gọi là hướng về pháp; còn lại đều dựa theo đây. 2) Giác ngộ chư Thiên không để cho đắm theo niềm vui gọi là hướng về pháp. 3) Thường ôm lòng hổ thẹn, luôn luôn hướng về pháp môn. 4) Rời bỏ Nhị thừa gọi là hướng về pháp. 5) Thật tâm làm việc. 6) Rời bỏ Tiểu thừa. 7) Rời bỏ tà đạo. 8) Rời bỏ nhân duyên cấu nhiễm. 9) Hợp với căn cơ mà thuyết pháp. 10) Bên trong trú vào pháp giới. Trên đây là hạnh phương tiện thành tựu Tu, xong.

Phần ba từ “Thập chủng ma...” trở xuống có một trăm câu trình bày về hạnh lìa xa chướng ngại, phân hai: Năm mươi câu đầu trình bày về thành tựu hạnh lìa xa chướng, năm mươi câu sau trình bày về gia trì lìa xa chướng.

Trong năm mươi câu đầu: Hai mươi câu đầu trình bày về Thế đã lìa xa chướng, mười câu tiếp trình bày về phương tiện lìa xa chướng, hai mươi câu sau hiển bày về thành tựu hạnh được thấy Phật.

Trong hai mươi câu đầu: Một: Mười loại Ma: Bởi vì đối với đạo mà phát sinh chướng ngại. Trong đó: 1) Chọn bỏ không có giữ lấy năm

Uẩn cho nên nói là tham trước, bởi vì năm Uẩn không phải là ma. 2) Chọn bỏ không nhiễm không biết gì... cho nên nói là nhiễm, bởi vì Sở tri chướng... không phải là ma. 3) Chọn bỏ thiện nghiệp cho nên nói là chướng ngại. 4) Tâm kiêu mạn là Thức thứ sáu chứ không phải là Thức khác. 5) Uẩn hư hoại gọi là chết cho nên nói là rời bỏ thọ sinh. 6) Ma cõi trời Tha Hóa chèn ép ganh ghét. 7) Gây ra tội lỗi không hối hận khiến cho pháp thiện đều mất đi, lại lui sụt mất đi thiện căn mà tâm không sinh ra hối hận, cho nên gọi là ma. 8) Đắm theo Định mà bỏ đạo. 9) Tình thức quanh co dựa theo nhau, như dựa vào người mà không dựa vào pháp... 10) Mê theo những mong cầu mà không phát khởi Đại nguyện. Mười loại ma này đều là Trì nghiệp thích, nghĩa là Uẩn vốn chính là ma, cho đến không biết gì cũng chính là ma.

Hỏi: Mười loại ma này do bốn ma thâm nhiếp hay không?

Đáp: Hoặc là thâm nhiếp, nghĩa là Ám-Thiên và Tử đều là một, còn lại đều thu vào phiền não; hoặc là không thâm nhiếp, bởi vì bốn ma ấy cùng với sáu ma đều là một môn. Bởi vì hiển bày về vô tận, cho nên bốn ma ấy dựa theo môn riêng biệt, mà mười ma này dựa theo môn tổng quát.

Hai: Có mười loại nghiệp của Ma: Trước đây dựa vào Thể của ma, nay phân rõ về nguyên nhân, cho nên nói như vậy; lại mười nghiệp này làm cho cảm đến Thiên ma. Trong đó: 1) Đã quên tâm giác ngộ mà tu thiện căn, chỉ cảm đến trời-người, lẽ nào không phải ma nghiệp hay sao, bởi vì đây là Tà thiện căn. 2) Cầu quả báo thế gian gọi là Ác thí, trong kinh Nghiệp Báo Sai Biệt nói “Nếu như có thực hành bố thí, mà tánh vội vàng nhiều nóng giận thì chết làm thân rồng nhiều sức mạnh.” 3) Chán ngán rời bỏ người ác, cho nên từ bỏ Đại Bi. 4) Bên trong có bốn môn: Một là keo kiệt về pháp, hai là trách mắng pháp khí làm cho lui sụt học hỏi, ba là mong cầu lợi dưỡng mà nói, bốn là không phải căn khí mà nói pháp sâu xa. 5) Không thực hành như đã nghe. 6) Vui với Tiểu thừa. 7) Tâm giận mà miệng nói, thân ghét mà mắt nhìn. 8) Bài báng pháp coi khinh người. 9) Văn chướng bàn luận thế gian. 10) Rời bỏ nguy nan dựa vào yên ổn. 11) Khinh mạn giáo pháp làm cho phân tán. Còn lại một câu là số tăng của mười.

Ba: Có mười loại rời bỏ ma nghiệp: Bởi vì tu pháp đối trị đối với chướng ngại cho nên nói là rời bỏ. Trong đó: 1) Rời bỏ nhờ vào Tha lực; 2) Rời bỏ nhờ vào Tự lực; 3) Lực của niềm tin đích thực; 4) Nhớ lại lực vốn có; 5) Li xa phóng dật; 6) Mong cầu pháp căn bản; 7) Vui với pháp sâu xa; 8) Trở về với Phật; 9) Nghĩ đến Phật, cây Bồ-đề là dùng thiện

căn để hồi hướng, căn phải ở tại cây này mà thành tựu Bồ-đề; 10) Thiện căn cùng tánh, lại cùng chung một quả.

Bốn: Có mười loại được thấy Phật: Bởi vì chương của hành đã lìa xa, thì cảnh Phật hiện rõ, cho nên nói là được thấy Phật. Trong mười câu đều nêu ra tên gọi-giải thích về nghĩa: Một câu đầu: An trú thế gian, là nêu rõ không đắm vào Niết-bàn vô trước; thành tựu Chánh giác, là nêu rõ không đắm vào thế gian, cho nên gọi là Vô trước Phật. Lại giải thích: Vô trước là nghĩa về không ngưng trệ, nghĩa là không ngưng trệ vào Thế vắng lặng, hiện tại ở thế gian thị hiện thành tựu Chánh giác. Đây là câu tổng quát, chín câu sau là riêng biệt hiển bày. Trong đó: 1: Do nguyện lực mà xuất hiện, trước đây nói do nguyện lực của Phật cho nên thấy đều nhìn thấy. 2: Nêu rõ do thiện nghiệp đời trước mà đạt được Diệu quả này, khiến cho người khác tin tưởng nhận biết về nghiệp không hư rỗng. Lại giải thích: Bởi vì phước nghiệp thù thắng mà cảm được thân của tướng tốt này, khiến cho chúng sinh phát sinh niềm tin. 3: Trú trong Thế của Thức thanh tịnh duy trì thiện căn thuận theo thành tựu Chánh giác, lại duy trì Tịnh độ... 4: Tuy thị hiện ở thế gian mà thường trú trong Niết-bàn, trước thì duy trì khiến cho thuận theo phát khởi, ở đây thì vĩnh viễn vượt qua mà thành tựu Diệt độ, bởi vì vô ngại. Hỏi: Câu này lẽ nào trở thành câu tổng quát? Giải thích: Nếu không như vậy thì nào có thành tựu Chánh giác. 5: Tức là bởi vì lý về pháp giới, có khắp nơi tất cả các hành hữu vi. Lại ở đây hiện thân Chánh giác, tức là ở khắp tất cả mọi nơi, cho nên gọi là Pháp giới Phật, như kết luận nói thông trú xứ của Phật; như trên đây nói chính là thân Phật đầy khắp các pháp giới. 6: Phật tuy rộng khắp trong tâm cơ cảm, mà tâm an trú mới chính là Phật, trên đây nói thuận theo tiếp nhận căn khí giáo hóa thấy đều đầy đủ; lại là tâm thanh tịnh duyên khởi tích tập mà thành cho nên nói là an trú. 7: Tuy hiện rõ trong tâm mà thường thuộc về Định sâu xa, bởi vì ở nhiều nơi đều không đắm trước. 8: Thế tánh bất biến cho nên nói là quyết định, đây là bao gồm ở trong ràng buộc..., nhờ vào những sự việc này mới thành tựu Chánh giác, không như vậy thì không phải. 9: Như ý chủ động giáo hóa mà che phủ tất cả căn cơ; lại như ý thụ động giáo hóa mà che phủ tất cả; lại như ngọc Ma-ni, che phủ tất cả thuận theo căn cơ mà không có gì suy nghĩ.

**Lại giải thích:** Như ý vốn là Đại Dụng tự tại, sáu tướng tổng quát-riêng biệt... của mười Phật trong này đều dựa theo đây. Lại mười Phật này thâm nhiếp làm năm cặp: Hai câu đầu là một cặp về Năng-Sở, đầu là thụ động xuất hiện, sau là chủ động xuất hiện. Hai câu tiếp là một

cặp về Y-Chánh, đầu là Chánh báo, sau duy trì là Y báo. Hai câu tiếp là một cặp về Thường-Biến, đầu là Niết-bàn thường hằng, sau là pháp giới phổ biến. Hai câu tiếp là một cặp về Hiện-Trú, đầu là ứng hiện trong tâm, sau là trú trong Định mà không đắm trước. Hai câu sau cuối là một cặp về Thể-Dụng, đầu là Thể tánh bất động, sau là Dụng khắp pháp giới. Những môn còn lại nói như riêng biệt.

**Lại trong kinh Pháp Tập nói:** “Bồ-tát tiến vào mười loại pháp có thể nhận biết chư Phật. Những gì là mười loại? Đó là: Tập khí như Phật, Quả báo như Phật, Tam-muội như Phật, Nguyên như Phật, Tâm như Phật, Thật như Phật, Đồng như Phật, Hóa như Phật, Cúng dường như Phật, Hình tượng như Phật. Cho đến nói rộng ra.”

Năm: Có mười loại nghiệp của Phật: Trước đây trình bày về được thấy Thể của Phật, nay phân rõ về đạt được nhân của Phật. Lại khởi hạnh này thuận theo Phật cho nên gọi là nghiệp của Phật, đều có nêu ra và giải thích. Trong đó: Một câu đầu là tổng quát dựa theo giáo hóa chúng sinh. Hai câu tiếp là hiển bày về hạnh Tự lợi. Hai câu tiếp là dựa theo chúng sinh giáo hóa riêng biệt, một là giáo hóa người hối hận vì ràng buộc, hai là giáo hóa tâm của phàm phu-Tiểu thừa. Hai câu tiếp là hạnh bảo vệ giáo pháp vào lúc hiểm ác, một là lúc Chánh pháp gặp nạn, hai là lúc ma sự phát khởi. 8: Không chọn lấy quả nhỏ. 9: Không đoạn mất bốn nguyện. 10: Thành tựu hạnh vô ngại, trong đó có bảy câu: Một, Cầu đạo không ngăn ngại lìa xa; Hai, Từ “Ư Như Lai...” trở xuống là cầu không cấu nhiễm-không ngăn ngại; Ba, Từ “Linh nhất thiết...” trở xuống là trang nghiêm quốc độ không ngăn ngại vì trống rỗng; Bốn, Từ “Giáo hóa...” trở xuống là giáo hóa chúng sinh không ngăn ngại vì không có; Năm, Từ “Chư thông...” trở xuống là đầy đủ quả mà không rời bỏ nhân; Sáu, Từ “Thị hiện...” trở xuống là nêu rõ tròn vẹn mà không rời bỏ từng phần; Bảy, Từ “Hiện đại...” trở xuống là thị hiện tịch diệt mà không ngăn ngại thọ sinh.

Trên đây là năm mươi câu trình bày về thành tựu hạnh lìa xa chướng, xong.

Phần sau từ “Thập chủng mạn nghiệp...” trở xuống là năm mươi câu trình bày về hạnh gia trì lìa xa chướng, trong đó: Hai mươi câu đầu là thành tựu về hạnh lìa xa chướng bên trong, ba mươi câu sau là phân rõ về hạnh gia trì bên ngoài.

Trong hai mươi câu đầu: Mười câu đầu nêu ra chướng, mười câu sau hiện rõ đối trị.

Trong mười câu đầu là nghiệp kiêu mạn: Chấp Ngã tự cao mà

chèn ép người khác là nghiệp. Trong đó: Một câu đầu là coi khinh đối với người. Hai câu tiếp là khinh mạn đối với pháp. 4) Tự nâng cao mình. 5) Ganh ghét người khác. 6) Bài báng giáo pháp. 7) Tự ý thế mình. 8) Tìm lỗi của thầy. 9) Không tự mình thưa hỏi. 10) Trình bày về kiêu mạn làm chướng ngại đến đạo.

Hai: Có mười loại nghiệp của Trí: Hiển bày về hạnh đối trị, nghĩa là đã hiểu về chướng ngại của Hoặc thì không để cho tăng trưởng, ngăn chặn tình mà thuận theo lý, kính trọng pháp hành cho nên gọi là nghiệp của Trí. Trong đó: Hai câu đầu là tin theo pháp-nghĩ đến Phật. Hai câu tiếp là gần gũi người-vui với pháp. Hai câu tiếp là cung kính người khác-tự mình thanh tịnh. Hai câu tiếp là thuận theo lý-coi trọng thực hành. Hai câu sau là thành tựu đức-diệt trừ Hoặc. Như vậy đều là tác dụng của Trí mà gọi tên.

Phần sau từ “Thập ma sở nhiếp trì giả...” trở xuống là ba mươi câu phân rõ về hạnh gia trì bên ngoài: Mười câu đầu trình bày về gia trì oán chướng, tức là chướng đã lìa xa; hai mươi câu sau trình bày về gia trì Phật pháp, tức là hạnh chủ động đối trị.

Trong mười câu đầu: Bởi vì hành bên trong trái với lý, ma bên ngoài được dịp thuận tiện, cho nên gọi là thâm nhiếp duy trì; lại hành trái với lý tức là ma thâm nhiếp. Trong đó: Hai câu đầu là tâm lười nhác mà rời bỏ pháp. Hai câu tiếp là khởi tâm tham mà tự hóa độ. Hai câu tiếp là rời bỏ nguyện làm cho đoạn mất. Hai câu tiếp là thành tựu Tiểu thừa mà rời bỏ Đại thừa. Hai câu sau là rời bỏ Bi mà bài báng giáo pháp.

Hai: Có mười Phật thâm nhiếp duy trì: Đã lìa xa sự thâm nhiếp của ma, tức là Phật gia trì rời xa Tà mà tiến vào Chánh, vốn là lý thích hợp. Trong đó: Hai câu đầu là dựa theo tâm thâm nhiếp. Hai câu tiếp là dựa theo khởi hạnh thâm nhiếp. Hai câu tiếp là dựa theo Bi-Trí thâm nhiếp, một là Bi, hai là Trí. Hai câu tiếp là dựa theo Tuệ khéo léo, một là khéo léo, hai là Tuệ. Hai câu sau là dựa theo Trí-Đoạn, một là Đoạn, hai là Trí. Như vậy đều là Phật lực thâm nhiếp duy trì khiến cho thành tựu những hạnh này.

Ba: Có mười loại pháp thâm nhiếp duy trì: Rời bỏ lỗi lầm thuận theo pháp, vốn là thâm nhiếp duy trì. Trong đó: Bốn câu đầu tức là bốn pháp thuộc về Pháp ấn. Hai câu tiếp là mười hai pháp thuộc về Duyên sinh. Hai câu tiếp tức là pháp thuộc về Tam thừa. Hai câu sau tức là pháp thanh tịnh, một là Tánh thanh tịnh, hai là Đoạn thanh tịnh. Đều nhờ vào Pháp lực mà thành tựu những hạnh này, cho nên gọi là thâm

nhiếp duy trì.

Trên đây là toàn bộ ba trăm hai mươi môn trình bày về nhân trọn vẹn cứu cánh, xong.

Phần hai từ “Trú Đâu-suất hữu thập sự...” trở xuống là một trăm chín mươi câu trình bày về hạnh viên mãn thuộc Dụng của quả. Như vậy phần nhiều dựa theo tám tướng mà thị hiện giáo hóa, trình bày về Dụng của Phật, vì vậy cũng bao gồm Dụng như Phổ Hiền..., chứ không hướng về nơi Thật báo Tịnh độ mà nói. Lại giải thích: Bởi vì đây chỉ riêng tác dụng của Bồ-tát này, chỉ nêu rõ về tám tướng thành Phật chứ không phải thật sự thành tựu gì khác. Lại giải thích: Thật sự thành Phật ấy không có thành hay không thành, bởi vì không thể nào nói được, mà chỉ dựa vào tám tướng để nói. Trong đó phân sáu: Một: Hai mươi câu đầu là hạnh ở tại cõi trời; Hai: Từ “Thập chủng giáng thân...” trở xuống là hai mươi câu trình bày về hạnh tiến vào thai-trú trong thai; Ba: Từ “Thập chủng sinh...” trở xuống là mười câu trình bày về hạnh ra khỏi thai; Bốn: Từ “Thập chủng Đại trang nghiêm...” trở xuống là bốn mươi câu trình bày về hạnh tại gia cùng với thế tục; Năm: Từ “Thập chủng xuất gia...” trở xuống là sáu mươi câu phân rõ về hạnh xuất gia cầu đạo; Sáu: Từ “Thập chủng Giác Như Lai lực...” trở xuống là bốn mươi câu trình bày về hạnh thành tựu đức của quả Phật.

Trong phần một: Mười câu trước là hạnh ở tại cõi trời, mười câu sau là hạnh thị hiện cuối cùng.

Trong mười câu trước: Bồ-tát Nhất sinh ở trên cõi trời ấy thì làm những sự việc gì, nghĩa là làm mười loại sự nghiệp như vậy: 1) Ở cõi ấy giáo hóa trời cõi Dục; 2) Giáo hóa trời cõi Sắc; 3) Giáo hóa chúng sinh khắp ba ngàn thế giới; 4) Thuyết giảng về pháp hạ sinh cho đồng loại khắp nơi mười phương; 5) Trao pháp giáo hóa giống như ở mười phương ấy; 6) Thuyết pháp hàng phục ma quân; 7) Chư Thiên quyến thuộc cõi Dục vui với âm thanh giáo hóa; 8) Đi đến nơi Phật nghe pháp; 9) Cúng dường nhiều Đức Phật; 10) Nhiều thân làm lợi ích cho chúng sinh.

Hai: Mạng chung nêu rõ mười sự việc: Những việc làm đã xong, sắp muốn hạ sinh mà hiện rõ mười tướng ấy, trong kinh Đại Thừa Phương Tiện quyển Hạ nói: “Bồ-tát như Bồ-nghệ của mình ở cung trời Đâu-suất, có thể đạt được A-nậu Bồ-đề chuyển Pháp luân chứ không phải là không có thể. Bồ-tát tư duy: Người cõi Diêm-phù-đề không có thể đến trên cõi trời Đâu-suất này để nghe nhận giáo pháp, người ở cõi trời Đâu-suất có thể xuống cõi Diêm-phù-đề để nghe pháp. Vì thế cho nên Bồ-tát rời cõi trời Đâu-suất mà thành Phật ở cõi Diêm-phù-đề.” Trong

đó: 1) Vầng ánh sáng diệt trừ khổ đau, thức tỉnh chúng sinh nơi ấy khiến cho nhận biết. 2) Ánh sáng từ tướng lông trắng giữa chặng mày, làm kinh động thức tỉnh chúng sinh có duyên ở đời trước. 3) Ánh sáng nơi bàn tay làm trang nghiêm thế giới, và loại trừ chúng sinh không phải căn khí. 4) Ánh sáng nơi đầu gối thức tỉnh chư Thiên, khiến cho thiết lễ cúng dường đi theo hầu hạ. 5) Ánh sáng giữa ngực thức tỉnh Lực sĩ. 6) Ánh sáng đầu sợi lông thức tỉnh các vị Trượng phu. 7) Ánh sáng trong pháp đường soi chiếu nơi chốn quyển thuộc cùng sinh. 8) Ánh sáng trên lầu cao soi chiếu trong thai mẹ hiện rõ lâu đài. 9) Ánh sáng nơi bàn chân kéo dài tuổi thọ. 10) Ánh sáng trong Tiểu tướng thuận theo hiện rõ tám tướng. Còn lại kết luận về trăm vạn... có thể biết.

Phần hai từ “Thập chủng giáng thân...” trở xuống có hai mươi câu: Mười câu đầu trình bày về tiến vào thai, mười câu sau trình bày về trú trong thai.

Trong mười câu đầu: Vì sao tiến vào thai? Bởi vì mười sự việc: 1) Giáo hóa căn cơ nhỏ bé; 2) Thân nhiếp quyển thuộc; 3) Niệm không tán loạn; 4) Hiện rõ khác lạ làm nhiều lợi ích; 5) Phù hợp với bốn nguyện của chúng sinh, nghĩa là chúng sinh ấy thuận theo ở trong thai mà giáo hóa; 6) Bởi vì giống như loài người; 7) Bởi vì có thích hợp nhìn thấy; 8) Đồng loại cùng nhau quy tụ; 9) Định lực hiện bày khác lạ; 10) Cúng dường Đức Phật lắng nghe giáo pháp.

Hỏi: Dựa vào văn trên đây, ở cõi Đâu-suất mạng chung liền tiến vào thai... vì sao Lương Nhiếp Luận trình bày về Hóa thân ở trong Trung Ấm hai mươi năm? Đáp: Trong Sở về kinh Kim Quang Minh của Tam tạng Chân Đế Giải thích rằng: “Có Sư thuộc Bộ khác của Tiểu thừa nói: Tùy theo chờ đợi cha mẹ thọ sinh xong, cho nên hai mươi năm ở trong Trung Ấm.” Nay giải thích đều là cơ cảm mà hiện hình, cho nên nhìn thấy đều sai khác.

Hai: Có mười nẻo vi tế: Trình bày ở trong thai thân nhiếp rộng rãi, bởi vì sâu kín khó nhận biết, cho nên gọi là vi tế. Trong đó: Một câu đầu là hiện bày về nhân hạnh vốn có, tám câu tiếp là hiện bày tám tướng, một câu sau là hiện bày thân lực; cùng với ở trong thai đồng thời hiện bày như nhau.

Phần ba có mười Sinh: Sinh ra từ hông bên phải thì có mười loại này: 1) Bên trong lìa xa ngu si tăm tối; 2) Bên ngoài phát ra ánh sáng rộng lớn; 3) Vị lai lại không có giới hạn cuối cùng này; 4) Xứng lý mà sinh ra; 5) Như huyễn tựa như sinh ra; 6) Lập tức hiện bày mười phương; 7) Bên trong là Trí đầy đủ; 8) Bên ngoài là Dụng của ánh sáng; 9) Định



và Tuệ đầy đủ; 10) Lợi ích của chấn động.

Phần bốn từ “Thập chủng Đại trang nghiêm...” trở xuống có bốn mươi câu trình bày về hạnh tại gia:

Một: Mười câu trình bày về trước khi mới sinh ra chưa bước đi, bởi vì Đại thế tự trang nghiêm. Trong đó: 1) Vượt khỏi bùn lầy của Dục; 2) Mở ra đôi mắt Tuệ; 3) Đạt được thân thù thắng; 4) Phá tan kiêu mạn; 5) Tiếp nhận lui sụt khuất phục; 6) Khiến cho lợi ích to lớn; 7) Nhìn thấy lực của Phật; 8) Thức tỉnh người cùng công hạnh; 9) Cứu giúp người mệt mỏi rã rời; 10) Được ánh sáng chạm vào, đều hăng hái khởi lên Đại chí dùng để tự trang nghiêm.

Hai: Có mười sự việc về bước đi: Bảy bước là bắt đầu bước đi, hiển bày về tướng mạo tự tại. Trong đó: 1) Bởi vì thị hiện có lực Câu sinh; 2) Như tại gia có bảy báu của Luân Vương, vật báu của xuất gia là bảy loại tài sản của bậc Thánh; 3) Đầy đủ bốn nguyện của người; 4) Tự mình hiện rõ vượt lên trên; 5) Hiện rõ tướng bước đi của bậc Đại nhân; 6) Đất dưới bước chân hiện rõ vàng ròng; 7) Thêm sức mạnh cho người; 8) Tướng biểu hiện giống như số; 9) Thị hiện tự mình giác ngộ; 10) Nói mình là tôn quý nhất. Thân cuối cùng của Bồ-tát vì giáo hóa chúng sinh, giống như số ba mươi bảy (tạp thất) cho nên không tăng-giảm.

Ba: Có mười sự việc về hiện rõ địa vị Đồng tử: Bởi vì tuổi còn nhỏ không có cấu nhiễm, cho nên hiện rõ pháp học thâm nhiếp chúng sinh. Trong đó: Ba câu đầu là phù hợp cùng với sự việc của thế gian, hai câu tiếp là thường không có lỗi lầm, ba câu tiếp là sắc lực cứu giúp chúng sinh, hai câu sau cuối là cúng dường Đức Phật-tiếp nhận giáo pháp.

Bốn: Có mười sự việc về hiện rõ cuộc sống trong cung: Thể nữ vây quanh là hiển bày về hạnh vô nhiễm. Trong đó: 1) Bởi vì người cùng hạnh ở trong Thể nữ, như người nữ Hiền Tuệ... ở văn sau. 2) Bởi vì không giống như thiện rời bỏ Dục của Nhị thừa, cho nên nói Dục là trình bày về thiện của Bồ-tát, như Văn Thù an cư mùa Hạ ở cung của Long Nữ... 3) Ở nơi ấy có thể rời bỏ để giáo hóa chúng sinh đấm theo vui sướng. 4) Thuận theo giống như thế gian ô trược. 5) Ở trong cảnh Dục mà thực hành thiền... 6-7 là hợp với kỳ hạn ban đầu, nghĩa là tiếp nhận giáo hóa vốn ở nơi này. 8) Dùng niềm vui thế gian cúng dường Đức Phật. 9) Hiện rõ Định lực tự tại. 10) Vì giữ gìn bảo vệ giáo pháp. Trên đây là hạnh tại gia, xong.

Phần năm từ “Thập chủng xuất gia...” trở xuống có sáu mươi câu trình bày về hạnh xuất gia cầu đạo. Trong đó:

Một: Trình bày trong hạnh xuất gia: Hai câu đầu là khiến cho

chán ngán rời bỏ cầu nhiễm, hai câu tiếp là hiển bày về thù thắng khiến cho vui mừng, hai câu tiếp là khiến cho rời bỏ mê hoặc, hai câu tiếp là hiện rõ về đức thắng thần vượt ra tự tại, hai câu sau cuối là thuận theo quả giống như nhân.

Hai: Có mười sự việc về hiện rõ khổ hạnh: Trình bày về thị hiện giống như ngoại đạo mà phá tan các tà kiến. Trong đó: 1) Có chúng sinh căn cơ Tiểu thừa, nghĩa là Bồ-tát sống ở Vương cung, chưa trải qua khổ hạnh luyện thân, sao có thể đạt được đạo, cho nên thị hiện mà giáo hóa những chúng sinh ấy. 2) Ngoại đạo tà kiến cho rằng tự mình nhịn đói là đạo, Bồ-tát thị hiện nhịn đói, sáu năm mà không đạt được đạo, về sau ăn cháo sữa mới giác ngộ Bồ-đề, vì thế cho nên phá tan tà kiến ấy. 3) Giáo hóa hạng tà kiến cho rằng không có nghiệp báo, như trong kinh Đại Thừa Phương Tiện quyển thứ hai nói: “Đức Phật vào thời Phật Ca-diếp xưa kia, bởi vì giáo hóa năm người ngoại đạo khiến cho đạt được Vô sinh nhẫn, mà phải vì năm người mắng Phật Ca-diếp rằng: Đạo nhân trọc đầu, có người trọc đầu nào có thể đạt được Bồ-đề? Thật sự là dùng Bát-nhã quán Không mà phát ra lời nói này, thị hiện về nghiệp này, cảm lấy báo không mất, sáu năm khổ hạnh khiến cho những chúng sinh khác tin tưởng nhận biết, nghiệp phương tiện của Bồ-tát Nhất sinh hỷ còn có qua báo này, hưởng gì chúng ta hay sao? Cho đến nói rộng.” 4) Thuận theo năm trước, nghĩa là chúng sinh năm trước đều có tội nặng, lo âu phiền muộn che phủ tâm tư không được giải thoát, bởi vì trừ diệt những lo âu phiền muộn của họ mà thị hiện nghiệp báo này, khiến cho họ nghĩ rằng: Bồ-tát phỉ báng Phật hỷ còn được giải thoát, hưởng gì chúng ta hay sao? Ngay lúc ấy sám hối trừ bỏ, cũng như kinh ấy nói. 5) Thúc đẩy những người lười nhác. 6) Khiến cho mong cầu giáo pháp. 7) Khiến cho lìa xa niềm vui chấp Ngã. 8) Hiển bày về thù thắng là nêu rõ khổ hạnh này, không phải khổ hạnh này chính là nguyên cơ so sánh để hiển bày về hạnh thù thắng của Bồ-tát. 9) Thúc đẩy chúng sinh vị lai. 10) Chờ đợi căn cơ thuần thực.

Ba: Có mười sự việc về đi đến Đạo tràng: Trình bày rời bỏ Tà hưởng về Chánh, cũng là nhân đầy đủ hưởng về quả. Trong đó: Hai câu đầu là hiện rõ nơi chốn, hai câu tiếp là hiện rõ thân tướng, hai câu tiếp là trang nghiêm nơi chốn, hai câu tiếp là thấy Phật nhập Định, hai câu sau cuối là yêu quý cúng dường ngắm nhìn Đức Phật. Có mười sự việc này đều là ở lúc trên đường đi hưởng về Đạo tràng.

Bốn: Có mười sự việc về ngồi nơi Đạo tràng: Bởi vì tiếp nhận đạo pháp ở nơi này. Trong đó: Bốn câu trước là dựa theo nơi chốn hiện rõ

tướng. Ba câu tiếp là dựa theo ba nghiệp hiện rõ tướng. Ba câu sau là thành tựu đức tướng: 1) Đầy đủ Định Kim Cang Dụ; 2) Tiếp nhận pháp tòa của Cổ Phật, kinh khác nói là nhận bó cỏ Cát Tường trải làm chỗ ngồi; 3) Tiếp nhận những chúng sinh cần phải giáo hóa.

Năm: Có mười loại khác lạ: Đại quả sắp thành tựu, tướng khác lạ hiện bày trước tiên mà gọi tên. Trong đó: Hai câu đầu là Phật gia hộ khen ngợi; hai câu tiếp là người và vật hướng về; hai câu tiếp là đạt được Định Tổng Trì; hai câu tiếp là Thông-Tuệ đầy đủ, cũng là trên cúng dường chư Phật, dưới biết rõ căn khí giáo hóa; hai câu sau cuối là trình bày về Thể-Dụng của thân nghiệp, một là Thể, hai là Dụng.

Sáu: Có mười loại hàng ma: Lúc ấy đối với ma oán hiển bày tràng cao thù thắng chỉ có tuyệt vời, cho nên nói như vậy. Dựa vào kinh Đại Thừa Phương Tiện quyển Hạ nói: “Nếu không phải Phật lực triệu tập đến, thì những ác ma ấy không có thể đến gần Đức Phật, bởi vì nơi này tôn quý thù thắng nhất trong cõi Dục. Nếu tôn quý thù thắng làm cho phải thuận phục, thì tất cả đều khuất phục thuận theo. Bốn loại binh lính của Ba Tuần đầy khắp ba mươi sáu Do-tuần, vây quanh cây Bồ-đề muốn làm cho trở ngại, Bồ-tát trú trong Từ Bi-Trí Tuệ, đưa tay chỉ vào mặt đất, tất cả đều tan tác; tám vạn bốn ngàn Đại chúng Bát bộ phát tâm A-nậu Bồ-đề.” Rộng ra như kinh ấy nói. Đây là giáo hóa quyến thuộc của ma. Chư Thiên lúc đầu nhìn thấy Ma vương tự tại, cho rằng hơn hẳn Đức Phật, bởi vì quyết định mối nghi ngờ ấy cho nên nói là hàng phục. 4) Nêu ra chứng minh để tiến vào đạo. 5) Hiển bày Đức lực của mình. 6) Phát khởi Tín lực của người. 7-8) là làm quy phạm cho vị lai, nghĩa là lúc tu hành không tránh khỏi ma chướng vì vậy không nên phóng dật. 9) Bởi vì hiển bày về phiền não yếu kém mà công đức thù thắng. 10) Bởi vì thuận theo pháp thế gian hiểm ác.

Phần sáu từ “Thập chủng Giác Như Lai lực...” trở xuống có bốn mươi câu trình bày về thành Phật thân nhiếp giáo hóa, trong đó: Mười câu đầu là thành Phật, hai mươi câu tiếp là chuyển Pháp luân, mười câu sau là nhập Niết-bàn.

Ngay trong mười câu đầu: Giác Như Lai lực, trước đây hàng ma là đạo Vô gián thì đoạn chướng, ở đây là đạo Giải thoát thì chứng quả. Trong đó: Một câu đầu, ma là duyên ác, phiền não là nhân ác, hai loại này là chướng đã lìa xa, hạnh cứu cánh là thành tựu về đạo Đối trị. Hai câu tiếp là đạt được Định tự tại. Hai câu tiếp là hai đức viên mãn, một là Tự đức viên mãn, hai là Hóa đức viên mãn. Ba câu tiếp là ba nghiệp đầy đủ. Hai câu sau cuối là giống như chư Phật, một là ba Nghiệp giống

nhau, hai là mười Lực giống nhau. Vì vậy kết luận gọi là Như Lai, không gọi là Bồ-tát.

Hai: Có mười chuyển Pháp luân: Đại Giác đã tròn vẹn, đến lúc căn cơ chín muồi, lý thích hợp mở rộng cánh cửa Cam lộ để trao cho Chánh pháp, kinh khác trong phần này có Phạm Vương thừa thỉnh, trong đó: Mười câu đầu trình bày về Pháp luân đã chuyển, mười câu sau hiển bày về nhân có thể chuyển.

Ngay trong mười câu đầu: Nếu hàng Tiểu thừa thì sau Pháp luân bốn Đế đều có bốn hành như Kiến-Trí-Minh-Giác... nay ở đây dùng mười hành để hiển bày về Vô tận. Lại bốn hành ấy đã ở sau Đế, nay ở đây cũng ở sau mười Đế, đều có mười hành trở thành trăm hành Pháp luân, đều như chương Pháp luân trước đây phân rõ. Trong đó: Ba câu đầu có thể biết. Như vậy đều là pháp đã chuyển chứ không phải có thể chuyển, là có đủ như vậy. 4) Thuận theo tiến vào pháp vô ngại của quả Phật. 5) Tâm Bi che phủ tất cả các pháp. 6) Giáo pháp không hư rỗng. 7) Hiển bày về pháp thuộc nhân đời trước. 8) Hiển bày về âm thanh của Giáo đến khắp tất cả mọi nơi. 9) Thuyết giảng tận cùng tất cả thời gian. 10) Chuyển đầy đủ tất cả các pháp.

Ba: Nhờ vào mười pháp Bạch tịnh... Hiển bày về nhân có thể chuyển là pháp giới thanh tịnh vô lậu của Phật, cho nên nói là Bạch tịnh, từ đây chuyển vào trong tâm chúng sinh mà trở thành Nghe xông ướp chủng tử. Sinh ra Vô tướng, là dựa vào chủng tử này sinh ra Thánh trí Vô tướng. Quyết định không hư rỗng, là bởi vì không có nhân khác lạ nào nữa. Trong Nhiếp Luận nói: “Đa văn huân tập từ pháp giới thanh tịnh nhất... mà phát sinh hiện hành vô lậu.” Chính là nghĩa này. Trong đó: 1) Do hoằng thệ nguyện lực quá khứ của Phật, khiến cho pháp này tiến vào trong tâm chúng sinh, sinh ra Vô tướng, quyết định không hư rỗng, còn lại cũng như vậy. 2) Nhờ vào Đại Bi của đời trước mà tùy ý duy trì. 3) Hiện tại không rời bỏ chúng sinh. 4) Thuyết pháp phù hợp với căn cơ. 5) Không sai lạc thời cơ. 6) Không khiến cho sinh tâm chán ngán, lại không có gì không đầy đủ. 7) Trí nhận biết về ba đời. Ba câu sau là ba nghiệp thù thắng.

Bốn: Có mười nghĩa về thị hiện Đại Niết-bàn: Duyên hóa độ đã xong, ngừng Dụng trở về Chân, cho nên gọi là thị hiện Đại Bát Niết-bàn. Trong đó: Hai câu đầu là hiển bày về sai lầm của Hữu vi. Hai câu tiếp là hiển bày về đức của Niết-bàn. 5) Khiến cho mong cầu Pháp thân. 6) Vô thường quyết định. 7) Trình bày về yêu thương chắc chắn có chia li, hiển bày về không tự tại. 8) Tổng quát nêu ra ba cõi đều không

vững bền. Hai câu sau cuối là hiển bày về Thể tướng của Niết-bàn, một là Thể, hai là Tướng.

Từ “Phật tử nhất thiết Như Lai...” trở xuống là tổng quát kết luận về nghi thức giáo hóa của chư Phật ba đời như nhau.

Trên đây là một trăm chín mươi câu trình bày về pháp hành trong phần vị cứu cánh thứ sáu, xong.

Trên đây là tổng quát phân rõ về hai ngàn hạnh môn trong sáu phần vị sai biệt. Trình bày về phần lớn thứ năm là phần Phổ Hiền Thuyết giảng, xong.

Phần thứ sáu từ “Phật tử thị vi Bồ-tát thanh tịnh...” trở xuống là trình bày về phần Kết luận khuyến khích tu học, trong đó có hai: Một, Kết luận về nghĩa khuyến khích tu học; Hai, Từ “Phật tử thử kinh xuất sinh...” trở xuống là kết luận về tên gọi khuyến khích tu học.

Trong phần một cũng có hai: Trước là kết luận về nghĩa; sau từ “Nhược hữu chúng sinh...” trở xuống là khuyến khích tin tưởng tu hành.

Trong phần trước: 1) Tổng quát kết luận; 2) Dẫn ra chứng minh.

Trong phần một là kết luận: Chương không còn gọi là Tịnh, Đức cao vời gọi là Thắng, Dụng rộng rãi gọi là Đại, Lý sâu xa gọi là Diệu. Trong bốn loại này, Tịnh và Thắng là hạnh, Đại và Diệu là pháp.

Trong phần hai từ “Chư Phật sở thuyết...” trở xuống là dẫn ra chứng minh, nghĩa là như trên đã nói đều là pháp mà chư Phật ba đời đã thuyết giảng, khiến cho có Trí... là trình bày về thuyết giảng có lợi ích.

Trong phần sau từ “Phật tử nhược hữu...” trở xuống là khuyến khích tin tưởng tu hành, có ba: 1) Nêu ra lợi ích; 2) Từ “Hà dĩ...” trở xuống là giải thích về thành tựu; 3) Từ “Phật tử...” trở xuống là kết luận khuyến khích.

Trong phần hai từ “Phật tử thử kinh xuất sinh...” trở xuống là kết luận về tên gọi khuyến khích tu học, cũng có hai: Trước là kết luận về tên gọi; sau từ “Thị cố...” trở xuống là khuyến khích duy trì tên gọi, trong đó có mười: 1) Sinh ra các hạnh; 2) Sinh ra diệu đức; 3) Tiến sâu vào trí; 4) Thân nhiếp pháp môn; 5) Lìa xa thế gian; 6) Cách xa Nhị thừa; 7) Hiển bày Bất cộng; 8) Soi chiếu tất cả các pháp; 9) Nuôi lớn thiện căn; 10) Hóa độ chúng sinh.

Trong phần trước: Công đức Nghĩa Hoa, là công đức của diệu hạnh, đan xen vào nhau như hoa, mà thành tựu trang nghiêm, tương tự như Thập hạnh của công đức Hoa Tụ trước đây, tên gọi của Hoa Nghiêm dựa vào đây mà thiết lập. Mười loại này đều là nghĩa đã giải

thích, từ nghĩa mà thiết lập tên gọi.

Trong phần sau là khuyến khích duy trì: Trước là tổng quát khuyến khích; sau từ “Nhược Bồ-tát...” trở xuống là nêu ra lợi ích khuyến khích duy trì, có thể biết.

Trên đây là phần kết luận khuyến khích, xong.

Phần thứ bảy từ “Thuyết tử xuất sinh...” trở xuống là trình bày về phần biểu hiện điềm lành chứng minh thành tựu, trong đó có hai: Một: Trình bày về biểu hiện điềm lành thuyết kinh, nghĩa là mặt đất rung động-phát ra ánh sáng; hai-Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là chư Phật chứng minh thành tựu, trong đó có bốn: 1) Tổng quát khen ngợi về khéo léo thuyết giảng; 2) Từ “Phật tử nữ dĩ...” trở xuống là riêng biệt khen ngợi về đức thuyết giảng, trong này đã từ lâu khéo léo học hỏi, trung gian quyết định chứng thực nhận biết, lúc này gặp căn cơ vui mừng thuyết giảng; 3) Từ “Ngã đẳng...” trở xuống là hiển bày về đã cùng thuyết giảng, trình bày hiện tại thuyết giảng vốn không khác nhau; 4) Từ “Thị cố...” trở xuống là nói về đã hộ trì, vốn làm cho vị lai không gián đoạn.

Trên đây là phần biểu hiện điềm lành chứng minh thành tựu, xong.

Phần thứ tám từ “Nhĩ thời Phổ Hiền...” trở xuống là trình bày về phần Kệ tụng, trong đó có 231 tụng phân bốn: a) Có mười sáu tụng hiển bày về đức rộng lớn khó nói được; b) Từ “Trì chúng sinh thiện căn...” trở xuống là 133 tụng rưới trình bày tóm lược nêu ra Tướng sai biệt thuộc Đức của hạnh; c) Từ “Thường y Như Lai...” trở xuống là bốn mươi ba tụng chính thức tóm lược tụng về Tướng của hai ngàn hạnh trước đây; d) Từ “Bồ-tát tu chư...” trở xuống là ba mươi tám tụng rưới tụng về văn kết luận khuyến khích tu học trước đây.

Ngay trong phần a có mười sáu tụng, đều là hai tụng làm một kết luận, tức là tám sự việc: 1) Ca ngợi về hạnh cúng dường chư Phật-thâu nhiếp chúng sinh; 2) Đối với hai sự việc trên đều là hạnh vô nhiễm; 3) Hạnh phá tan ma-diệt trừ phiền não; 4) Hạnh thị hiện giáo hóa vì chúng sinh; 5) Hạnh cứu giúp chúng sanh-mong cầu Đại quả; 6) Hạnh về sáu Độ-bốn Đẳng; 7) Hạnh về quên mình làm lợi ích cho người; 8) Tổng quát kết luận về thuyết giảng một phần ít trong phạm vi rất nhiều rộng.

Trong phần b từ “Trì chúng sinh thiện căn...” trở xuống là 133 tụng rưới tóm lược nêu ra Tướng sai biệt thuộc Đức của hạnh đức, toàn bộ phân làm hai: Một, Có 67 tụng trình bày dựa vào sự việc để biểu hiện về pháp, hiển bày về Tướng thù thắng của hạnh; Hai, Từ “Nhất thân

vô biên tế...” trở xuống là 66 tụng rưỡi trình bày về Dụng rộng lớn của hạnh.

Ngay trong phần một có mười lăm loại Tướng của hạnh:

1) Có tám tụng trình bày về hạnh thuộc cây-chim-thú thuyết pháp.

2) Từ “Sinh tử...” trở xuống có bốn tụng trình bày về hạnh thuộc dẫn dắt mê lầm và đối trị phiền não.

3) Từ “Bồ-tát vi Pháp Vương...” trở xuống có bốn tụng trình bày về hạnh thuộc pháp của Luân Vương.

4) Từ “Thâm thâm trí tuệ hải...” trở xuống có bốn tụng trình bày về hạnh thuộc biển rộng và Tu-di.

5) Từ “Thâm tâm...” trở xuống có bốn tụng trình bày về hạnh thuộc Kim Cang và làn mưa giáo pháp.

6) Từ “Bạch tịnh...” trở xuống có bốn tụng rưỡi trình bày về hạnh thuộc khu thành giáo pháp và chim cánh vàng.

7) Từ “Tịnh giới...” trở xuống có bốn tụng trình bày về hạnh thuộc mặt trời và mặt trăng chiếu rọi đến.

8) Từ “Tự tại...” trở xuống có bốn tụng phân rõ về hạnh thuộc Pháp Vương và Phạm chủ.

9) Từ “Viễn ly...” trở xuống có bốn tụng trình bày về hạnh thuộc lìa xa lỗi lầm và thành tựu đức.

10) Từ “Vô lượng phương tiện...” trở xuống có bốn tụng trình bày về hạnh thuộc bốn ngọc châu quý báu to lớn.

11) Từ “Bồ-tát công đức...” trở xuống có bốn tụng trình bày về hạnh thuộc hoa-hương-cột cao-tán che.

12) Từ “Bồ-tát Vô thượng...” trở xuống có bốn tụng trình bày về hạnh thuộc rồng-voi mong mỗi đèn sáng.

13) Từ “Bồ-tát công đức hà...” trở xuống có bốn tụng trình bày về hạnh thuộc sông-thuyền-rừng-thuốc.

14) Từ “Bồ-tát đẳng Như Lai...” trở xuống có sáu tụng trình bày về hạnh thuộc giống như quả Phật.

15) Từ “Bồ-tát tất thành...” trở xuống có bốn tụng rưỡi trình bày về hạnh thuộc chướng không còn-đức tròn vẹn.

Hạnh thù thắng là tóm lược nêu rõ để kết luận khuyến khích khiến cho lắng nghe. Phần về Tướng thù thắng của hạnh, xong.

Trong phần hai từ “Nhất thân vô biên tế...” trở xuống là 66 tụng rưỡi trình bày về Dụng rộng lớn của hạnh, phân làm mười hạnh:

1) Có sáu tụng trình bày về hạnh thuộc ba nghiệp sâu rộng.

2) Từ “Bồ-tát hiện như thị...” trở xuống có năm tụng rưỡi trình bày về hạnh cúng dường chư Phật tiếp nhận pháp Định-Tuệ.

3) Từ “Thị hiện chủng chủng...” trở xuống có bốn tụng trình bày về hạnh thực hành nghịch-thuận thành tựu đức đầy đủ.

4) Từ “Hoặc hiện Thanh văn...” trở xuống có năm tụng rưỡi trình bày về hạnh tùy theo chủng loại hiện thân khó mà suy nghĩ.

5) Từ “Hoặc tại Thiên cung...” trở xuống có tám tụng rưỡi trình bày về hạnh thuộc tám tướng nghĩ đến kiếp phù hợp với pháp.

6) Từ “Như thị tri chúng sinh...” trở xuống có bảy tụng trình bày về hạnh hiểu rõ căn khí và ham muốn của chúng sinh.

7) Từ “Bồ-tát nhất niệm trung...” trở xuống có bảy tụng rưỡi trình bày về hạnh thuộc thân-tâm nhanh chóng và Dụng rất sâu xa.

8) Từ “Do như nhân mộng...” trở xuống có sáu tụng rưỡi trình bày về hạnh thuộc Trí tuệ rộng lớn sâu xa vô cùng.

9) Từ “Quán sắc như tụ mật...” trở xuống có mười một tụng trình bày về hạnh thuộc Trí đức trọn vẹn sáng ngời soi chiếu các pháp.

10) Từ “Quảng đại thậm thâm...” trở xuống có năm tụng trình bày kết luận về hạnh thuộc đức thù thắng vô tận.

Dụng của đức là tóm lược nêu rõ để kết luận về những pháp đã thuyết giảng, chỉ bởi vì công thành tựu đức mà thiết lập hạnh bao gồm pháp giới, ý chỉ ấy sâu sắc, có lẽ nào có thể nói được hay sao? Tạm thời nêu ra một mảy trần mà nói, để phỏng theo nghĩa lý sâu xa vậy.

Phần c từ “Thường y Như Lai...” trở xuống là bốn mươi ba tụng chính thức tụng về tướng của hai ngàn pháp hạnh trước đây, trong đó tụng về sáu phần vị trước đây tức là sáu đoạn:

1) Có bốn tụng về hai trăm hạnh môn trong phần vị Thập Tín trước đây.

2) Từ “Nhất thiết diệu công đức...” trở xuống có bốn tụng về hai trăm hạnh môn trong phần vị Thập Trú trước đây.

3) Từ “Trú trì nhất thiết kiếp...” trở xuống có sáu tụng về ba trăm hạnh môn trong phần vị Thập Hạnh trước đây.

4) Từ “Kim cang diệu bảo trú...” trở xuống có sáu tụng về ba trăm hạnh môn trong phần vị Thập Hồi Hưởng trước đây.

5) Từ “Thanh tịnh thân thân nghiệp...” trở xuống có mười tụng về năm trăm hạnh môn trong phần vị Thập Địa trước đây.

6) Từ “Quán sát Thiện Thệ trí...” trở xuống có mười ba tụng về năm trăm hạnh môn trong phần vị Cửu Cánh nhân tròn vẹn-quả đầy đủ trước đây.



số 173 HOANG THIEM KINH PHAM HOYEN KY QUYEN

Phần đầu “Bồ tát tu phước hạnh” trở xuống là ba mươi tám tụng rưỡi tụng về văn kết luận khuyến khích tu học trước đây, trong đó phân ba: 1) Có một tụng tổng quát kết luận về những pháp đã thuyết giảng, nghĩa là kết luận về tên gọi hai ngàn hạnh trước đây mà nêu ra phần ít; 2) Từ “Vô lượng kiếp...” trở xuống có ba mươi ba tụng rưỡi riêng biệt kết luận về Dụng của đức; 3) Cuối cùng có bốn tụng kết luận về rộng lớn khuyến khích tu tập.

Ngay trong phần hai là riêng biệt, có hai: Trước là hai mươi một tụng rưỡi riêng biệt kết luận về Dụng rộng lớn của đức; sau từ “Tịnh thân...” trở xuống là mười hai tụng riêng biệt kết luận về đức thù thắng của hạnh.

Trong phần trước phân năm: 1) Có năm tụng rưỡi trình bày về tự tại đối với quốc độ; 2) Từ “Vô lượng Kim Cang sơn...” trở xuống có sáu tụng trình bày về ba nghiệp tự tại; 3) Từ “Quá khứ nhất thiết kiếp...” trở xuống có ba tụng trình bày về ba thế gian tự tại; 4) Từ “Thâm tri...” trở xuống có năm tụng trình bày về Thân Trí tự tại; 5) Từ “Thị hiện như thị...” trở xuống có hai tụng kết luận về tự tại vô tận.

Phần sau từ “Tịnh thân...” trở xuống có mười hai tụng riêng biệt kết luận về đức thù thắng của hạnh, trong đó phân ba: 1) Có sáu tụng rưỡi trình bày về binh khí-cung điện bảo báu của Luân Vương; 2) Từ “Đà-la-ni...” trở xuống có ba tụng rưỡi trình bày về rừng cây giếng nước- dạo chơi ngắm nhìn-đồ ăn thức uống-xe cộ đi lại; 3) Từ “Thử đấng...” trở xuống có hai tụng kết luận về các hạnh trên trải qua nhiều kiếp tu tập mà cảm được.

Trong phần ba là cuối cùng có bốn tụng, hai tụng trước kết luận về đức vô tận, hai tụng sau nêu ra lợi ích khuyến khích tu tập.

